

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN



Dự thảo
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ
ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Đắk Lắk, năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN I. KHÁI QUÁT.....	9
1. Đặt vấn đề.....	9
1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá.....	9
1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ tự đánh giá	10
2. Tổng quan chung	12
2.1. Khái quát về lịch sử phát triển trường Đại học Tây Nguyên	12
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	17
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	17
Tiêu chí 1.1 Mục tiêu của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.	17
Tiêu chí 1.2 Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành Chương trình đào tạo.	19
Tiêu chí 1.3 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.	22
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo.....	25
Tiêu chí 2.1 Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.....	25
Tiêu chí 2.2 Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật	28
Tiêu chí 2.3 Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận	30
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	33
Tiêu chí 3.1 Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra	33
Tiêu chí 3.2 Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.....	37
Tiêu chí 3.3 Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp	39
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	44
Tiêu chí 4.1 Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan	44

<i>Tiêu chí 4.2 Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.....</i>	<i>47</i>
<i>Tiêu chí 4.3 Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.....</i>	<i>50</i>
<i>Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học.....</i>	<i>54</i>
<i>Tiêu chí 5.1 Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.</i>	<i>54</i>
<i>Tiêu chí 5.2 Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.</i>	<i>57</i>
<i>Tiêu chí 5.3 Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.</i>	<i>60</i>
<i>Tiêu chí 5.4 Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập.</i>	<i>62</i>
<i>Tiêu chí 5.5 Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.....</i>	<i>65</i>
<i>Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....</i>	<i>68</i>
<i>Tiêu chí 6.1 Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	<i>68</i>
<i>Tiêu chí 6.2 Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	<i>73</i>
<i>Tiêu chí 6.3 Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.</i>	<i>75</i>
<i>Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá.</i>	<i>77</i>
<i>Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó</i>	<i>79</i>
<i>Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	<i>81</i>
<i>Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	<i>83</i>
<i>Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên</i>	<i>87</i>

<i>Tiêu chí 7.1 Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	<i>87</i>
<i>Tiêu chí 7.2 Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....</i>	<i>89</i>
<i>Tiêu chí 7.3 Năng lực đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá</i>	<i>91</i>
<i>Tiêu chí 7.4 Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó</i>	<i>93</i>
<i>Tiêu chí 7.5 Việc quản lý theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	<i>94</i>
<i>Tiêu chuẩn 8: Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học.....</i>	<i>97</i>
<i>Tiêu chí 8.1 Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật... </i>	<i>97</i>
<i>Tiêu chí 8.2 Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá</i>	<i>99</i>
<i>Tiêu chí 8.3 Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học</i>	<i>101</i>
<i>Tiêu chí 8.4 Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.</i>	<i>102</i>
<i>Tiêu chí 8.5 Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.....</i>	<i>105</i>
<i>Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị</i>	<i>108</i>
<i>Tiêu chí 9.1 Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....</i>	<i>109</i>
<i>Tiêu chí 9.2 Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	<i>111</i>
<i>Tiêu chí 9.3 Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....</i>	<i>113</i>
<i>Tiêu chí 9.4 Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	<i>115</i>

<i>Tiêu chí 9.5 Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.</i>	<i>118</i>
<i>Tiêu chuẩn 10.Nâng cao chất lượng.....</i>	<i>122</i>
<i>Tiêu chí 10.1 Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình.....</i>	<i>122</i>
<i>Tiêu chí 10.2 Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.....</i>	<i>124</i>
<i>Tiêu chí 10.3 Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.....</i>	<i>126</i>
<i>Tiêu chí 10.4 Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học..</i>	<i>129</i>
<i>Tiêu chí 10.5 Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.</i>	<i>131</i>
<i>Tiêu chí 10.6 Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....</i>	<i>133</i>
<i>Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.....</i>	<i>136</i>
<i>Tiêu chí 11.1 Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	<i>136</i>
<i>Tiêu chí 11.2 Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	<i>140</i>
<i>Tiêu chí 11.3 Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	<i>143</i>
<i>Tiêu chí 11.4 Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	<i>146</i>
<i>Tiêu chí 11.5 Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	<i>148</i>
Phần III. KẾT LUẬN	152
Phần IV. Phụ lục 7. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.....	169
Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đạo tạo ngành Điều dưỡng, Trường Đại học Tây Nguyên.....	184

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	KÝ HIỆU VIẾT TẮT	CHỮ ĐƯỢC VIẾT TẮT
1	ANTT	An ninh trật tự
2	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	BCN	Ban chủ nhiệm
4	CBVC	Cán bộ viên chức
5	CC	Công chức
6	CĐ	Cao đẳng
7	CĐR	Chuẩn đầu ra
8	CSDL	Cơ sở dữ liệu
9	CSVC	Cơ sở vật chất
10	CTDH	Chương trình dạy học
11	CTĐT	Chương trình đào tạo
12	CTSV	Công tác sinh viên
13	ĐCCT	Đề cương chi tiết
14	ĐGCL	Đánh giá chất lượng
15	ĐH	Đại học
16	ĐHTN	Đại học Tây Nguyên
17	ĐVSN	Đơn vị sự nghiệp
18	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
19	GDĐH	Giáo dục đại học
20	HCTH	Hành chính tổng hợp
21	HĐĐT	Hoạt động đào tạo
22	HĐLĐ	Hợp đồng lao động
23	HĐT	Hội đồng trường

STT	KÝ HIỆU VIẾT TẮT	CHỮ ĐƯỢC VIẾT TẮT
24	HV	Học viên
25	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
26	KH&ĐT	Khoa học và đào tạo
27	KH&HTQT	Khoa học và hợp tác quốc tế
28	KHCN	Khoa học công nghệ
29	KHXXH&NV	Khoa học xã hội và nhân văn
30	KT-XH	Kinh tế xã hội
31	NCKH	Nghiên cứu khoa học
32	NCS	Nghiên cứu sinh
33	NCV	Nghiên cứu viên
34	NH	Người học
35	NLĐ	Người lao động
36	NN	Nhà nước
37	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
38	PGS.TS	Phó giáo sư Tiến sĩ
39	PPGD	Phương pháp giảng dạy
40	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
41	QLCL	Quản lý chất lượng
42	SV	Sinh viên
43	TCCB	Tổ chức cán bộ
44	TDTT	Thể dục thể thao
45	THPT	Trung học phổ thông
46	TLGD	Triết lý giáo dục
47	TP HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
48	TS	Tiến sĩ

STT	KÝ HIỆU VIẾT TẮT	CHỮ ĐƯỢC VIẾT TẮT
49	VC	Viên chức

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1.1 Tỷ lệ phần trăm các khối kiến thức, kỹ năng, các học phần bắt buộc trong cấu trúc CTĐH.....	34
Bảng 6.1.1 Thống kê số liệu quy hoạch đội ngũ GV Khoa Y Dược trong giai đoạn 2017-2021	70
Bảng 6.1.2 Thống kê GV Khoa Y Dược năm 2020-2021	71
Bảng 6.7.1 Sản phẩm NCKH của GV Khoa Y Dược trong các năm	85
Bảng 8.1.1 Tình hình tuyển sinh của ngành Cử nhân Điều dưỡng- Khoa Y Dược trong giai đoạn từ 2017 – 2021.....	98
Bảng 11.1.1 Bảng đối sánh số lượng SV Điều dưỡng tốt nghiệp giai đoạn 2017-2020.....	138
Bảng 11.1.2 Bảng đối sánh số lượng SV Điều dưỡng buộc thôi học giai đoạn 2016-2020.....	139
Bảng 11.3.1 Bảng đối sánh tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp	145

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Tự đánh giá (TĐG) chương trình đào tạo (CTĐT) đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá thực trạng công tác đào tạo, phân tích các ưu khuyết điểm của các yếu tố phục vụ CTĐT, từ đó sẽ đưa ra các cải tiến và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động.

Để thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng chất lượng đào tạo năm 2020 khoa Y Dược đã đăng ký TĐG CTĐT Điều dưỡng trong quy trình kiểm định chất lượng đào tạo do Bộ giáo dục và đào tạo (BGD&ĐT) quy định. Việc đánh giá một cách khách quan, toàn diện thực trạng đào tạo, các điểm mạnh và điểm tồn tại của CTĐT ngành Điều dưỡng hiện tại giúp cho Khoa và Nhà trường nhận thức rõ những điểm tốt và chưa tốt để từ đó đưa ra kế hoạch hành động, điều chỉnh và khắc phục để đạt theo chuẩn hiện hành và phù hợp với mục tiêu chiến lược của trường Đại học Tây Nguyên.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT Điều dưỡng được chia làm 4 phần:

Phần I: Khái quát tóm tắt về báo cáo tự đánh giá, mô tả chung về trường đại học Tây Nguyên và khoa Y Dược.

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với năm tiêu mục: (1) Mô tả, (2) Điểm mạnh, (3) Điểm tồn tại, (4) Kế hoạch hành động, và (5) Tự đánh giá

Phần III: Kết luận: tóm tắt những điểm mạnh, điểm tồn tại, kế hoạch hành động, tổng hợp kết quả tự đánh giá của CTĐT.

Phần IV: Phần phụ lục bao gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các văn bản, quyết định liên quan và danh mục minh chứng.

Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Điều dưỡng được thực hiện theo 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí của công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục quản lý chất lượng. Các tiêu chuẩn đầu của báo cáo tập trung vào CTĐT và hoạt động đào tạo, gồm có: tiêu chuẩn 1 (Mục tiêu và CĐR), tiêu chuẩn 2 (Bản mô tả CTĐT), tiêu chuẩn 3 (Cấu trúc, nội dung chương trình dạy học), tiêu chuẩn 4 (Phương pháp tiếp cận trong

dạy và học), tiêu chuẩn 5 (Đánh giá kết quả học tập của người học). Tiêu chuẩn 6 và 7 liên quan đến đội ngũ giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên. Tiêu chuẩn 8 tự đánh giá đến người học và các hoạt động hỗ trợ người học. Tiêu chuẩn 9 tập trung vào tự đánh giá về cơ sở vật chất. Tiêu chuẩn 10 đánh giá về nâng cao chất lượng CTĐT và tiêu chuẩn 11 liên quan đến đánh giá kết quả đầu ra của CTĐT.

Mỗi tiêu chuẩn, được báo cáo và tự đánh giá dựa theo các minh chứng thu thập và mã hóa. Cách mã hóa minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi 11 ký tự theo công thức: Hn.ab.cd.ef, trong đó:

- H: viết tắt cho “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong một hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến 11 tương ứng với 11 tiêu chuẩn
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 5 viết 05)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và MC thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...). Ví dụ H1.01.01.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1 được đặt ở hộp 1.

1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ tự đánh giá

Mục đích tự đánh giá:

TĐG ngành Điều dưỡng thực hiện theo các tiêu chuẩn đánh giá được quy định của BGD&ĐT nhằm mục tiêu cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT và tiến đến đăng ký kiểm định chất lượng. Thông qua quá trình TĐG, Nhà trường sẽ rà soát, xem xét, đánh giá toàn diện thực trạng của CTĐT, phân tích các điểm mạnh, điểm tồn của chất lượng đào tạo, hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên và nhân viên hỗ trợ, và các hoạt động liên quan nhằm điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo để đạt được yêu cầu về chất lượng theo tiêu chuẩn chung của BGD&ĐT, đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, đồng thời phù hợp với mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường.

Quy trình tự đánh giá:

Quy trình TĐG được thực hiện theo hướng dẫn của 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục quản lý chất lượng, BGD&ĐT, gồm các bước như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành Điều dưỡng

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT

Bước 3: Thu thập, phân tích và xử lý thông tin và minh chứng

Bước 4: Viết báo cáo TĐG

Bước 5: Lưu trữ và sử dụng báo cáo TĐG

Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG

Phương pháp tự đánh giá:

Dựa theo hướng dẫn của từng tiêu chuẩn và tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GHĐH theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT. Đối với mỗi tiêu chí, việc tự đánh giá được thực hiện theo trình tự sau:

- Mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT, phân tích, so sánh đối chiếu để chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại để đi đến cho từng tiêu chí.
- Lập kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.
- Tự đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí và kết luận về các tiêu chuẩn.

Công cụ tự đánh giá:

Công cụ tự đánh giá được thực hiện dựa trên 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí của Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục quản lý chất lượng, BGD&ĐT.

Phạm vi đánh giá:

Báo cáo tự đánh giá được thực hiện trên chương trình đào tạo Điều dưỡng của trường Đại học Tây Nguyên giai đoạn 2017-2021.

Sự tham gia của các bên liên quan trong hoạt động TĐG:

Để hoàn thành đúng tiến độ báo cáo TĐG CTĐT Điều dưỡng với kết quả chất lượng và khách quan, Nhà trường đã huy động sự tham gia của nhiều bên liên quan gồm: Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách, Khoa Y Dược, Phòng Quản

lý chất lượng, các phòng ban liên quan, trung tâm thông tin, thư viện, quản lý ký túc xá, các tổ chức đoàn thể trong trường. Bên cạnh đó, các nhà tuyển dụng, cựu SV, SV từ năm thứ nhất đến năm thứ tư, các tổ chức và cá nhân liên quan đến hoạt động của Nhà trường cũng được mời tham gia vào quá trình TĐG.

2. Tổng quan chung

2.1. Khái quát về lịch sử phát triển trường Đại học Tây Nguyên

Trường Đại học Tây Nguyên (ĐHTN) được thành lập năm 1977 theo Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ. Với sứ mạng: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển KT-XH của vùng Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung. Trường ĐHTN đã đóng góp đáng kể vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh Tây Nguyên. Nhà trường đã đào tạo cho các địa phương Tây Nguyên và cho đất nước hơn 25.000 bác sĩ, cử nhân, kỹ sư các ngành: Y khoa, Sư phạm, Công nghệ thông tin, Nông - Lâm nghiệp, Kinh tế, Giáo dục chính trị... Nhiều người trong số họ đã giữ các cương vị chủ chốt trong các hoạt động lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, các cơ sở sản xuất và cơ quan, đơn vị khoa học kỹ thuật của các tỉnh Tây Nguyên và nhiều vùng trong cả nước.

Khi mới thành lập Nhà trường chỉ có 04 khoa chuyên môn và 06 ngành đào tạo (Chăn nuôi thú y, Lâm sinh, Trồng trọt, Sư phạm Toán, Sư phạm Văn và Y khoa) với đội ngũ 98 cán bộ, giảng viên và 215 sinh viên. Sau hơn 40 năm xây dựng và phát triển, tính đến hết tháng 10/2021, tổng số cán bộ viên chức toàn trường là 655 người, trong đó có 01 giáo sư, 17 phó giáo sư, 77 tiến sĩ, 305 thạc sĩ, 3 bác sĩ chuyên khoa II, 8 bác sĩ chuyên khoa I, 190 đại học, 64 cao đẳng và dưới cao đẳng. Hiện tại, Nhà trường đang đào tạo 05 chuyên ngành tiến sĩ, 11 ngành thạc sĩ, 01 ngành chuyên khoa cấp I, 36 chuyên ngành đại học, với quy mô gần 10.000 người học (NH).

Với những thành tựu đạt được, Trường ĐHTN đã được tặng nhiều danh hiệu cao quý như: Huân chương lao động hạng Ba (năm 1985), Huân chương lao động hạng Nhì (năm 1997), Huân chương lao động hạng Nhất (năm 2007), Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2012) và nhiều Bằng khen của Hội đồng Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, ...

Tầm nhìn: “Đến năm 2030, Trường ĐHTN là trường đại học đào tạo đa lĩnh vực, có uy tín, chất lượng; là trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ mang tầm quốc gia trong các lĩnh vực: Y tế, Giáo dục, Nông – Lâm nghiệp, Môi trường, Kinh tế, Tự nhiên và Xã hội; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội”.

Sứ mạng: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc”.

Giá trị cốt lõi: “Sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học; Chất lượng giáo dục là mục tiêu hàng đầu; Hội nhập và hợp tác quốc tế là giá trị cho sự phát triển”.

Mục tiêu chiến lược: “Xây dựng đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao, CSVC hiện đại, CTĐT tiên tiến; Không ngừng hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa hoạt động quản trị Nhà trường; Kết quả đào tạo, NCKH đáp ứng yêu cầu của thị trường; Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc”.

Triết lý giáo dục: ”Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học”.

Về cơ cấu tổ chức: Bộ máy tổ chức Nhà trường gồm có Đảng uỷ, Ban giám hiệu (BGH), Hội đồng trường (HĐT), 10 phòng chức năng, 11 đơn vị đào tạo, 03 trung tâm phục vụ đào tạo, 02 đơn vị nghiên cứu, đào tạo, 03 đơn vị thực hành và 01 Tạp chí chuyên ngành có chỉ số ISSN. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (TN CSHCM), Hội sinh viên, Hội cựu sinh viên và Hội cựu chiến binh luôn được tạo điều kiện hoạt động và tạo mối quan hệ gắn kết, và môi trường làm việc học tập thân thiện.

Về chương trình đào tạo: Nhà trường thường xuyên cập nhập thay đổi CTĐT dựa trên việc đối sánh chương trình của các trường trong nước và trên thế giới, có sự đối sánh với chuẩn nghề nghiệp theo quy định của từng Bộ, Ngành, đồng thời lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan để có mối quan hệ gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp. Các học phần liên quan đến kỹ năng cũng được Nhà trường đưa vào chương trình dạy học như: Kỹ năng khởi nghiệp, Kỹ năng mềm, Kỹ năng giao tiếp... Các phương pháp dạy học tích cực được áp dụng thường xuyên để nâng cao kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy logic và xử lý tình huống của người học.

Về cơ sở vật chất: Với tổng diện tích 396.927,7 m², trong đó Nhà trường đã xây dựng 98.263,2 m² phục vụ đào tạo và Nghiên cứu khoa học (NCHK). Nhà trường đã thực hiện việc xây dựng các kế hoạch chiến lược dài hạn, trung hạn và ngắn hạn liên quan đến việc đầu tư cơ sở vật chất theo hướng hiện đại hóa để đáp ứng với yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học. Ngoài tòa nhà điều hành trung tâm, các giảng đường, Nhà trường còn xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm có liên kết, đồng bộ phù hợp với từng chuyên ngành. Viện công nghệ sinh học và môi trường được đầu tư các máy móc hiện đại để phục vụ nghiên cứu chuyên sâu; các trung tâm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, bệnh viện thực hành, trạm xá thú y... để đáp ứng nhu cầu thực hành, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng.

Về quan hệ hợp tác quốc tế: Trường ĐHTN đã triển khai hơn 32 dự án quốc tế. Các dự án này đã đóng góp lớn cho việc nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu của đội ngũ giảng viên, đồng thời gia tăng hoạt động hỗ trợ cộng đồng như chuyển giao công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất, thu nhập cho người dân địa phương đặc biệt là người đồng bào dân tộc thiểu số. Nhà trường đã thực hiện ký kết 18 biên bản hợp tác và ghi nhớ với đối tác quốc tế là các trường, viện nghiên cứu hàng đầu của các nước có trình độ KHCN tiên tiến, hiện đại như Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Hà Lan... Đặc biệt, từ năm 2008, trường đã tiếp nhận đào tạo, hướng dẫn thực tập cho SV nước ngoài như: Lào, Mexico, Pháp, Đức, Hàn Quốc...

Về công tác đảm bảo chất lượng: Nhà trường đã đăng ký kiểm định cơ sở giáo dục và đã tiến hành đánh giá ngoài vào tháng 05/2019 và nhận được kết quả đạt chất lượng kiểm định vào 27/20/2020. Đây là hành động thiết thực để khẳng định sự quan tâm về chất lượng và công tác kiểm định của Nhà trường. Các quy trình của hệ thống đảm bảo chất lượng được quy định rõ ràng, hướng dẫn đầy đủ để tạo sự thống nhất, liên mạch và đạt được yêu cầu, mục tiêu kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo do Bộ GD&ĐT quy định.

2.2 Giới thiệu về Khoa Y Dược

Được ra đời từ những ngày đầu thành lập trường ĐHTN, với bề dày lịch sử hơn 40 năm phát triển, Khoa Y Dược luôn nỗ lực để xây dựng kế hoạch phát triển phù hợp mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường. Hiện nay, Khoa đang đào tạo 02 chương

trình sau đại học: Thạc sĩ Y sinh, Chuyên khoa I Nội tổng quát và 03 chương trình đại học: Y khoa, Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học.

Với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao đáp ứng với nhu cầu ngày càng cao của xã hội và phục vụ cho hệ thống y tế của cả nước, Khoa Y Dược đã trở thành trung tâm đào tạo Bác sĩ hàng đầu của khu vực Tây Nguyên, đào tạo hàng ngàn bác sĩ cho khu vực và cả nước. Khoa Y Dược trường Đại học Tây Nguyên đã và đang nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực nghiên cứu khoa học và phục vụ nhân dân trong lĩnh vực sức khỏe, là địa chỉ đáng tin cậy và là lựa chọn ưu tiên của người học. Điều này thể hiện qua tỉ lệ tuyển sinh của Khoa luôn ở mức cạnh tranh cao so với các ngành khác trong Nhà trường và so với các trường đào tạo về sức khỏe trong khu vực.

Khoa Y Dược được hoạt động theo quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường ĐHTN, gồm có: 01 trưởng khoa phụ trách chung, 2 phó khoa phụ trách về đào tạo đại học, đào tạo sau đại học, nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất, quản lý sinh viên (SV) và các hoạt động hỗ trợ cho chương trình đào tạo. Hiện tại, Khoa đang có 18 bộ môn để quản lý về hành chính và chuyên môn của các môn học liên quan đến cơ sở ngành và chuyên ngành. Từ ngày đầu thành lập, Khoa chỉ có 5 bác sĩ, giảng viên giảng dạy, lực lượng chủ yếu là giảng viên thỉnh giảng từ Trường Đại học Y Hà Nội, Đại học Y Dược TP HCM và Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên. Đến nay, Khoa Y Dược có 112 cán bộ, trong đó có 03 PGS.TS, 05 tiến sĩ, 48 thạc sĩ, 02 bác sĩ chuyên khoa cấp II, 07 bác sĩ chuyên khoa cấp I, 47 bác sĩ, cử nhân, 07 trung cấp/sơ cấp. Như vậy, số lượng giảng viên có trình độ sau đại học chiếm trên 57%. Hiện nay nhiều giảng viên đang tham gia học sáu đại học trong và ngoài nước, nhiều kỹ thuật viên học lên bằng cử nhân, cán bộ trẻ hầu hết đều quy hoạch đi học trong vòng 1 đến 2 năm kể từ lúc bắt đầu làm việc tại trường. CTĐT được xây dựng theo khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu năng lực của người học cần đạt được khi tốt nghiệp trình độ đại học ngành Y khoa, đồng thời gắn với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động và xu thế phát triển của nhân lực ngành Y trong nước và trong khu vực. CTĐT theo tín chỉ giúp người học có thể lựa chọn các môn học phù hợp với năng lực của mình và định hướng các môn tự chọn theo yêu cầu nghề nghiệp tương lai.

Với mục tiêu tạo môi trường học tập tốt nhất cho sinh viên, công tác quản lý và hỗ trợ cũng được Khoa quan tâm hàng đầu. Trưởng khoa giao trách nhiệm cho một phó khoa phụ trách trực tiếp và 02 trợ lý chuyên trách để giải quyết và tư vấn các vấn đề liên

quan đến học tập và đời sống của sinh viên. Ngoài ra, hệ thống cố vấn học tập thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt lớp và có những hướng dẫn phù hợp như thời gian biểu học tập, tư vấn hướng nghiệp để sinh viên yên tâm học tập và định hướng các chế độ hỗ trợ như học bổng, tài trợ, các chương trình khởi nghiệp.

Để CTĐT Điều dưỡng có trình độ đáp ứng với nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế, Khoa đã liên kết và tham gia vào nhiều dự án do nước ngoài đầu tư như dự án Việt Nam – Hà Lan, dự án Pathfinder, dự án Mẹ em, và gần đây nhất là Dự án One-health và Dự án hợp tác giáo dục đại học Việt Nam – Vương Quốc Anh. Các giảng viên tham gia học tập tại nước ngoài cũng là cầu nối để thực hiện việc liên kết khoa học và quan hệ quốc tế. Các chương trình, dự án này đã và đang đóng góp đáng kể cho Khoa về cơ sở vật chất, cải thiện chương trình và phương pháp đào tạo, nâng cao chất lượng giảng viên và phối hợp nghiên cứu khoa học.

Qua quá trình hoạt động, Khoa Y Dược đã nhận được nhiều bản khen của BGD&ĐT, Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Đặc biệt trong giai đoạn Covid-19 bùng phát, nhiều giảng viên, SV đã tham gia tích cực công tác phòng chống dịch tại địa phương và các tỉnh phía Nam. Tập thể Khoa, các tình nguyện viên đã được nhận giấy khen về việc tham gia vào công tác phòng, chống dịch.

Thông qua công tác viết báo cáo TĐG và thu thập minh chứng, tiếp thu ý kiến của chuyên gia và chỉ đạo trực tiếp từ Lãnh đạo trường, Khoa đã tổng kết được những điểm mạnh, điểm tồn tại của hoạt động và chương trình đào tạo đồng thời làm căn cứ để đưa ra các kế hoạch hành động phù hợp nhằm cải tiến chất lượng đào tạo Điều dưỡng.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Trường ĐHTN là Trường đầu tiên của khu vực Tây Nguyên đào tạo ngành Y tế theo Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng chính phủ. Với kinh nghiệm đào tạo ngành Y đa khoa, và để đảm bảo sứ mạng đào tạo nhân lực ngành y tế phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Tây Nguyên, năm 2004 Trường đã tiến hành đào tạo ngành Điều dưỡng. Hiện nay, Nhà trường và Khoa Y Dược có đội ngũ cán bộ chuyên ngành điều dưỡng ở trình độ cao; mục tiêu của CTĐT được thiết kế cụ thể và thuận tiện cho việc xây dựng các CĐR, bám sát, phù hợp với yêu cầu thực tế, sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường. CTĐT ngành Điều dưỡng thể hiện được CĐR dành cho SV tốt nghiệp và bao trùm được các CĐR liên quan tới kiến thức và kỹ năng, thái độ. Đồng thời, CĐR của CTĐT ngành Điều dưỡng phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và được công bố công khai. [H1.01.01.01], [H1.01.01.02].

Tiêu chí 1.1 Mục tiêu của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của CTĐT ngành Điều dưỡng có cấu trúc và nội dung rõ ràng bao gồm các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, ban hành theo Quyết định về việc ban hành CTĐT ngành Điều dưỡng của Nhà trường. Mục tiêu chung của CTĐT được xác định rõ ràng là: “đào tạo cử nhân điều dưỡng có năng lực thực hành nghề nghiệp theo pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và năng lực nghề nghiệp điều dưỡng ở trình độ đại học; có ý thức phục vụ nhân dân; có sức khỏe và năng lực tư duy; làm việc độc lập và phối hợp, phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, có khả năng tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên ngành điều dưỡng, nghiên cứu khoa học và tự học vươn lên”. Mục tiêu cụ thể của CTĐT gồm 4 nhóm: mục tiêu về kiến thức; kỹ năng, thái độ; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; trình độ ngoại ngữ, tin học. Mười tám mục tiêu cụ thể đã được đối sánh với CĐR và năng lực điều dưỡng và được thể hiện qua ma trận kỹ năng. [H1.01.01.03], [H1.01.01.04].

Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Điều dưỡng gắn với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. Sứ mạng của Trường Đại học Tây Nguyên đã được xác định là “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự phát triển kinh tế-xã hội, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc”. Tầm nhìn của Trường Đại học Tây Nguyên được xác định là: “Đến năm 2030, Trường Đại học Tây Nguyên là trường đại học đào tạo đa lĩnh vực, có uy tín, chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mang tầm quốc gia trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, nông – lâm nghiệp, môi trường, kinh tế, tự nhiên và xã hội; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu của xã hội”, được xác định tại Quyết định số 132/QĐ-ĐHTN ngày 18/12/2019 về việc Ban hành “Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi” của Trường Đại học Tây Nguyên [H1.01.01.05], [H1.01.01.06].

Mục tiêu CTĐT ngành Điều dưỡng của Trường ĐHTN cũng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ ĐH quy định tại Luật GDĐH năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) quy định mục tiêu của giáo dục đại học và mục tiêu của đào tạo trình độ đại học như sau: đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”. Tất cả các mục tiêu này đều được phản ánh trong mục tiêu đào tạo của ngành Điều dưỡng. Hơn nữa, CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo hướng hiện đại hóa, phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động, đáp ứng nhu cầu xã hội dựa trên yêu cầu thực tế và khảo sát ý kiến của các bên liên quan [H1.01.01.04], [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.9].

Những năm gần đây, công tác cập nhật CTĐT ngành Điều dưỡng được Khoa Y Dược phối hợp Phòng QLCL thực hiện theo đúng qui định của Nhà trường, cụ thể Khoa Y Dược tiến hành khảo sát ý kiến của GV, SV năm cuối, cựu SV và nhà tuyển dụng về CTĐT. Thông qua kết quả khảo sát đã một phần phản ánh nhu cầu thị trường lao động của ngành. Kết quả cũng là cơ sở để chỉnh sửa, bổ sung và cập nhật CTĐT ngày càng phù hợp hơn với mục tiêu đào tạo NH [H1.01.01.09], [H1.01.01.10].

Trong xu thế đổi mới, nâng cao giáo dục đào tạo của nhà Trường nói chung và Khoa Y Dược cũng như ngành đào tạo Điều dưỡng nói riêng, nhằm đảm bảo và củng cố

thêm cho việc xây dựng mục tiêu của CTĐT ngành Điều dưỡng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở GDĐH, phù hợp với mục tiêu của GDĐH và sự phát triển của xã hội vào ngày 27 tháng 10 năm 2020, Trường ĐH Tây Nguyên đã được cấp giấy chứng nhận KĐCLGD, khẳng định Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục [H1.01.01.11].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành Điều dưỡng được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHTN. Mục tiêu của CTĐT cũng thể hiện tính đặc thù của NH sau khi tốt nghiệp. Đồng thời, phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH.

3. Điểm tồn tại

Công tác khảo sát nhu cầu của thị trường lao động, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về mục tiêu CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022 và 5 năm tiếp theo hai năm một lần, Khoa Y Dược phối hợp với Phòng QLCL tiến hành khảo sát lấy ý kiến của các các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng về CTĐT ngành Điều dưỡng một cách đầy đủ, đa dạng hóa hình thức khảo sát ý kiến nhằm tăng số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT.

Khoa Y Dược tiếp tục thường xuyên tổ chức đánh giá, rà soát mục tiêu của CTĐT định kỳ 2 năm một lần, nhằm bổ sung, điều chỉnh theo hướng ngày càng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHTN, với Luật GDĐH và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu xã hội.

5. Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 1.2 Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành Chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành Điều dưỡng bậc đại học đã được Trường ĐHTN ban hành vào năm 2014. Tuy nhiên, đến tháng 12 năm 2018, CĐR được ban hành trong CTĐT ngành Điều dưỡng sau bốn năm cập nhật và bổ sung. CĐR mô tả rõ ràng các tiêu chí về kiến thức,

kỹ năng, thái độ phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR được ban hành trong CTĐT năm 2018 gồm 18 CĐR, trong đó 08 CĐR về kiến thức, 07 CĐR về kỹ năng và 03 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Các CĐR đều được xây dựng bắt đầu bằng động từ thể hiện năng lực theo cấp độ thang bloom, thể hiện được năng lực yêu cầu với một cử nhân tốt nghiệp ngành Điều dưỡng. Hơn nữa, CTĐT đã xây dựng ma trận tích hợp giữa CĐR và mục tiêu của CTĐT rất rõ ràng [H1.01.02.01], [H1.01.02.02].

Về kiến thức, CĐR của CTĐT ngành Điều dưỡng bậc đại học bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học (NH) cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể, CĐR của CTĐT được xây dựng hướng đến trang bị cho SV các kiến thức về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, hiểu biết về cấu tạo và chức năng hệ thống cơ thể người từ đó nhận định về tình trạng sức khỏe, bệnh tật vận dụng được các nguyên lý chăm sóc điều dưỡng, các quy trình kỹ thuật điều dưỡng từ cơ bản đến chuyên khoa, lập kế hoạch chăm sóc và phòng bệnh trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT ngành Điều dưỡng còn trang bị cho SV các kiến thức chung áp dụng được các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Hơn nữa, bảng ma trận tích hợp giữa CĐR và mục tiêu của CTĐT thể hiện rõ kiến thức chung, kiến thức chuyên môn, kỹ năng chung, kỹ năng chuyên môn, năng lực tự chủ và trách nhiệm của NH đạt được khi tốt nghiệp [H1.01.02.01], [H1.01.02.02].

Mặt khác, CĐR của CTĐT ngành Điều dưỡng còn xác định rõ ràng năng lực và trách nhiệm của NH tuân thủ đúng các qui định của ngành y tế và đạo đức nghề nghiệp đảm bảo chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam được Bộ Y tế ban hành theo Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 24/04/2012 [H1.01.02.02], [H1.01.02.03].

CĐR của CTĐT ngành Điều dưỡng thể hiện đầy đủ, rõ ràng các tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ và đặc biệt CĐR của CTĐT được Khoa Y Dược tiến hành cập nhật, điều chỉnh và bổ sung theo hướng dẫn chung của Nhà trường và bám sát sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường. Đồng thời, dựa trên các kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT như SV sắp tốt nghiệp và cựu SV, nhà tuyển dụng ... Các báo cáo phân tích từ kết quả khảo sát này đã góp phần cho công tác xây dựng CTĐT ngày càng hoàn thiện và sát hơn với CĐR đáp ứng quy định của ngành y tế và sự phát

triển của xã hội. Các kết quả khảo sát và CDR của CTĐT đều được công bố rộng rãi trên website của Trường [H1.01.01.06], [H1.01.02.04], [H1.01.02.05], [H1.01.02.06].

2. Điểm mạnh

- CDR của CTĐT ngành Điều dưỡng được xác định rõ ràng và cập nhật theo các văn bản quy định của BGD&ĐT và chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam do Bộ Y tế quy định.

- CDR của CTĐT ngành Điều dưỡng xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Việc cập nhật, điều chỉnh CDR của CTĐT ngành Điều dưỡng bước đầu đã tiến hành theo hướng dẫn của Nhà trường. Tuy nhiên, công tác khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan thực hiện cho Khoa Y Dược nói chung gồm cả ngành Y khoa, xét nghiệm, chưa đảm bảo chuyên biệt cho ngành Điều dưỡng. Do đó, số lượng tham gia các khảo sát chưa đủ đảm bảo kết quả khảo sát hiệu quả cho ngành Điều dưỡng.

Bên cạnh đó, là ngành đào tạo thuộc khối ngành sức khỏe nên luôn phải chuẩn hóa theo khung trình độ quốc gia và chuẩn năng lực của ngành Y tế, đồng thời phải phù hợp với yêu cầu xã hội và tiến dần đến chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, CDR của CTĐT trình độ ĐH hiện nay của ngành Điều dưỡng còn chưa tiệm cận chuẩn quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022 và 5 năm tiếp theo hai năm một lần, Khoa Y Dược phối hợp với Nhà trường thực hiện lấy ý kiến, khảo sát các bên liên quan đối với ngành Điều dưỡng. Đảm bảo số lượng NH, SV và nhà tuyển dụng... đủ lớn để thu được kết quả tin cậy làm căn cứ góp phần cho công tác xây dựng CTĐT ngày càng hoàn thiện và sát hơn với CDR đáp ứng quy định của ngành y tế, BGD&ĐT và sự phát triển của xã hội.

Tiến hành rà soát, cập nhật CDR của CTĐT ngành Điều dưỡng phù hợp với đặc trưng kinh tế - văn hóa - xã hội của khu vực Tây Nguyên cần bám sát với khung trình độ quốc gia và chuẩn năng lực của ngành Điều dưỡng nói riêng và Y tế nói chung, từ đó, dần hướng đến chuẩn quốc tế.

5. Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 1.3 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành Điều dưỡng được ban hành năm 2018 sau bốn năm ban hành CTĐT đầu tiên khóa năm 2004. Trải qua quá trình đào tạo Khoa Y Dược luôn phối hợp cùng Nhà trường tham khảo yêu cầu của các bên liên quan để làm căn cứ xây dựng CĐR cho CTĐT ngành Điều dưỡng. Năm 2016 và những năm tiếp theo cứ hai năm một lần, Nhà trường ban hành văn bản quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần có nêu rõ yêu cầu phải thực hiện khảo sát của các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CTĐT cũng như CĐR của CTĐT. Trong quá trình xây dựng CĐR của CTĐT ngành Điều dưỡng Khoa Y Dược đã căn cứ vào sứ mạng và mục tiêu đào tạo chung của Trường Đại học Tây nguyên; Chương trình khung GDDH - khối ngành khoa học sức khỏe, ngành đào tạo: điều dưỡng; trình độ: đại học chính quy ban hành kèm theo thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 24/4/2012 của Bộ Y tế; Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y (Điều 6 khoản 1). Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT ngành Điều dưỡng cũng tham khảo của một số trường đại học uy tín ở Việt Nam như CTĐT ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Y Dược Hà Nội, Trường ĐH Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH Y Dược Huế và Trường ĐH Điều dưỡng Nam Định [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H1.01.03.01], [H1.01.02.03], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03], [H1.01.03.04], [H1.01.03.05], [H1.01.03.06], [H1.01.03.07].

Ngoài ra, Phòng QLCL phối hợp với Khoa Y Dược khảo sát ý kiến các bên liên quan như GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng về CTĐT, CĐR của CTĐT cũng như nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT và sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT, CĐR của CTĐT cũng như ĐCCT học phần. Ngoài việc dựa vào những khảo sát nêu trên, Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa Y Dược còn dựa trên một số khảo sát tương tự của Nhà trường với các bên liên quan về CTĐT như NH đánh giá chất lượng đào tạo, đánh giá về các môn học trong CTĐT; cựu SV và nhà tuyển dụng đánh giá về CTĐT. Trên cơ sở đề xuất một bản danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội, CĐR ngành Điều dưỡng đã được Hội đồng chuyên môn cấp Khoa, cấp Trường thông

qua, nghiệm thu và được Trường phê chuẩn, ra quyết định thực hiện [H1.01.01.09], [H1.01.02.05], [H1.01.03.08].

Sau khi Nhà trường có quyết định ban hành, CĐR của CTĐT Ngành Điều dưỡng được công bố công khai tới các bên liên quan gồm cán bộ, GV, NH và nhà tuyển dụng thông qua nhiều hình thức: website của Nhà trường, của Khoa, trên bảng tin của Khoa, tài liệu tư vấn tuyển sinh, các tờ rơi quảng bá tuyển sinh, sổ tay SV, sổ tay CVHT. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa phổ biến đến SV về CĐR của CTĐT tại Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học. Ngoài ra, tại buổi học đầu tiên, GV bộ môn phổ biến đến SV đề cương học phần, trong đó có CĐR của học phần. Các biên bản họp và các tài liệu về hoạt động rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành Điều dưỡng được lưu trữ ở Phòng Đào tạo và Khoa Y Dược [H1.01.02.06], [H1.01.03.09], [H1.01.03.10], [H1.01.03.11].

2. Điểm mạnh

- CĐR của CTĐT ngành Điều dưỡng được xây dựng, rà soát, cập nhật có tham khảo các ý kiến phản hồi từ cựu SV, đặc biệt là các nhà tuyển dụng cũng như nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT nên đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

- CĐR của CTĐT ngành Điều dưỡng được thể hiện trong CTĐT, bản mô tả CTĐT được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau để các bên liên quan có thể tiếp cận một cách dễ dàng.

3. Điểm tồn tại

CĐR của CTĐT ngành Điều dưỡng bước đầu đã tiến hành rà soát, cập nhật và bổ sung dựa trên kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan và đảm bảo quy trình hướng dẫn của Nhà trường. Tuy nhiên, việc điều chỉnh CĐR ở các năm trước đây chưa được thực hiện triệt để, chưa đảm bảo định kỳ 2 năm một lần mà chỉ mới hoàn thiện từ năm 2020.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT định kỳ ít nhất 2 năm một lần. Đồng thời có bộ phận kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hơn để đảm bảo việc thực hiện đúng theo yêu cầu, tiến độ.

Khoa Y Dược đẩy mạnh hơn nữa việc thỏa thuận hợp tác với các đơn vị đang sử dụng và có nhu cầu sử dụng SV tốt nghiệp ngành Điều dưỡng để bám sát hơn nữa thị trường lao động, đáp ứng hơn nữa nhu cầu của các bên liên quan trong quá trình điều chỉnh, cập nhật CĐR của CTĐT.

5. Tự đánh giá: 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành Điều dưỡng đã xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHTN, phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH. CĐR của CTĐT được thiết kế tương ứng, đáp ứng yêu cầu của xã hội thông qua việc trang bị cho người học kiến thức ngành; năng lực và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp; kỹ năng giao tiếp và thực hành nghề nghiệp.

CĐR của CTĐT ngành Điều dưỡng được xác định cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp. CĐR của CTĐT ngành Điều dưỡng được xây dựng, rà soát, cập nhật đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan; có tiếp thu ý kiến phản hồi từ cựu SV, các nhà tuyển dụng về CTĐT, cũng như nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT trong quá trình điều chỉnh CĐR của CTĐT. Và tất cả thông tin trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh đều công bố công khai trên nhiều hình thức khác nhau.

Tuy nhiên, số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành Điều dưỡng cũng như CĐR của CTĐT chưa nhiều. Khoa Y Dược chưa thực hiện triệt để việc định kỳ rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT ngành Điều dưỡng đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó 3 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng được thiết kế dựa trên cơ sở chương trình khung ngành Điều dưỡng của BGD&ĐT, chuẩn năng lực cơ bản Điều dưỡng Việt Nam, các văn bản quy định liên quan đến đào tạo –thực hành của Điều dưỡng bậc đại học. Đồng thời bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng xây dựng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Trường ĐHTN. Bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng sau khi xây dựng, định kỳ được rà soát, cập nhật, điều chỉnh sao cho phù hợp nhất với xu hướng đào tạo của ngành. Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh sau khi đã có ý kiến của các bên liên quan để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa và Bộ môn; phù hợp với yêu cầu của xã hội. Bản mô tả CTĐT còn cung cấp các thông tin về nội dung chương trình, dự kiến kết quả học tập, cấu trúc khóa học, CDR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần. Những nội dung này đều được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1 Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng được Nhà trường rà soát, điều chỉnh phù hợp với nhu cầu đào tạo của xã hội. Bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng được Khoa Y Được thiết kế dựa trên chương trình khung ngành Y khoa của Bộ GD&ĐT ngày 13/01/2021; Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam của Bộ Y tế ban hành kèm theo QĐ số 1352/QĐ-BYT ngày 21/04/2012 [H1.01.03.02], [H1.01.02.03]. Bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng cung cấp đầy đủ các thông tin để người xem có thể hiểu rõ CTĐT, cụ thể các thông tin về CTĐT gồm:

- Mục tiêu đào tạo trong Bản mô tả CTĐT chính là mục tiêu chung của CTĐT: “Đào tạo cử nhân điều dưỡng có năng lực thực hành nghề nghiệp theo pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và năng lực nghề nghiệp điều dưỡng ở trình độ đại học; có ý thức phục vụ nhân dân; có sức khỏe và năng lực tư duy; làm việc độc lập và phối hợp, phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh,

bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, có khả năng tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên ngành điều dưỡng, nghiên cứu khoa học và tự học vươn lên.” [H1.01.01.04].

- CDR của CTĐT ngành Điều dưỡng được xây dựng dựa trên chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam của Bộ Y tế ban hành kèm theo QĐ số 1352/QĐ-BYT ngày 21/04/2012. [H1.01.02.03].

- Cấu trúc Bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng được kết cấu logic, cung cấp thông tin rõ gồm [H2.02.01.01]:

- Tên cơ sở đào tạo;
- Tên văn bằng;
- Tên CTĐT, mã ngành đào tạo;
- Thời gian đào tạo;
- Mục tiêu và CDR về kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp;
- Quy mô tuyển sinh, tiêu chí tuyển sinh;
- Cấu trúc CTDH, chương trình khung;
- Ma trận kỹ năng;
- ĐCCT các môn học/học phần;
- Thời điểm thiết kế/điều chỉnh CTĐT.

- Cấu trúc của khóa học được xây dựng tổng cộng 137 tín chỉ (Chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh theo quy định). Khối lượng kiến thức toàn khóa được cấu trúc logic bao gồm khối kiến thức Giáo dục đại cương (**37 TC**), khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (**100 TC**) gồm các HP kiến thức cơ sở ngành; kiến thức ngành, chuyên ngành; các HP tự chọn; thực tập tốt nghiệp; khóa luận tốt nghiệp hoặc các HP tốt nghiệp.

Về phương pháp và hoạt động đào tạo, bản mô tả CTĐT đã hướng dẫn cụ thể các văn bản pháp quy, kế hoạch và các hướng dẫn để thực hiện chương trình.

Ma trận kỹ năng trong Bản mô tả CTĐT được thiết kế phù hợp để thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt CDR của CTĐT [H2.02.01.01].

Bản mô tả học học phần/môn học được cấu trúc rõ ràng trong bản đề cương chi tiết học phần bao gồm số giờ giảng lý thuyết, số giờ giảng thực hành, phương pháp giảng dạy, nội dung chi tiết của học phần, phương pháp đánh giá (đặc biệt có cập nhật,

bổ sung công cụ Rubrics trong đánh giá quá trình và kết thúc học phần (2021)), lịch trình thực hiện,...

Bản mô tả CTĐT sau khi xây dựng xong được cập nhật định kỳ để phù hợp với yêu cầu thực tiễn xã hội. Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT, trong đó có rà soát, điều chỉnh bản mô tả CTĐT và triển khai thực hiện. Khoa Y được tổ chức họp Khoa để phổ biến đến toàn thể GV về kế hoạch rà soát, điều chỉnh bản mô tả CTĐT cũng như tiếp thu ý kiến góp ý của GV về CTĐT. Bản mô tả CTĐT được thống nhất thông qua các cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa, sau đó sẽ được cập nhật và Nhà trường phê duyệt ra quyết định ban hành bản mới được cập nhật [H2.02.01.02], [H2.02.01.03], [H1.01.03.08].

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh, Khoa Y Dược và Nhà trường đã khảo sát và thu thập ý kiến các bên liên quan như GV, SV, cựu SV, các chuyên gia và nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục CDR, cấu trúc CTĐT [H1.01.01.09], [H1.01.02.05].

Bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng được đăng tải trên website của Trường và của Khoa Y Dược, niêm yết trong Sổ tay CTĐT, thể hiện trong phần mềm quản lý đào tạo. Bên cạnh đó, SV được phổ biến về Bản mô tả CTĐT tại tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học và đầu năm học cũng như tại các buổi sinh hoạt lớp.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng được trình bày cụ thể, rõ ràng, logic giữa các HP, phân bổ khoa học giữa các môn học và thời lượng hợp lý tuân thủ theo các quy định của BGD&ĐT và hướng dẫn của Trường ĐHTN. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tiễn đào tạo và xã hội.

3. Điểm tồn tại

Quá trình cập nhật Bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng có khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan. Tuy nhiên, kết quả thu thập chưa đủ lớn nên chưa phản ánh hết được nhu cầu của các bên liên quan. Khoa Y Dược chưa tham khảo bản mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế để cập nhật thêm những thay đổi mới nhất của Ngành Điều dưỡng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022 và 5 năm tiếp theo hai năm một lần, Khoa Y Dược phối hợp với Phòng QLCL đẩy mạnh khâu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan làm cơ sở để bổ sung, cập nhật nội dung cho bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng được hoàn thiện.

Đồng thời, Khoa Y Dược tham khảo bản mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế có kinh nghiệm đào tạo ngành Điều dưỡng kịp thời bổ sung, cập nhật những tiến bộ, thay đổi mới từ đó nâng cao chất lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.2 Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ trên cơ sở bản mô tả CTĐT, các Bộ môn thuộc Khoa Y Dược đã tổ chức xây dựng đề cương chi tiết (ĐCCT) cho các học phần theo quy định. ĐCCT các học phần thuộc CTĐT được xây dựng dựa trên Chương trình khung đào tạo Điều dưỡng do BGD&ĐT ban hành, chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam và đạt yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp [H1.01.03.02], [H1.01.02.03].

Đề cương học phần/môn học được thiết kế theo một cấu trúc chung thống nhất gồm đầy đủ thông tin sắp xếp theo các nội dung sau [H2.02.01.01]:

- Thông tin chung về học phần/môn học: tên học phần/môn học, mã học phần/môn học, số tín chỉ, số tiết giảng dạy (lý thuyết - bài tập - thực hành), trình độ đào tạo, điều kiện để học học phần/môn học;

- Bộ môn phụ trách giảng dạy;

- GV đảm nhận giảng dạy;

- Mục tiêu, CĐR của môn học/học phần (kiến thức, kỹ năng và thái độ);

- Ma trận tích hợp giữa CĐR của HP và CĐR của CTĐT;

- Các yêu cầu của môn học/học phần;

- Cấu trúc môn học/học phần;

- Nội dung và kế hoạch dạy - học học phần (nội dung chi tiết, số tiết dự kiến thực hiện mỗi nội dung, hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra - đánh giá);

- Tài liệu học tập

ĐCCT các học phần trong CTĐT của ngành Điều dưỡng đảm bảo thể hiện được ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CDR của môn học; phương pháp giảng dạy của GV và học tập của SV để có thể đạt được các CDR đã nêu; phương pháp đánh giá để thể hiện được hiệu quả giảng dạy. Phần kiểm tra đánh giá SV được thực hiện thường xuyên, toàn diện và bằng nhiều cách: vấn đáp, tự luận, bài tiểu luận, trắc nghiệm khách quan, hoạt động thực hành, thực hành lâm sàng, hoạt động ngoại khóa, ... Đặc biệt, năm 2021 ĐCCT các HP bổ sung thêm công cụ đánh giá Rubrics nhằm đánh giá quá trình cũng như kết thúc HP nhằm nâng cao tính khách quan và giúp NH xác định được mục tiêu học tập các HP ngay từ đầu [H2.02.01.01].

ĐCCT các học phần được xây dựng, rà soát, cập nhật định kỳ 2 năm một lần. Năm 2020, Khoa Y Dược với sự hướng dẫn và kế hoạch cập nhật CTĐT của Nhà Trường, Khoa đã thành lập các Tổ công tác đánh giá, bổ sung và cập nhật CTĐT và ĐCCT các HP. Quá trình cập nhật được thực hiện dựa trên kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan như GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng, ... về nội dung CTĐT để điều chỉnh sao cho phù hợp nhất. Công tác chỉnh sửa, bổ sung được Tổ công tác chuyên trách cùng với Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa tổng hợp, quyết định nội dung phù hợp nhất, cải thiện chất lượng đào tạo tốt nhất thông qua văn bản. Nhà trường thông qua ý kiến Hội đồng khoa học cấp trường xem xét, đánh giá sau đó ban hành CTĐT [H1.01.02.02], [H2.02.01.02], [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.02.03].

2. Điểm mạnh

- Bản ĐCCT các học phần/môn học ngành Điều dưỡng được ban hành có đầy đủ thông tin theo quy định, nội dung rõ ràng, thống nhất về hình thức.

- ĐCCT các học phần/môn học ngành Điều dưỡng được rà soát, bổ sung theo định kỳ 2 năm một lần dựa trên kết quả khảo sát và lấy ý kiến các bên liên quan cũng như tham khảo của các Trường đào tạo Ngành Điều dưỡng uy tín trong nước.

3. Điểm tồn tại

Công tác rà soát, bổ sung định kỳ được Khoa Y Dược thực hiện chưa đồng bộ, phần lớn phụ thuộc nhiều vào kế hoạch từ Nhà trường. Quá trình rà soát chưa tham khảo được nhiều ĐCCT các học phần của các Trường đào tạo ngoài nước.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022 và 5 năm tiếp theo hai năm một lần, bên cạnh kế hoạch rà soát, điều chỉnh ĐCCT học phần của Nhà trường ban hành, hàng năm, Khoa Y Dược thực hiện rà soát ĐCCT các môn học/HP Ngành Điều dưỡng để cập nhật xu thế phát triển nhanh chóng hiện nay của khối ngành sức khỏe.

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 2.3 Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng được Nhà trường ban hành theo các quyết định của Trường ĐHTN. Nhà trường và Khoa Y Dược sẽ công bố rộng rãi cho GV, NH và các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên cổng thông tin điện tử Website của Nhà trường; qua cuốn Sổ tay SV, cuốn CTĐT. Ngoài ra, SV được phổ biến về bản mô tả CTĐT tại tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học và đầu năm học cũng như tại các buổi sinh hoạt lớp. Đặc biệt, CTĐT và ĐCCT học phần sẽ được GV thông báo ngay tại buổi học đầu tiên của học phần. SV được tham khảo toàn bộ chi tiết các nội dung này tại thư viện Trường trong suốt quá trình học tập. Bên cạnh đó, bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng được niêm yết trong Sổ tay GV, thể hiện trong phần mềm quản lý đào tạo [H1.01.02.02], [H2.02.03.01], [H1.01.02.06].

Việc công bố bản mô tả CTĐT và các ĐCCT học phần/môn học qua những hình thức trên đã giúp cho SV nắm được và chủ động trong đăng ký các học phần trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học. Đồng thời, việc công bố công khai ĐCCT các học phần nhằm giúp cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, SV/NH, GV, cựu SV dễ dàng tiếp cận.

Bên cạnh đó, thông qua kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTĐT ngành Điều dưỡng cho thấy các bên liên quan dễ dàng và thuận tiện tiếp cận Bản mô tả CTĐT. Ngoài ra, đầu năm học BGH Nhà trường và BCN Khoa Y Dược tổ chức diễn đàn đối thoại với SV/NH cũng như thông qua các buổi sinh hoạt lớp để SV/NH dễ dàng và thuận tiện trong việc tiếp cận Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần ngành Điều dưỡng [H1.01.02.05], [H2.02.03.02].

2. Điểm mạnh

- Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành Điều dưỡng được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, trên nhiều phương tiện, công bố công khai và các bên liên quan dễ tiếp cận.

- ĐCCT học phần ngành Điều dưỡng được GV thông báo đến SV ngay tại buổi học đầu tiên của học phần.

- Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTĐT thể hiện các bên liên quan dễ dàng và thuận tiện tiếp cận Bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng.

3. Điểm tồn tại

Công tác khảo sát và lấy ý kiến cũng như phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là đơn vị sử dụng lao động vẫn còn chưa tập trung, số lượng tham gia từ các nhà tuyển dụng còn ít và khu trú trong tỉnh Đắk Lắk.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022 và 5 năm tiếp theo hai năm một lần, Phòng QLCL phối hợp với Khoa Y Dược tăng cường khảo sát khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài trường về Bản mô tả CTĐT ngành.

Khoa Y Dược tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT theo tiếp cận CĐR của ngành Điều dưỡng và cập nhật thường xuyên trên trang thông tin điện tử của Trường.

5. Tự đánh giá: 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng cung cấp đầy đủ thông tin, được công bố rõ ràng, đầy đủ đến các bên liên quan qua nhiều hình thức khác nhau, trên nhiều phương tiện. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật phù hợp với sự phát triển về đào tạo - nghiên cứu của khối ngành sức khỏe và nhu cầu thực tiễn của xã hội. Bản mô tả CTĐT đã xây dựng ma trận tích hợp giữa CĐR với mục tiêu đào tạo và giữa CĐR với HP và được cụ thể hóa trong ĐCCT các học phần của chương trình. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, ĐCCT của các học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra,... của từng học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV/NH dễ dàng chủ động lên kế hoạch học tập cho từng học kỳ, từng năm học và trong toàn khóa học. ĐCCT các học phần được thông báo, phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác

nhau. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTĐT ngành Điều dưỡng thể hiện các bên liên quan dễ dàng và thuận tiện tiếp cận bản mô tả CTĐT.

Tuy nhiên, Khoa Y Dược chưa tham khảo bản mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh Bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng. Bên cạnh đó, Khoa Y Dược chưa chủ động trong việc rà soát ĐCCT học phần ngành Điều dưỡng, phần lớn phụ thuộc nhiều vào kế hoạch từ Nhà trường. Số lượng các bên liên quan bên ngoài trường trả lời ý kiến phản hồi về bản mô tả CTĐT chưa nhiều.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT ngành Y khoa đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó 01 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 02 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung của CTDH là yếu tố quyết định đến chất lượng đào tạo. Do đó, CTDH ngành Điều dưỡng có mục tiêu rõ ràng và cụ thể, có cấu trúc được thiết kế một cách logic, có hệ thống tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Nhà trường và Bộ GD&ĐT, đồng thời đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; đào tạo được nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng nhu cầu của xã hội và có khả năng học tập nâng cao trình độ phù hợp trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của đất nước.

Qua thực tiễn giảng dạy và học tập, chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng đã góp phần đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo định hướng đào tạo phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng nhiệm vụ của Nhà trường, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học và phần nào đáp ứng được nhu cầu nhân lực y tế hiện nay của đất nước và quốc tế. CTDH của ngành Điều dưỡng được thiết kế dựa trên CĐR, trong đó đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng. CTDH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Cụ thể, CTDH bao gồm các học phần được thiết kế theo trình tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành đến chuyên ngành. Trong đó, các học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo, các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, khoa học.

Tiêu chí 3.1 Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành Điều dưỡng thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đúng với quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường đồng thời dựa trên cơ sở chương trình khung Ngành Điều dưỡng do Bộ GD&ĐT ban hành [H3.03.01.01], [H3.03.01.02]. Theo đó, CTDH được xây dựng đảm bảo các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp đối với ngành [H3.03.01.03].

Nội dung CTDH được chia thành 2 khối kiến thức chính, bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp có thời gian đào tạo liên tục 4 năm bao gồm 137 tín chỉ (không tính giáo dục thể chất và quốc phòng). Cụ thể,

chi tiết nội dung và tỷ lệ giữa 2 khối kiến thức được trình bày trong Bảng 3.1, Trong đó: kiến thức giáo dục đại cương 33 tín chỉ (trong tổng số 137 tín chỉ, chiếm 24,09%); kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 104 tín chỉ (trong tổng số 137 tín chỉ, chiếm 75,91%). Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được thiết kế dựa trên yêu cầu của CĐR về kiến thức, về kỹ năng, thái độ của chương trình đào tạo. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 104 tín chỉ, trong đó: 27 tín chỉ kiến thức cơ sở ngành, 67 tín chỉ kiến thức chuyên ngành và 10 tín chỉ khóa luận tốt nghiệp hoặc làm chuyên đề tốt nghiệp và học học phần chuyên môn thay thế [H3.03.01.04], [H3.03.01.05]. Các học phần thể hiện nội dung của khối kiến thức này tập trung vào lý thuyết, kỹ năng chuyên môn sâu và định hướng nghề nghiệp theo CĐR về kiến thức, về kỹ năng (bao gồm kỹ năng chung và kỹ năng chuyên môn); về năng lực tự chủ và trách nhiệm của ngành Điều dưỡng.

Bảng 3.1.1 Tỷ lệ phần trăm các khối kiến thức, kỹ năng, các học phần bắt buộc trong cấu trúc CTĐH

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Tín chỉ	Tỷ lệ %
1	Kiến thức giáo dục đại cương	33	24,09 %
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	104	75,91%
	Trong đó:		
3	Kiến thức cơ sở ngành	27	19,7%
4	Kiến thức chuyên ngành	67	48,91%
	Khóa luận cuối khóa (hoặc Chuyên đề tốt nghiệp + Học phần chuyên môn thay thế)	10	7,3%
	Tổng cộng	137	100%

CTĐH được thiết kế dựa trên CĐR, ma trận mục tiêu, ma trận quan hệ giữa các học phần dựa trên CĐR của CTĐT. Trong đó, chương trình được chia thành hai giai đoạn: tiền lâm sàng (1 năm đầu) và lâm sàng (năm 2-năm 4). Năm học đầu tiên, SV sẽ

được học các môn thuộc khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành. Trước đây, chương trình áp dụng chủ yếu cách dạy lý thuyết truyền thống, ở một số môn học cơ sở ngành-sinh viên được thực hành tại phòng labs với máy móc, kính hiển vi... Để thực hiện đào tạo theo chuẩn đầu ra, Khoa Y dược đã chuyển đổi nhiều phương pháp giảng dạy thụ động sang phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học là trung tâm, giảng viên chuyển từ vai trò người giảng sang vai trò hỗ trợ người học, từ phương pháp giảng dạy thuyết trình sang phương pháp thảo luận. Bước sang năm thứ 2, sinh viên bắt đầu làm quen với thực hành trên mô hình người bệnh từ đơn giản đến đa năng (Điều dưỡng cơ bản 2 TH, Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành Điều dưỡng), sau đó là thực hành lâm sàng trên người bệnh thực tế ở một số môn học kiến thức chuyên ngành (Thực hành bệnh viện ĐDCB). Từ năm thứ 3 trở đi, các học phần kiến thức chuyên ngành chiếm ưu thế hơn nên CTDH chuyển sang hướng thực hành lâm sàng kết hợp với lý thuyết cho năm 3-4 [H3.03.01.05]. Phần lâm sàng của chương trình dành phần lớn thời gian cho các học phần lâm sàng Điều dưỡng nội, ngoại, sản, nhi. Bên cạnh đó, các học phần khác cũng được phân bổ thực hành tại bệnh viện với thời gian ngắn hơn như tai-mũi-họng, răng-hàm-mặt, thần kinh, tâm thần, truyền nhiễm, y học cổ truyền, da liễu, ... CTDH được cụ thể hóa bằng kế hoạch dạy – học hàng năm được thông báo tới GV và SV một cách chi tiết, cụ thể từ đầu mỗi năm học [H3.03.01.06]. Lịch phân công giảng dạy dựa trên cơ sở nhân lực và tiến độ chương trình đã được phân bổ trong CTĐT và ĐCCT của các môn học/học phần [H3.03.01.05]. Các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của người học của từng môn học trong các học phần góp phần đảm bảo CTDH bám sát CDR của CTĐT đã được xây dựng [H3.03.01.07].

Bên cạnh khoa học cơ sở, khoa học lâm sàng và thực hành lâm sàng, SV cũng đảm bảo hoàn thành các học phần lý luận chính trị (Chủ nghĩa Mác Lê Nin, Đường lối cách mạng, Tư tưởng Hồ Chí Minh), giáo dục thể chất, giáo dục an ninh quốc phòng và khoa học về sức khỏe cộng đồng như dịch tễ học, xác suất thống kê, dân số học, tổ chức y tế, dân số học, chính sách y tế và kinh tế y tế, ngoại ngữ [H3.03.01.05].

Để đảm bảo các học phần trong CTDH góp phần đáp ứng được CDR, Khoa Y Dược đã định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học, người học đã tốt nghiệp, giảng viên và nhà tuyển dụng... về tính phù hợp của phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học từ đó làm cơ sở rà soát, điều chỉnh và

phát triển CTDH. Công tác này được Khoa và Trường chú trọng thực hiện đúng theo lộ trình cập nhật CTĐT, kết quả thu được góp phần không nhỏ trong việc cập nhật, điều chỉnh CTDH sao cho phù hợp với yêu cầu của người học, của ngành và sự phát triển xã hội [H3.03.01.08], [H1.01.02.05].

2. Điểm mạnh

CTDH của ngành Điều dưỡng được thiết kế bảo đảm được nội dung theo quy định Chương trình khung của Bộ GD&ĐT và thể hiện rõ nét đặc thù của ngành đào tạo Điều dưỡng cho khu vực Tây Nguyên và cả nước. Các phương pháp giảng dạy, lượng giá đa dạng đáp ứng đạt yêu cầu chuẩn đầu ra. Nội dung giảng dạy có sự gắn kết và bổ trợ hợp lý qua lại giữa học phần lý thuyết và lâm sàng.

3. Điểm tồn tại

CTDH hiện đang đào tạo theo tín chỉ với giảm khối lượng kiến thức, gia tăng khối lượng thực hành và khả năng tự học của SV. Tuy nhiên, các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học một phần dựa trên khả năng tự đánh giá của giảng viên. Các phương pháp đánh giá chưa được xây dựng cụ thể để đo lường mức độ đạt CĐR. Ngoài ra, việc lấy ý kiến của các bên liên quan ngoài trường phản hồi về phương pháp giáo dục, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong CTDH ngành Điều dưỡng chưa được thực hiện định kỳ. Vì vậy, số lượng ý kiến phản hồi còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trường và Khoa Y Dược tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTDH theo tiếp cận CĐR của ngành Điều dưỡng

Từ năm học 2021-2022, Khoa phối hợp chặt chẽ với Bộ môn bổ sung, điều chỉnh CTĐT. Các Bộ môn tiến hành rà soát CTDH của các học phần trong CTĐT, cụ thể là so sánh đối chiếu các mục tiêu trong CTDH với CĐR thông qua ma trận kỹ năng, hướng đến xây dựng bảng Rubrics đánh giá cho từng môn học đặc biệt là các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Hơn nữa, tiếp tục thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở cập nhật, điều chỉnh CTDH theo định kỳ đảm bảo tính đáp ứng với CĐR.

5. Tự đánh giá: 4/7 điểm

Tiêu chí 3.2 Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

Căn cứ chuẩn đầu ra kiến thức của chương trình Điều dưỡng, mỗi một học phần được thiết kế để đáp ứng được và đóng góp ở từng mức độ khác nhau để hình thành chuẩn đầu ra chung. Tất cả các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung, bổ trợ nhau đóng góp vào việc đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ của CTĐT. Sự tương thích này được thể hiện thông qua ma trận đáp ứng CĐR học phần và CĐR chương trình đào tạo [H3.03.01.05]. Trong đó, tất cả các học phần của CTDH ngành Điều dưỡng đều có đề cương chi tiết và bản mô tả các học phần. Về cơ bản, mỗi học phần được thiết kế theo một cấu trúc chung, bao gồm đầy đủ các thông tin, trong đó, phần hành chính (thông tin chung về học phần) gồm tên học phần, mã số học phần, đối tượng giảng dạy, thời lượng giảng dạy (số tiết lý thuyết/thực hành, có phân chia giờ thảo luận trên lớp và giờ tự học), thông tin về giảng viên, mục tiêu của học phần (kiến thức, thái độ, kỹ năng) - bám sát theo chuẩn đầu ra, mô tả chung về học phần và những điều kiện, yêu cầu của học phần (về học phần học trước) [H3.03.01.05]. Phần nội dung chi tiết môn học: Mô tả chi tiết tên bài, các nội dung chính (lý thuyết/thực hành), số giờ, số tiết thực hiện, phương pháp giảng dạy dự kiến và yêu cầu tự học của sinh viên... đề cương của từng học phần đều có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể được thể hiện rõ ràng đáp theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với CĐR của CTĐT Cụ thể, CTDH của ngành được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ cơ sở đến chuyên sâu, trong đó bao gồm hai khối kiến thức là giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Việc sắp xếp các học phần theo trình tự logic và khoa học đảm bảo được tính kế thừa, bổ sung, nâng cao và chuyên sâu. Mỗi học phần được thiết kế với tỷ lệ kiến thức lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành cân lâm sàng và lâm sàng cân đối, logic và chặt chẽ [H3.03.01.05].

Bên cạnh đó, mỗi học phần đóng một vai trò nhất định trong khối kiến thức mà NH tiếp nhận, phản ánh vai trò của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của ngành Điều dưỡng. Các học phần kiến thức giáo dục đại cương nhằm mục đích trang bị kiến thức cho các học phần kiến thức cơ sở ngành. Các học phần kiến thức cơ sở ngành cung cấp kiến thức nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm mục đích trang bị kiến thức, năng lực, hoàn thiện kỹ năng mềm, đạo đức

và ý thức. Hơn nữa, theo phương pháp giảng dạy và học tập tích hợp, các học phần thực hành lâm sàng được lồng ghép với các học phần lý thuyết giúp NH có đầy đủ các kỹ năng về chuyên môn và thực hành nhằm đảm bảo CĐR của mỗi học phần. Thêm vào đó, 100% các học phần trong CTDH của ngành Điều dưỡng đã xác định rõ ràng tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR [H3.03.01.05]. Cụ thể, để đánh giá NH, bên cạnh điểm thi kết thúc học phần, kết quả học tập còn được đánh giá qua điểm bộ phận được xác định từ điểm chuyên cần, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm thi giữa học phần, điểm bài tập lớn [H3.03.02.01], [H3.03.02.02]. Đồng thời, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường cũng thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH nhằm hỗ trợ tốt cho việc đạt được CĐR của CTDH [H3.03.01.06].

CTDH được rà soát, cập nhật, điều chỉnh theo định kỳ cùng với CTĐT sao cho phù hợp nhất với xu hướng đào tạo và CĐR [H3.03.02.03]. Việc điều chỉnh, cập nhật được thực hiện theo kế hoạch rõ ràng và cụ thể, được thống nhất thông qua các cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa, sau đó lập báo cáo lên Nhà trường để được phê duyệt [H3.03.02.04]. Dựa trên các văn bản hướng dẫn của Nhà trường, Khoa Y Dược đã tiến hành công tác cập nhật, đánh giá CTĐT của Khoa và định kỳ lấy ý kiến của các bên liên quan (SV, cựu SV, GV, nhà tuyển dụng, ...), những khảo sát này bám sát yêu cầu CĐR của CTĐT, giúp cho việc cập nhật đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan và nhu cầu xã hội [H3.03.01.08], [H1.01.02.05]. Khi việc cập nhật CTĐT đảm bảo đầy đủ các yêu cầu đã đề ra, nhà Trường sẽ ra quyết định ban hành và chính thức áp dụng chương trình mới [H3.03.01.04].

2. Điểm mạnh

Tất cả các học phần trong CTDH ngành Điều dưỡng có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết tương ứng trong các khối kiến thức, đồng thời xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo đạt được CĐR.

CTDH ngành Điều dưỡng được cập nhật, điều chỉnh cùng với CTĐT dựa vào lấy ý kiến của các bên liên quan (SV, cựu SV, GV, nhà tuyển dụng, ...), những khảo sát này

bám sát yêu cầu CDR của CTĐT, giúp cho việc cập nhật đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan và nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Sự phản hồi của các bên liên quan chủ yếu là ý kiến về tổng thể số lượng và cấu trúc nội dung ĐCCT các học phần; nội dung cụ thể của mỗi học phần trong CTDH chưa được chú ý nhiều. Ngoài ra, việc tiến hành khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về đánh giá tính phù hợp của học phần, các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa Y Dược kết hợp với Nhà trường tăng cường lấy ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng và cựu SV về CTDH ngành Điều dưỡng. Đồng thời, Khoa Y Dược phân công nhiệm vụ cho các GV rà soát và kiểm tra ĐCCT học phần làm cơ sở cập nhật và chỉnh sửa kịp thời các nội dung còn thiếu để đạt được CDR của CTĐT.

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 3.3 Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

Các học phần trong CTDH ngành Điều dưỡng có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất trong 4 năm [H3.03.01.05]. Cụ thể, khối kiến thức giáo dục đại cương được cung cấp cho SV trong hai học kỳ đầu tiên. Các học phần cơ sở ngành được dạy cho SV trong học kỳ tiếp theo. Trong các học kỳ tiếp theo, từ học kỳ 2 năm thứ 2 đến năm thứ 4, SV sẽ được học các học phần chuyên ngành với phương pháp dạy thực hành lâm sàng kết hợp với lý thuyết. Những SV đủ điều kiện về năng lực học tập và rèn luyện sẽ được làm khóa luận tốt nghiệp theo đúng quy định của Trường Đại học Tây Nguyên [H3.03.03.01].

Sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất được thể hiện thông qua việc lựa chọn các học phần gắn kết với CDR của CTĐT ngành Điều dưỡng và phân bổ số tín chỉ cân đối giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành đồng thời

đảm bảo tổng số tín chỉ quy định. CTDH ngành Điều dưỡng có tổng số 137 tín chỉ, bao gồm 3 khối kiến thức: kiến thức giáo dục đại cương (33 tín chỉ: cung cấp cho NH những kiến thức chung về lý luận chính trị, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, tin học và ngoại ngữ), kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (104 tín chỉ trong đó 27 tín chỉ kiến thức cơ sở ngành như các học phần: Giải phẫu, Mô phôi, Sinh lý, Hóa sinh, ...; 104 tín chỉ kiến thức chuyên ngành như các học phần: Điều dưỡng Nội 1,2; Điều dưỡng Ngoại 1,2; Điều dưỡng Phụ sản; Điều dưỡng Nhi ... và 10 tín chỉ khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế) [H3.03.01.05].

Tất cả các học phần trong CTDH ngành Điều dưỡng được xây dựng theo bậc đi từ kiến thức chung đến kiến thức chuyên ngành. Các học phần kết thúc ở kỳ trước làm nền tảng cho các học phần ở các kỳ tiếp theo. Các học phần tự chọn và chuyên ngành đều có các học phần học trước và học phần song hành. Các học phần chuyên ngành được sắp xếp sau khi người học đã hoàn thành học phần cơ sở ngành. Bên cạnh đó, thời lượng của các học phần cũng được xem xét cẩn thận trong quá trình xây dựng CTDH. Các học phần quan trọng, quyết định đến việc đạt được CĐR của CTĐT sẽ có thời lượng cao hơn các học phần còn lại. Kế hoạch dạy - học các học phần được Khoa sắp xếp một cách phù hợp, rõ ràng, đúng tiến độ và được thông báo chi tiết, rõ ràng đến các bên liên quan [H3.03.03.02]. Sự thiết kế nêu trên của chương trình sẽ đảm bảo tính logic giữa các học phần và khả năng tiếp nhận kiến thức cao nhất đối với SV.

CTDH ngành Điều dưỡng được rà soát định kỳ 2 năm 1 lần theo kế hoạch và hướng dẫn rõ ràng và cụ thể [H3.03.02.05]. Công tác cập nhật, điều chỉnh CTĐT được dựa trên lấy ý kiến của các bên liên quan (SV, cựu SV, GV, nhà tuyển dụng, ...), những khảo sát này bám sát yêu cầu CĐR của CTĐT, giúp cho việc cập nhật và cải tiến đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan và nhu cầu xã hội [H3.03.02.06] [H3.03.01.08], [H1.01.02.05]. CTDH ngành Điều dưỡng sau khi được thông qua ở Bộ môn và Khoa, và thông qua các cuộc họp Hội đồng KH&ĐT Khoa và Hội đồng KH&ĐT Trường, sau đó lập báo cáo lên Nhà trường để được phê duyệt [H3.03.03.03]. Khi việc cập nhật CTĐT đảm bảo đầy đủ các yêu cầu đã đề ra, Trường sẽ ra quyết định ban hành và chính thức áp dụng chương trình mới [H3.03.01.04]. Quá trình cập nhật CTĐT ngành Điều dưỡng bắt đầu từ năm 2009 theo sự chỉ đạo của Nhà trường về thực hiện chuyển đổi đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo tín chỉ theo quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ (TC) của Bộ GD&ĐT [H3.03.01.01]. Năm 2018, Khoa đã thực hiện cập nhật bản

mô tả CTĐT và CTDH theo hướng chuẩn hóa rõ kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của NH. Đến năm 2020, CTĐT ngành Điều dưỡng tiếp tục được tiến hành cập nhật, chỉnh sửa theo hướng chuẩn hóa mục tiêu đào tạo, CĐR, phương pháp đánh giá [H3.03.03.04].

Ngoài việc lấy ý kiến của người học, sinh viên đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng... về CTDH để làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cập nhật và cải tiến CTDH, Khoa Y Dược cũng tiến hành đối sánh với các CTDH ngành Điều dưỡng của các CTĐT tiên tiến trong nước như ĐH Y Dược Cần Thơ, ĐH Y Dược Hải Phòng, ĐH Y Khoa Phạm Ngọc Thạch, ĐH Điều dưỡng Nam Định [H3.03.03.05]. Trên cơ sở đó, Khoa Y Dược đã điều chỉnh CTDH nhằm đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Vì vậy, CTĐT ngành Điều dưỡng năm 2019 có sự thay đổi rõ nét về số tín chỉ của các học phần cũng như nội dung chi tiết của từng học phần; có cấu trúc hợp lý giữa các khối kiến thức đại cương và chuyên ngành; có chú ý nhiều hơn đến sự cân đối giữa lý thuyết, thực hành và tự học, tự nghiên cứu của SV thông qua các học phần bắt buộc cụ thể và lựa chọn [H3.03.01.05].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành Điều dưỡng có các học phần được cấu trúc hợp, logic đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành.

Tất cả các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý, có tính hệ thống đảm bảo các học phần học trước, học phần song hành, tiên quyết.

CTDH ngành Điều dưỡng cũng được rà soát định kỳ 2 năm một lần, gần đây nhất là năm 2018 và năm 2020 đã điều chỉnh và bổ sung dựa trên cơ sở khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan (SV, SV đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng...) và khảo sát các CTĐT tiên tiến trong nước.

3. Điểm tồn tại

Khoa Y Dược mới chỉ tham khảo các CTĐT ngành Điều dưỡng ở các trường đại học lớn trong nước, chưa tham khảo ở các trường quốc tế nên những cập nhật mới nhất của thế giới về CTDH đôi khi còn chậm trễ.

CTDH ngành Điều dưỡng đã được rà soát định kỳ 2 năm một lần, tuy nhiên việc bổ sung, điều chỉnh vẫn chưa đảm bảo thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa Y Dược tăng cường kế hoạch triển khai rà soát CTĐT và tham khảo các CTĐT tiên tiến ở các trường đại học lớn trong nước và quốc tế, lập bảng đối sánh và phân tích để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CTDH.

Từ năm học 2021-2022, Khoa Y Dược tiếp tục triển khai rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT định kỳ ít nhất 2 năm một lần.

5. Tự đánh giá: 4/7

Kết luận về tiêu chuẩn 3

CTDH ngành Điều dưỡng được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của CTĐT. Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. CTDH ngành Điều dưỡng chú trọng tới tính logic và tính tích hợp của các học phần, nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp, tất cả các nội dung trong học phần thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Đồng thời xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Giảng viên Khoa Y Dược xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR. CTDH ngành Điều dưỡng đã được triển khai rà soát từ năm 2018 và đến năm 2020 đã điều chỉnh và cải tiến. Khoa Y Dược tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và lấy ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh CTDH đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

Tuy nhiên, số lượng các bên liên quan bên ngoài trường trả lời phản hồi về CTDH ngành Điều dưỡng về phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong ngành chưa nhiều, chưa theo định kỳ. Khoa Y Dược đã tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước nhưng vẫn còn hạn chế và chưa thực hiện được đối sánh. Bên cạnh đó, công tác rà soát được Khoa thực hiện nhưng chưa đồng bộ, chưa đảm bảo theo định kỳ 2 năm một lần.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, CTDH ngành Điều dưỡng đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó 3 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học có vai trò hết sức quan trọng trong công tác đào tạo đại học. Trong 5 năm trở lại đây, Trường Đại học Tây Nguyên đã triển khai phương pháp giảng dạy chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV. Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, thái độ, kỹ năng. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế CTĐT với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên ngành, các hoạt động dạy và học đều phải bám sát CĐR và phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn, Triết lý giáo dục của Nhà trường: “Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học” mà trường Đại học Tây Nguyên đã đề ra. Triết lý giáo dục của nhà trường được phổ biến tới sinh viên, giảng viên, cán bộ các phòng ban liên quan và cả tới các nhà tuyển dụng.

CĐR của CTĐT được Khoa Y dược và nhà trường xác định rõ ràng. Dựa trên cơ sở CĐR, giảng viên xây dựng hoạt động dạy học, phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Xuyên suốt quá trình dạy học giảng viên của khoa Y Dược đã sử dụng tổ hợp các phương pháp dạy học tích cực, thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến chuẩn đầu ra. Các hoạt động học tập cũng được thiết kế phù hợp với từng học phần, đặc thù của khối ngành khoa học sức khỏe nhằm đạt được CĐR của chương trình đào tạo.

Tiêu chí 4.1 Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Sứ mạng, Tầm nhìn, Triết lý giáo dục của Nhà trường được công khai rõ ràng trên trang thông tin điện tử của Trường và được in, trình bày trang trọng tại sảnh khu nhà điều hành của Nhà trường [H4.04.01.02], [H4.04.01.03].

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Tây Nguyên được ban hành ngày 26/12/2019, theo Quyết định 2890/QĐ- ĐHTN- TCCB, TLGD của trường: “Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học”. Triết lý giáo dục thể hiện sâu sắc việc lấy người học làm trung tâm, tăng tính tương tác giữa người dạy và người học, tăng tính chủ động của người học thông qua việc tăng thời lượng thảo luận, tự học, thực hành kết hợp phát triển toàn diện người học về mọi mặt, nội dung “Phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất người học” được xác định theo nghĩa trường Đại học Tây Nguyên dựa trên nguồn lực mạnh, tổ chức đào tạo theo chương trình chất lượng, tạo môi trường học tập tốt nhất cho người học phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực cá nhân. Nhà trường phổ biến TLGD đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau như: đăng tải trên website của Trường, trên các panô, bảng biểu đặt ở những nơi dễ nhìn thấy trong khuôn viên của Trường. Triết lý giáo dục được thể hiện rõ ràng trong Chính sách chất lượng do Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên ký vào ngày 20/06/2019[H4.04.01.01] [H4.04.01.02], [H4.04.01.03], [H4.04.01.04] .

Trong Nghị quyết của Đảng ủy Trường, kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường luôn có nội dung chú trọng phổ biến, tuyên truyền TLGD đến các bên liên quan, trong đó chú trọng giải thích rõ để GV, SV hiểu rõ và thực hiện. Đối với SV, ngay từ khi SV năm thứ nhất nhập trường, triết lý giáo dục được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị đầu năm dành cho tân SV các khóa. Ở Khoa, các em được giới thiệu về ngành đào tạo, và mục tiêu đào tạo của Khoa. Ngoài ra, Đoàn thanh niên và Hội SV của Trường cũng tổ chức các buổi tọa đàm và đối thoại giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động tích cực của chính họ trong quá trình học tập. Mỗi giảng viên khi bắt đầu giảng dạy môn học của mình, đều dành thời gian để giới thiệu vị trí của học phần trong CTĐT ngành cử nhân điều dưỡng, giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập, chuẩn đầu ra của môn học và tiêu chí đánh giá. Các giảng viên là cố vấn học tập sinh hoạt với SV định kỳ 2 tuần 1 lần, giúp SV hiểu rõ lịch trình và mục tiêu đào tạo của Khoa, giúp các em có chiến lược đăng ký môn học phù hợp [H4.04.01.05] [H4.04.01.06] [H4.04.01.07] [H4.04.01.08] [H4.04.01.09] [H4.04.01.10] [H4.04.01.11] [H4.04.01.12] [H4.04.01.13] [H4.04.01.14] [H4.04.01.15] [H4.04.01.16] [H1.01.03.11].

Đối với GV, thông qua các hoạt động tập thể của Trường và các buổi họp khoa, Nhà trường và Khoa Y được luôn phổ biến, quán triệt để GV hiểu rõ về TLGD của Trường, từ đó GV lựa chọn nội dung dạy học, PPGD chuyển tải TLGD của Trường và

thể hiện trong ĐCCT học phần. Tổng hợp kết quả lấy ý kiến của cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên, kỹ thuật viên và người học cho thấy 100% số người đồng ý về nội dung Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, Khẩu hiệu hành động của Nhà trường. Các kết quả này được thông qua Hội nghị cán bộ viên chức Nhà trường [H4.04.01.03], [H4.04.01.06], [H4.04.01.17].

Đối với các bên liên quan bên ngoài, Nhà trường luôn chú trọng phổ biến, tuyên truyền TLGD của Trường và thể hiện cụ thể trong kế hoạch năm học hằng năm. Bên cạnh việc đăng tải TLGD trên website của Trường, Nhà trường và Khoa Y được đăng tải TLGD trên các tài liệu hội nghị, hội thảo do Trường, Khoa Y Dược tổ chức. Lãnh đạo các bệnh viện được mời tham gia xây dựng chương trình, biên soạn đề cương môn học, và đánh giá CTĐT của khoa. Nội dung về chủ trương, chiến lược giáo dục của nhà trường cũng được Khoa trao đổi trong các buổi tọa đàm, các cuộc họp của Hội đồng Khoa học - Đào tạo. Khoa đã mời các nhà tuyển dụng để xin ý kiến góp ý cho CTĐT của Khoa [H4.04.01.02] [H4.04.01.18] [H4.04.01.19] [H4.04.01.20].

Với toàn xã hội: Mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT của Khoa được công khai trên website của nhà trường [H4.04.01.02].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường tuyên bố TLGD “Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học” vào ngày 26/12/2019 và phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau.

- GV hiểu rõ về TLGD của Trường và triển khai thực hiện.

- Các bên liên quan bên ngoài trường được phổ biến về TLGD.

- Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với TLGD của Trường.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù mục tiêu đào tạo của Khoa được công bố cho các nhà tuyển dụng, nhưng mới chỉ giới hạn ở những chuyên gia có tham gia giảng dạy và biên soạn đề cương môn học cho Khoa. Nhà trường và Khoa Y dược chưa khảo sát mức độ hiểu biết của các nhà tuyển dụng về TLGD của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Phòng QLCL phối hợp với Khoa Y Dược tiến hành khảo sát mức độ hiểu biết của các nhà tuyển dụng về TLGD của Trường và tổ chức các buổi tọa đàm thường niên với các nhà tuyển dụng nhằm tạo ra nguồn lực phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.2 Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Trong Nghị quyết của Đảng ủy Trường, kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường luôn có nội dung chú trọng tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CDR, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy người học tìm tòi và khám phá kiến thức. Bên cạnh đó, trong chương trình đào tạo ngành cử nhân điều dưỡng hàng năm luôn xác định quan tâm tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CDR, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy người học tìm tòi và khám phá kiến thức. Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn GV sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực và gửi đến các Khoa để thực hiện. Trên cơ sở đó, GV xác định các PPGD đa dạng, phù hợp để đạt CDR và thể hiện trong ĐCCT học phần [H4.04.01.05], [H4.04.01.14] [H4.04.02.01].

Khoa Y dược hàng năm có những thay đổi về chất lượng giáo dục về bài giảng, mục tiêu giảng dạy, sinh viên học các học phần đều có kế hoạch cụ thể, khi thực tập lâm sàng hay ở trường từ những năm đầu tiên cho đến năm cuối đều có lịch xếp sẵn xuyên suốt cả năm học được ban hành từ đầu năm. Các giảng viên sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy cho phù hợp và điều chỉnh phương pháp dạy và học, học theo phương pháp chủ động, học tích cực, tăng giờ thảo luận và các buổi seminar, hay tại các buổi thực tập hay học lâm sàng tại các bệnh viện giảng viên áp dụng phương pháp kết hợp dạy lý thuyết, thực hành với việc cầm tay chỉ việc. Khoa Y Dược có những đặc thù học tập riêng nên việc đánh giá kết quả học tập cũng rất đa dạng, có thể thi trắc nghiệm, thi tự luận với môn học lý thuyết, và thi vấn đáp, chạy trạm các trạm kiến thức, kỹ năng, thi tại buồng bệnh trên bệnh nhân, làm bài tình huống với môn thực hành hay môn học lâm sàng tại bệnh viện. Cấu trúc đề thi cũng như đa dạng hình thức thi để phù hợp với chuẩn đầu ra, phù hợp với nhu cầu của xã hội. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng được

hiển thị trong các đề cương môn học. Các tài liệu tham khảo được tìm kiếm tại thư viện trường hoặc cổng thông tin học tập trực tuyến. Người học được tiếp cận với bệnh nhân tại bệnh viện, và rèn luyện các kỹ năng, tích lũy kinh nghiệm lâm sàng tới khi ra trường, ngoài ra người học còn được thực tập tại các tuyến y tế cơ sở như trạm xá, bệnh viện huyện. Người học còn được tham dự và cấp chứng chỉ ở các hội thảo do khoa Y Dược phối hợp với các trường Đại học Y trong và ngoài nước thực hiện để nâng cao, cập nhật kiến thức cho sinh viên như hội nghị thần kinh, sản phụ khoa, các hội nghị về dịch tễ học[H4.04.02.01] [H4.04.02.02] [H4.04.02.03] [H4.04.02.04] [H4.04.01.16] [H4.04.02.06] [H4.04.02.07] [H4.04.02.08] [H4.04.02.09] [H4.04.02.10].

Hoạt động Thực tập thực tế: Đây là một phần bắt buộc của chương trình đào tạo, gồm: Thực hành các môn y học cơ bản tại trường Đại học Tây Nguyên và thực tập lâm sàng bệnh viện, trạm xá. Các hình hoạt động nhằm giúp người học đạt chuẩn đầu ra của một sinh viên Y khoa. Các hình thức thực tập, thực tế nhằm giúp cho SV thực hành nghiên cứu, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp. Các cơ sở thực tập đa dạng, đáp ứng yêu cầu chuyên ngành, ví dụ như: trường học, bệnh viện, trạm xá. Việc thực tập thực tế của SV tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả về nội dung, phương pháp, và kỹ năng) được nêu rõ trong đề cương môn học và được các giảng viên lập kế hoạch, liên hệ và giám sát. SV được giảng viên phụ trách thực tập thực tế và cán bộ ở cơ sở thực tập cùng hướng dẫn [H4.04.02.02] [H4.04.02.03] [H4.04.02.04] [H4.04.01.17] [H4.04.02.10] [H4.04.02.11] [H4.04.02.12].

Hoạt động NCKH: SV được khuyến khích tham gia NCKH từ năm thứ nhất. Mỗi đề tài do SV tự đề xuất đều được xét duyệt từ cấp bộ môn tới cấp khoa và được phân công hướng dẫn bởi một giảng viên. Bên cạnh môn học “Các phương pháp NCKH” dành cho SV toàn trường trong năm học đầu tiên, môn học “Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Y học” cũng được giảng dạy giúp SV có kiến thức, kỹ năng NCKH ngay từ những năm đầu. Sinh viên thông qua các đợt thực tế làm báo cáo khoa học, các bài tiểu luận, hay những nghiên cứu đề tài sinh viên [H4.04.02.02], [H4.04.02.13].

Các hoạt động ngoại khóa: Ngoài hoạt động học tập đặc thù tại trường, đi bệnh viện, tham gia trực gác tại các khoa phòng các hoạt động ngoại khóa của sinh viên cũng được khoa Y dược và trường Đại học Tây Nguyên quan tâm sâu sát. Khoa Y Dược thường xuyên tổ chức các hoạt động khám và phát thuốc tình nguyện, thông qua đó người học tiếp cận dần cách làm việc và kiến thức tốt hơn, trong hoạt động có học tập

và ngược lại. Các hội nghị, câu lạc bộ, các hoạt động văn hoá thể thao ... được tổ chức và phát triển giúp sinh viên hiểu rõ và có đam mê hơn với ngành học [H4.04.02.06], [H4.04.02.07] [H4.04.02.08], [H4.04.02.09] [H4.04.02.14].

Các hoạt động dạy và học cũng như các hoạt động ngoại khóa được tổ chức đánh giá và làm khảo sát hàng năm để nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, mang lại môi trường tốt nhất cho người học học tập, rèn luyện và phát huy hết năng lực bản thân [H4.04.02.15], [H4.04.02.16], [H4.04.02.17], [H4.04.02.18], [H4.04.02.19].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn GV sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực và triển khai thực hiện.

- GV Khoa Y được xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành cử nhân điều dưỡng và thể hiện trong ĐCCT học phần.

- GV Khoa Y được tích cực hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR.

- GV, SV Khoa Y được hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành cử nhân điều dưỡng.

- Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

- Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở. Đội ngũ nhân viên nhiệt tình, tâm huyết với nghề, sinh viên tích cực học hỏi, tiếp thu.

3. Điểm tồn tại

- Cơ sở hạ tầng chưa thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp giảng dạy phát huy tính chủ động của SV

- Các giảng đường tại bệnh viện còn ít chưa đáp ứng nhu cầu người dạy và người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa đề nghị Nhà trường:

- Xây dựng hoàn thiện các giảng đường tại bệnh viện và sơ đồ thực tập, trang bị đầy đủ dụng cụ thực tập để người học có điều kiện tiếp cận với đa dạng mô hình và các dụng cụ hơn trước khi tiến hành trên bệnh nhân.

- Đưa các giảng viên đào tạo liên tục với các khóa học ngắn hạn để cập nhật kiến thức theo xu thế của thời đại và các phương pháp dạy học mới.

- Mục tiêu các môn học cần chi tiết hơn, có quy trình để người học hiểu và tiếp cận nhanh hơn, đúng hơn

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.3 Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Trong ĐCCT học phần ngành cử nhân điều dưỡng có nêu rõ các PPGD của GV và phương pháp học tập của SV nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Các PPGD của GV và phương pháp học tập của SV trong ĐCCT học phần ngành Y khoa được GV xác định, thông qua tổ bộ môn, Khoa, Hội đồng KH&ĐT KH&ĐT Khoa và Hội đồng KH&ĐT Trường. Đồng thời, trong ĐCCT học phần ngành cử nhân điều dưỡng nêu rõ nguồn tư liệu, sách báo, phim ảnh phục vụ hoạt động dạy và học. Các PPGD và các phương pháp học tập của ngành đồng thời được thể hiện trong Bản mô tả CTĐT ngành cử nhân điều dưỡng [H4.04.01.14].

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động nghiên cứu khoa học SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế theo lịch cụ thể đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm. Hoạt động học tập đa dạng giúp SV hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể bên cạnh đó các hoạt động NCKH và thực tập thực tế đòi hỏi SV phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề [H4.04.02.03], [H4.04.02.04], [H4.04.01.17].

Các bài tập nhóm dưới hình thức thuyết trình rèn cho SV khả năng diễn đạt kiến thức của mình cho người khác. Việc SV thi đua nhau trong NCKH, trong tìm

tài liệu, trình bày suy nghĩ của mình và phản biện lẫn nhau đã tạo ra sự say mê học hỏi. SV được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như sinh hoạt khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với các thầy cô. Nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong trường tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học [H4.04.02.13], [H4.04.02.06] [H4.04.02.08], [H4.04.02.09], [H4.04.03.01] [H4.04.03.02]..

Giảng viên thông qua công tác lấy ý kiến sinh viên và phản hồi các bên liên quan để điều chỉnh thường xuyên cách giảng dạy, phù hợp chuẩn đầu ra. Trang bị các thiết bị dạy học phù hợp với hoàn cảnh và tình hình của trường giảng viên đưa vào bài giảng một cách phù hợp nhất. Các hoạt động dạy và học hàng năm đều được khảo sát đánh giá để nâng cao chất lượng đào tạo [H4.04.02.15] [H4.04.02.16], [H4.04.02.17], [H4.04.02.18] [H4.04.02.19].

2. Điểm mạnh

- Tất cả ĐCCT học phần ngành cử nhân điều dưỡng mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV.

- Tất cả ĐCCT học phần ngành cử nhân điều dưỡng mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV.

- GV Khoa Y Dược sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CDR của học phần và CDR của CTĐT ngành cử nhân điều dưỡng nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

- Kết quả khảo sát ý kiến của SV thể hiện GV Khoa Y Dược sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

- Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa Y Dược tổ chức chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa sẽ tiến hành:

- Triển khai bổ sung tiêu chí “khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch” vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập từng học phần của SV.

- Với các học phần có tính thực hành, bài tập nhóm, khoa cũng đề xuất với nhà trường bố trí phòng học bàn ghế có thể di chuyển, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tương tác giữa giảng viên và SV.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học.

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Nhà trường tuyên bố TLGD “Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học” vào năm 2019 và phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. GV hiểu rõ về TLGD của Trường và triển khai thực hiện. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với TLGD của Trường. GV Khoa Y Dược xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành Y khoa và thể hiện trong ĐCCT học phần. GV Khoa Y Dược tích cực hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. GV, SV của Khoa hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành cử nhân điều dưỡng. Tất cả ĐCCT học phần ngành cử nhân điều dưỡng mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV; mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. Kết quả khảo sát ý kiến của SV thể hiện GV Khoa Y được sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Tuy nhiên, Nhà trường và Khoa Y dược chưa khảo sát mức độ hiểu biết của các nhà tuyển dụng về TLGD của Trường. Trên thực tế, vẫn còn trường hợp SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc đại học. Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa Y dược tổ chức chưa nhiều.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT ngành cử nhân điều dưỡng đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó 03 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Việc đánh giá kết quả học tập của NH là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình dạy học. Hàng năm, trong kế hoạch đào tạo của Trường có xác định thời gian học tập, tổ chức thi một cách rõ ràng và được chuyển đến Khoa Y Dược để thực hiện. Quy trình đánh giá được công khai và phổ biến cho NH ngay từ ngày đầu khóa học. Khoa Y Dược đã sử dụng nhiều kênh thông tin khác nhau như tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, CVHT, sổ tay SV để NH hiểu và nắm rõ các quy định về đánh giá kết quả học tập. Việc đánh giá kết quả học tập được thực hiện thông qua việc đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ trong suốt quá trình SV theo học tại Khoa Y Dược, nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực NH đạt được so với mục tiêu và CDR học phần và CTĐT. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá đảm bảo sự đa dạng, độ giá trị, tin cậy, sự công bằng, đồng thời mức độ hiệu quả của các phương pháp kiểm tra đánh giá được GV ghi chép lại để làm cơ sở đánh giá, cải tiến hoặc thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá cung cấp cho các bên liên quan về mức độ đạt được của NH so với CDR của CTĐT. NH được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại. Những khiếu nại của NH về kết quả học tập được Khoa và Nhà trường giải quyết kịp thời để NH chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1 Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Trường ĐHTN nói chung và khoa Y Dược nói riêng có các quy trình, kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của NH. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện liên tục trong suốt khóa học, Nhà trường đã ban hành các quy trình, quy định liên quan đến kiểm tra, đánh giá: đánh giá đầu vào, đánh giá chuyên cần, đánh giá quá trình, đánh giá kết thúc học phần, chấm khóa luận tốt nghiệp để NH đạt được CDR, cụ thể như sau:

- Tuyển sinh đầu vào: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ của Bộ GD&ĐT, Trường đã xây dựng và công bố Đề án tuyển sinh ĐH hàng năm. Quy trình được thực hiện minh bạch, công khai và đúng quy định từ khâu thông báo tuyển sinh,

công bố chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức thi đến khâu chấm thi và công nhận kết quả tuyển sinh [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03].

- Quá trình học tập: Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV ngành Điều dưỡng được thực hiện theo Quy chế ĐTDH, CD hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT và của Trường ĐHTN. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế logic, khoa học dựa trên khung CTĐT, mục tiêu và CDR CTĐT Điều dưỡng trong 8 học kỳ thực học, thực tập cuối khóa và thực hiện khóa luận tốt nghiệp [H3.03.01.01], [H5.05.01.05], [H5.05.01.06], [H5.05.01.07].

- Kết thúc học phần, thi tốt nghiệp cuối khóa: Để thực hiện việc đánh giá NH trước kỳ thi theo đúng quy trình, từ đầu khóa học, NH được phổ biến quy định điều kiện dự thi và điểm đánh giá bộ phận các học phần. Để phục vụ cho các kỳ thi được diễn ra theo đúng quy định, Nhà trường ra Quyết định thành lập các Ban thi học kỳ các hệ đào tạo, tiếp theo Phòng QLCL lập danh sách phân công CBCT và bảo mật đến ngày thi [H5.05.01.08], [H5.05.01.09], [H5.05.01.10], [H5.05.01.11].

Các quy trình, tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu được đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR và được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR. Điều này thể hiện trong rõ trong quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp của Bộ GD&ĐT, CTĐT ngành Điều dưỡng và ĐCCT các học phần của ngành Điều dưỡng, cụ thể hóa ở ma trận tích hợp giữa CDR của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT được xây dựng trong ĐCCT của các học phần. Các hoạt động học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR ngành Điều dưỡng. Đối với các học phần lý thuyết, Bộ môn phụ trách xây dựng câu hỏi thi kèm với đáp án, trong đó chỉ rõ các tiêu chí chấm. Đối với các học phần thực hành, dựa trên nội dung của chương trình thực hành đã được phê duyệt, Bộ môn sẽ tiến hành cho NH thi theo nội dung đã được thực hành. Đối với các học phần lâm sàng sẽ thi trực tiếp tại bệnh viện trên bệnh nhân để đánh giá khả năng xử lý của SV trên thực nghiệm. Phần lớn các CTĐT đều sử dụng tổ hợp các phương pháp đánh giá: vấn đáp, tự luận, báo cáo chuyên đề, xử lý tình huống, ... theo nội dung đề cương đã xây dựng. Nội dung đánh giá học phần bao gồm đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Đánh giá quá trình được thực hiện thông qua kết quả của đánh giá tính chuyên cần, ý thức, thái độ học tập. Đánh giá giữa kỳ bằng

hình thức thi giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ bằng hình thức thi hết môn (trắc nghiệm hoặc tự luận) [H5.05.01.06], [H5.05.01.12], [H5.05.01.07], [H5.05.01.12], [H5.05.01.13].

Trước khi xét tốt nghiệp, NH phải thực hiện các học phần tốt nghiệp, chuyên đề tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp theo đúng quy định của Nhà trường đã được quy định rõ trong CTĐT và Quy chế đào tạo ĐH, CĐ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Bên cạnh việc hoàn thành đủ số tín chỉ theo quy định, để được công nhận tốt nghiệp NH phải có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng an ninh, có chứng nhận Giáo dục thể chất, có chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản. Một điều kiện quan trọng khác nữa là NH có chứng nhận năng lực Tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam [H5.05.01.14].

Để thống nhất việc tổ chức đánh giá NH, quản lý kết quả đánh giá được chính xác, Khoa Y Dược sử dụng phần mềm quản lý đào tạo do Trường thiết kế để thông báo Quy định điều kiện dự thi và điểm đánh giá bộ phận các học phần công khai tới các Khoa, Bộ môn và SV để thực hiện. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá, trọng số điểm bộ phận và điểm thi do GV đề xuất, thông qua Bộ môn, Khoa phê duyệt và được Nhà trường ra thông báo tới NH, GV trong Kế hoạch học tập đầu năm hoặc trong quá trình học tập và trước mỗi kỳ thi kết thúc học phần thông qua website của Trường và thông báo từ CVHT. Cách tính điểm học phần được quy đổi từ thang điểm 10 và xếp loại A nếu đạt điểm từ 8,5-10; xếp loại B nếu đạt điểm từ 7,0-8,4; xếp loại C nếu đạt điểm từ 5,5-6,9; xếp loại D nếu đạt điểm từ 4,0-5,4; xếp loại F nếu đạt điểm dưới 4,0 [H5.05.01.15], [H5.05.01.16], [H5.05.01.17]..

Phòng QLCL có nhiệm vụ giám sát trong suốt quá trình đánh giá NH từ khâu in sao đề thi, tổ chức thi, chấm thi cho đến khi công bố kết quả. Đề thi kết thúc học phần đều được Trưởng Bộ môn và Lãnh đạo Khoa phê duyệt trên cơ sở xem xét khả năng đánh giá của đề thi theo 5 mức độ: biết, hiểu, vận dụng, phân tích - tổng hợp và sáng tạo; khả năng đáp ứng mục tiêu và nội dung của từng học phần. Nội dung kiểm tra đánh giá học phần đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với nội dung môn học được quy định trong CTĐT, độ bao quát kiến thức tương ứng mức độ đạt được CĐR là những yêu cầu và tiêu chuẩn quan trọng để thẩm định chất lượng của các đề thi. Công tác thi của mỗi học kỳ đều được tổng hợp và đánh giá lại để đảm bảo đề thi và kết quả đạt được của NH đáp ứng được việc đo lường mức độ CĐR [H5.05.01.18], [H5.05.01.19].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường và Khoa Y Dược có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của NH.
- Các quy định và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH phù hợp với mục tiêu và mức độ đạt CĐR.
- Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR.

3. Điểm tồn tại

- CĐR về chuyên cần thái độ chưa được đánh giá sâu sát, hầu như chỉ được đánh giá thông qua việc chuyên cần trong học tập.
- Nhà trường chưa tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để đánh giá mức độ khó, dễ, phù hợp của các hình thức kiểm tra/thi.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, các Bộ môn rà soát hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm đảm bảo mức độ phù hợp với nội dung giảng dạy và CĐR để điều chỉnh một cách hợp lý, đặc biệt là CĐR về chuyên cần thái độ.

Khoa Y Dược phối hợp với Phòng QLCL tổ chức phân tích định lượng kết quả kiểm tra/thi của NH để đánh giá chính xác hơn kết quả học tập.

Đồng thời, Khoa Y Dược tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm của toàn thể cán bộ, lấy SV làm trung tâm để không ngừng cải thiện kết quả học tập của SV theo CĐR. Các quy định về kiểm tra đánh giá luôn công khai, minh bạch đến NH, phù hợp với CĐR.

5. Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 5.2 Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.

1. Mô tả

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH của ngành Điều dưỡng được xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế

phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH theo Quy chế ĐTDH, CD hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT và Quy chế đào tạo của Trường [H5.05.02.01], [H5.05.01.05].

- *Về thời gian*: Các hình thức kiểm tra đánh giá (kiểm tra viết, vấn đáp, thảo luận, thuyết trình, bài tập nhóm...) có thể thực hiện thường xuyên, suốt thời gian của môn học. Theo đó, bài kiểm tra giữa kỳ và bài kiểm tra cuối kỳ được tiến hành thi tập trung vào giữa kỳ học và cuối kỳ học [H5.05.02.03].

- *Về phương pháp, tiêu chí đánh giá*: Theo quy định của BGD&ĐT về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp, khung CTĐT ngành Điều dưỡng, tiêu chí về kiểm tra đánh giá học phần được quy định cụ thể trong ĐCCT học phần bao gồm các bài đánh giá khả năng thực hành đi lâm sàng, nhận định bệnh, thực hành tại phòng thí nghiệm, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, kiểm tra tự luận, kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp, bài tiểu luận, ... tùy theo đặc thù từng học phần cơ sở, lâm sàng và cận lâm sàng. Trường đã ban hành những quy định cụ thể, rõ ràng để đánh giá điểm rèn luyện, điểm bộ phận của các học phần và điều kiện dự thi, đây là một phần quan trọng trong việc đánh giá toàn bộ kết quả học tập của SV. Đồng thời, quy định cụ thể về công tác khảo thí để công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo tính bao quát, công bằng [H5.05.01.06], [H5.05.01.07], [H5.05.01.12], [H5.05.01.09], [H5.05.01.08], [H5.05.02.09].

- *Về trọng số điểm*: Từ năm học 2019-2020, Nhà trường chú trọng cải tiến các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH tiếp cận năng lực nhằm đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập theo quá trình và theo tiếp cận năng lực của NH, theo đó đánh giá ý thức chuyên cần trong học tập (10%), kiểm tra định kỳ (20%) và thi kết thúc môn học (70%). Điểm ý thức chuyên cần trong học tập và kiểm tra định kỳ được công bố công khai với SV trước khi kết thúc môn học trên hệ thống quản lý đào tạo. SV được cập nhật thông báo về kết quả đăng ký thi, kế hoạch thi kết thúc học phần, tốt nghiệp từ cổng thông tin điện tử của Nhà trường [H5.05.01.06], [H5.05.01.15], [H1.01.02.06].

- *Về nội dung*: Nhìn chung, các hình thức kiểm tra, thi những năm vừa qua của ngành Điều dưỡng đều bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ CTĐT, CDR đã xây dựng. Riêng hình thức ngân hàng đề thi đảm bảo độ bao quát chương trình cao, các câu hỏi đều bám sát nội dung và tương ứng với trọng số môn học, dựa vào các bản rubric để đánh giá đúng mức độ đạt được của NH. Đối với chuyên đề

c cuối khóa, luận văn tốt nghiệp cũng đều theo quy định cụ thể, rõ ràng từ quy trình đến nội dung cũng như tiêu chuẩn đánh giá, SV sẽ được hướng dẫn cụ thể để tiến hành đề tài một cách thuận lợi và đạt kết quả tốt nhất [H5.05.01.07], [H5.05.01.12], [H5.05.01.18], [H5.05.02.01], [H5.05.02.02].

- *Cơ chế phản hồi*: Các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH được công bố công khai tới NH trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần. NH được thông báo về kết quả học tập của mình một cách công khai trên hệ thống quản lý đào tạo và bảng điểm cụ thể, NH có thể phản hồi nhanh chóng dưới nhiều hình thức: xin phúc tra điểm thi, báo cáo với CVHT để được tư vấn [H5.05.02.18]. Những thắc mắc về quá trình học tập cũng như những băn khoăn, trăn trở về mọi vấn đề trong khi học tại Trường cũng được trưng cầu ý kiến tại các buổi gặp gỡ SV với lãnh đạo Khoa và Trường vào mỗi năm học, đồng thời việc khảo sát lấy ý kiến NH về môn học để nắm bắt được vấn đề quan tâm của NH nhằm nâng cao chất lượng đào tạo là rất quan trọng và được Nhà trường quan tâm sâu sát [H5.05.01.15], [H5.05.02.15], [H5.05.02.16], [H5.05.02.17], [H5.05.02.19], [H5.05.02.04], [H5.05.02.21].

Tất cả quy định nêu trên được phổ biến đến NH thông qua Sổ tay SV, CVHT từ đầu khóa học và trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, giúp SV nắm bắt được rõ ràng những yêu cầu và quy định trong suốt quá trình học, định hướng cụ thể và chủ động cho bản thân trong việc học tập cũng như các hoạt động khác tại Trường [H2.02.03.01].

2. Điểm mạnh

- Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập.

- Các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH được công bố công khai tới NH trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần.

- NH được phổ biến các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù NH đã được phổ biến các quy định về đánh giá kết quả học tập từ đầu khóa và khi bắt đầu mỗi học phần nhưng một bộ phận nhỏ NH vẫn chưa tuân thủ, vẫn vi phạm quy chế thi dẫn đến kết quả học tập không tốt.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, yêu cầu CVHT sâu sát hơn về việc giúp SV tuân thủ các quy định về đánh giá kết quả học tập, tuân thủ quy chế thi cử.

Tiếp tục thường xuyên thực hiện nghiêm túc quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH theo đúng quy định của Trường.

5. Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 5.3 Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả

Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH ngành Điều dưỡng được xây dựng trong CTĐT một cách đa dạng, phù hợp với từng học phần. Bên cạnh đó, các phương pháp đánh giá NH được Khoa và Trường rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CDR.

Theo quy định của BGD&ĐT, khung CTĐT Điều dưỡng khoa, tùy theo đặc thù từng học phần cơ sở, các tiêu chí về kiểm tra đánh giá học phần được quy định cụ thể trong ĐCCT học phần như thực hành lâm sàng, cận lâm sàng, thực hành tại phòng thí nghiệm, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, kiểm tra tự luận, kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp, bài tiểu luận, Phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá NH được rà soát bởi Bộ môn phụ trách môn học và duyệt bởi Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa Y Dược. Phương pháp đánh giá môn học được thảo luận thống nhất giữa các GV giảng dạy môn học đó và các GV trong Bộ môn phụ trách môn học được thể hiện trong ĐCCT [H3.03.01.01], [H5.05.01.07], [H5.05.01.12].

Để đảm bảo độ tin cậy và tính công bằng khi đánh giá kết quả học tập của NH, theo quy trình xây dựng và đánh giá đề thi, trước kỳ thi ít nhất 3 ngày, các Bộ môn, GV nộp ngân hàng câu hỏi thi cho Phòng QLCL theo đúng thời gian đã quy định. GV phải chịu trách nhiệm về nội dung và tính bảo mật của ngân hàng câu hỏi thi trước khi bàn giao cho Phòng QLCL. Ban in sao đề thi của Trường gồm cán bộ Phòng QLCL, cán bộ thanh tra,

thư ký, ... thực hiện in sao và tuyệt đối bảo mật đề thi. Ban coi thi gồm cán bộ Phòng TTPC, Phòng QLCL phối hợp với viên chức các khoa, bố trí cán bộ coi thi (ít nhất có 02 cán bộ/phòng thi). Trong quá trình tổ chức thi, SV vi phạm quy chế thi sẽ bị lập biên bản, lập danh sách và được Trường xử lý theo quy định [H5.05.02.09], [H5.05.01.18], [H5.05.01.10], [H5.05.03.07], [H5.05.03.08].

Sau khi thi, bài thi sẽ được niêm phong và chuyển về Phòng QLCL để tiến hành công tác đánh phách, rọc phách. Bộ môn phải cử GV lên chấm thi tại Phòng Chấm thi. Tất cả các bài thi đều phải được chấm và có chữ ký của cán bộ chấm thi. Biên bản ghi điểm phải có chữ ký của cán bộ chấm thi. Tất cả quy trình liên quan đến đánh giá kết quả học tập được quy định trong văn bản quy định công tác khảo thí và những văn bản hướng dẫn về CTĐT hàng năm được phổ biến tới SV, các đơn vị trong toàn Trường, trong đó quy định rõ quy trình đánh giá kết quả học tập, quy trình phúc tra, rà soát kiểm tra để đảm bảo kết quả đánh giá luôn công khai, công bằng và khách quan [H5.05.03.09], [H5.05.02.09], [H5.05.02.09], [H5.05.01.05], [H5.05.01.06].

Tất cả kết quả thi của NH đều được công khai trên Phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường. Sau khi biết được kết quả thi, NH có quyền phúc tra điểm thi nếu cảm thấy kết quả chưa hài lòng. Sau khi kết thúc công tác chấm thi và lên điểm, Phòng QLCL kết hợp với các Khoa/Bộ môn kiểm tra, đối chiếu điểm thi của NH trên Phần mềm quản lý đào tạo so với biên bản chấm thi [H5.05.02.16], [H5.05.02.17], [H5.05.01.15].

Sau khi kết thúc môn học, Phòng QLCL sẽ phối hợp cùng Phòng CTSV tiến hành khảo sát ý kiến của NH về một số nội dung liên quan đến đánh giá môn học cụ thể như hình thức kiểm tra đánh giá phổ biến ngay đầu môn học, nội dung và mục tiêu môn học, GV sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá, thang điểm đánh giá cho từng nội dung kiểm tra rõ ràng, kết quả kiểm tra đánh giá công bằng. Nhà trường cũng đã khảo sát và báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của NH đánh giá GV cụ thể gồm những nội dung: tác phong sư phạm, nội dung giảng dạy, tổ chức hoạt động giảng dạy, kiểm tra, đánh giá [H5.05.02.21], [H1.01.02.05], [H5.05.03.18], [H5.05.03.19].

Với những SV học năm cuối, Khoa và Trường đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến và báo cáo ĐGCL đào tạo của cơ sở giáo dục trước khi tốt nghiệp và công khai tới các bên liên quan. Thông qua góp ý của NH, Khoa và Nhà trường có kế hoạch điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với thực tiễn. Đồng thời các đơn vị liên quan đến công tác đào tạo cũng phải tổng kết, báo cáo hàng năm để có phương hướng rà soát, cải tiến nâng cao chất

lượng đào tạo [H5.05.03.17], [H5.05.03.20], [H5.05.03.21], [H5.05.03.22], [H5.05.03.23].

2. Điểm mạnh

- Việc kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH được tiến hành bằng các phương pháp khác nhau phù hợp với từng học phần.

- Công tác đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc báo cáo, phân tích, thống kê định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện thường xuyên nên phương thức kiểm tra đánh giá và đề thi của một số học phần chưa được điều chỉnh, cập nhật kịp thời và phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa Y Dược rà soát đổi mới phương thức kiểm tra đánh giá cho các học phần sao cho phù hợp nhất, đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị của phương pháp kiểm tra đánh giá.

Bên cạnh đó, GV và các phòng chức năng thường xuyên thực hiện nghiêm túc, đúng quy định việc đánh giá kết quả học tập để đảm bảo tính khách quan, chính xác, công bằng.

5. Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 5.4 Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập.

1. Mô tả

Nhà trường có các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH và được phổ biến đến toàn bộ GV và NH. Vào mỗi đầu năm học, GV, CVHT sẽ được cập nhật quy định về chế độ làm việc đối với GV và được phát sổ tay CVHT, đồng thời được Khoa Y Dược và Nhà trường phổ biến những nội dung liên quan đến quy định đánh giá kết quả học tập cho NH, trong đó quy định rõ nội dung CTĐT, đánh giá kết quả rèn

luyện, quy trình thi, điều kiện dự thi và điểm đánh giá bộ phận các học phần. Những quy định này sẽ được GV phổ biến và thông báo lại cho NH từ đầu năm học và trong suốt quá trình học tập các môn học một cách công khai và kịp thời để NH nắm bắt và có kế hoạch học tập hiệu quả [H5.05.04.01], [H5.05.01.02], [H5.05.02.18], [H5.05.01.05], [H5.05.02.09], [H5.05.01.08].

Trong quá trình học, NH được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời. Những kết quả đánh giá NH như điểm ý thức trong quá trình học tập, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm quá trình học tập chiếm 30% điểm tổng kết môn học, ... được thông báo công khai cho NH ngay khi kết thúc giảng dạy học phần, thông qua các Bộ môn và đăng tải trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Khoa sẽ thông báo đến các Bộ môn về việc cập nhật điểm quá trình lên hệ thống phần mềm trong thời gian quy định để NH kịp thời cập nhật, chuẩn bị cho kỳ thi hết môn. Mỗi NH đều có tài khoản cá nhân trên cổng thông tin điện tử của Trường, trong đó có cập nhật thông tin về lịch học, thi và kết quả học tập [H5.05.02.15], [H5.05.01.15], [H5.05.04.02].

Kết thúc kỳ thi học kỳ, công tác chấm thi được Khoa đôn đốc đến các GV, Phòng QLCL đăng tải điểm trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo nhanh chóng ngay sau khi GV hoàn thành công tác chấm thi. Sau khi biết được kết quả thi, NH có quyền phúc tra điểm thi nếu cảm thấy kết quả chưa hài lòng. Đối với các môn thi vấn đáp, môn học nộp bài tiểu luận, làm bài thi trên máy tính, SV liên hệ với GV hoặc Bộ môn phụ trách nếu có khiếu nại về điểm thi. Trong trường hợp thay đổi điểm, Bộ môn phải giải trình và được Phòng QLCL xác nhận trước khi công nhận điểm cho NH. Đối với môn thi tự luận, Bộ môn bố trí GV kiểm tra bài thi, chấm phúc khảo, đảm bảo công bằng cho NH. Từ những đánh giá nhận được đó, NH sẽ có kế hoạch cải thiện kết quả phù hợp nhất với bản thân, ngoài ra, CVHT cũng sẽ hỗ trợ định hướng và tư vấn về vấn đề học tập cho NH sao cho kết quả đạt được là khả quan nhất [H5.05.01.15], [H5.05.02.16], [H5.05.02.17], [H5.05.02.09], [H1.01.03.11].

Nhà trường sẽ tổ chức họp tổng kết công tác thi để rà soát, tổng hợp và điều chỉnh hình thức đánh giá các môn học, công tác tổ chức thi, in sao đề thi, chấm thi, công bố kết quả thi để đạt được mục đích khách quan, công khai, công bằng cho NH. Những SV có kết quả học tập yếu, vi phạm kỷ luật, Trường đã ra Thông báo, Quyết định cảnh báo tới SV để nâng cao ý thức học tập và nâng cao chất lượng đào tạo, những SV đủ điều kiện tốt

nghiệp được thống kê xét tốt nghiệp theo nhiều đợt trong năm và công khai trên trang thông tin điện tử của Trường [H5.05.03.24], [H5.05.03.25], [H5.05.04.03].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đã tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của NH sau khi kết thúc môn học với những tiêu chí rất cụ thể để ĐGCL đào tạo và GV gồm những nội dung như: tác phong sư phạm, nội dung giảng dạy, tổ chức hoạt động giảng dạy, kiểm tra, đánh giá. Bên cạnh đó, NH còn có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với Lãnh đạo Khoa và Trường thông qua những buổi đối thoại giữa Lãnh đạo Khoa và Trường với SV, đây là cơ hội để trao đổi và nhận được phản hồi ngay về những trăn trở, thắc mắc của SV trong quá trình học, từ đó, định hướng việc học rõ ràng và chất lượng hơn. Ý kiến thông tin phản hồi từ NH đối với kết quả học tập thường xuyên được Khoa đưa vào báo cáo sơ kết, tổng kết của đơn vị nhằm rút kinh nghiệm và có biện pháp cải thiện việc học tập của NH [H5.05.03.18], [H5.05.03.19], [H5.05.02.21], [H5.05.03.07], [H5.05.04.19], [H5.05.02.19], [H5.05.02.20], [H5.05.04.22], [H5.05.03.22].

2. Điểm mạnh

- Trường có các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH.
- Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và NH. Người học dựa vào kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập và sắp xếp kế hoạch học tập phù hợp với cá nhân.

3. Điểm tồn tại

Việc cải thiện kết quả học tập của NH chưa được báo cáo đánh giá một cách cụ thể nên chưa định lượng được sự cải thiện kết quả học tập của SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Nhà Trường và Khoa cần có bộ phận chuyên trách đánh giá và phân tích các dữ liệu để có một kế hoạch hành động cụ thể hơn nhằm cải thiện hơn nữa chất lượng đào tạo NH. Đồng thời, cần có sự gặp gỡ trao đổi giữa NH và GV sau khi công bố kết quả học tập của các học phần để người học có định hướng tốt hơn trong việc cải thiện học tập.

Khoa Y Dược thường xuyên thực hiện đánh giá kết quả học tập của NH theo đúng quy trình, nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với CTĐT, mục tiêu từng học phần và CĐR của CTĐT. Đồng thời, phản hồi nhanh chóng ý kiến

của NH về kết quả học tập giúp NH hoàn thành chương trình học tập đúng thời hạn và đạt kết quả tốt.

5. *Tự đánh giá:* 4/7.

Tiêu chí 5.5 Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả

Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thực hiện theo quy định về công tác khảo thí và được thông báo công khai đến NH thông qua nhiều hình thức như tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Sổ tay SV và trang thông tin điện tử của Trường. NH sẽ được nhắc nhở thường xuyên trong quá trình học tập thông qua GV tại các Bộ môn, đặc biệt là trước mỗi kỳ thi kết thúc học phần. Ngoài ra, CVHT là người theo sát nhất trong quá trình NH học tập tại trường, CVHT sẽ triển khai trong các buổi sinh hoạt lớp cụ thể về những quy định này và trả lời trực tiếp cho SV những vướng mắc gặp phải

[H5.05.02.09],[H5.05.05.02],[H2.02.03.01],[H1.01.02.06],[H1.01.03.11],[H5.05.05.0],[H5.05.05.03].

Sau khi biết được kết quả thi, NH có quyền nộp đơn phúc tra điểm thi nếu cảm thấy kết quả chưa hợp lý, Phòng QLCL sẽ tiếp nhận và xử lý theo đúng quy định. Để thuận tiện cho NH trong việc tiếp cận cán bộ liên quan trong quá trình khiếu nại, theo quy định, Phòng QLCL đã phân công một số chuyên viên phụ trách việc kiểm tra kết quả thi để tiếp nhận, xử lý và phản hồi kết quả tới người có liên quan, hơn nữa, điều này giúp cho quá trình xử lý khiếu nại nhanh chóng, kịp thời, thỏa đáng. Trong nhiều năm qua, NH không có kiến nghị gì thêm sau khi được giải quyết khiếu nại về kết quả học tập. Từ đó cho thấy, việc khiếu nại về kết quả học tập của người học đã được xử lý thỏa đáng [H5.05.05.08], [H5.05.05.09], [H5.05.05.01].

Ngoài ra, những khiếu nại của NH về kết quả học tập còn được lấy ý kiến thông qua các khảo sát của Nhà trường và Khoa Y Dược về ĐGCL đào tạo. Bên cạnh đó, các đối thoại giữa Lãnh đạo Khoa và Trường hàng năm cũng là cơ hội để NH nêu ra những vướng mắc của mình trong quá trình học tập [H5.05.02.21], [H1.01.02.05], [H5.05.03.18], [H5.05.03.19], [H5.05.04.19], [H5.05.02.19], [H5.05.02.20].

2. Điểm mạnh

- NH được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập bằng nhiều hình thức trong suốt quá trình học, nhất là trước mỗi kỳ thi kết thúc học phần.

- Hằng năm, việc khiếu nại về kết quả học tập được Khoa Y Dược, Phòng QLCL và Nhà trường xử lý, giải quyết theo đúng quy định.

3. Điểm tồn tại

Các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do thực hiện qua nhiều công đoạn, từ cấp khoa đến các đơn vị liên quan cấp trường nên gây phiền phức, mất thời gian và công sức của NH khi thực hiện công việc này.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Trường xem xét rút gọn quy trình, thủ tục phúc tra kết quả học tập của NH nhanh, gọn và hiệu quả hơn nữa.

CVHT, cán bộ chuyên trách của Khoa và các phòng ban thường xuyên tích cực hỗ trợ SV trong xử lý quy trình khiếu nại về học tập.

5. Tự đánh giá: 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Trường ĐHTN và khoa Y Dược xây dựng các quy trình, kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của NH. Các quy trình, tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu được đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR và được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR.

Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH ngành Điều dưỡng được xây dựng trong CTĐT một cách đa dạng, phù hợp với từng học phần. Bên cạnh đó, các phương pháp đánh giá NH được Khoa và Trường rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CDR. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

NH được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần. Hằng năm, việc khiếu nại về kết quả học tập được

xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập.

Tuy nhiên, việc báo cáo, phân tích, thống kê định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện thường xuyên nên phương thức kiểm tra đánh giá và đề thi của một số học phần chưa được điều chỉnh, cập nhật kịp thời và phù hợp. Việc cải thiện kết quả học tập của NH chưa được báo cáo đánh giá một cách cụ thể nên chưa định lượng được sự cải thiện kết quả học tập của SV. Bên cạnh đó, một số thủ tục khiếu nại còn qua nhiều bước nên cần cải thiện hơn nữa để thuận tiện nhất cho NH trong quá trình học tập tại Trường.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: số tiêu chí đạt 5/5, 01 tiêu chí đạt mức 5/7, 04 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Trường Đại học Tây Nguyên được thành lập với sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội của khu vực Tây Nguyên và cả nước. Điều này cũng có ý nghĩa Nhà Trường cần một lực lượng GV có đủ năng lực để phục vụ công tác giảng dạy và NCKH. Trường luôn xác định công tác chuẩn hóa và nâng cao chất lượng, trình độ cho CB, GV là nhiệm vụ trọng tâm. Đội ngũ GV của Khoa Y Dược nói chung, ngành Điều dưỡng nói riêng được quy hoạch đầy đủ đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đội ngũ gv có năng lực chuyên môn, tích cực tham gia vào các loại hình nghiên cứu khoa học khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, tiêu chí rõ ràng, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. GV luôn được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nhằm phát triển chuyên môn và kỹ năng. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV đã tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, NCKH và các hoạt động PVCD.

Tiêu chí 6.1 Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Quy hoạch đội ngũ giảng viên là cơ sở cho các hoạt động nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nhà trường có chiến lược và kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác này, thực hiện chỉ đạo của Đảng Ủy, Nhà Trường xây dựng và có kế hoạch phát triển đội ngũ GV hàng năm căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Trường tiến hành báo cáo biên chế công chức, số lượng người làm việc trong năm theo danh mục vị trí việc làm, số lượng người làm việc của Trường và theo chức danh nghề nghiệp hạng I, II, III, IV trình Bộ GDĐT duyệt chỉ tiêu hàng năm [H6.06.01.01].

Kế hoạch quy hoạch đội ngũ GV được thể hiện trong kế hoạch chiến lược trung hạn của Khoa, trong đó xác định việc quy hoạch đội ngũ, phát triển nguồn nhân lực có năng lực và tâm huyết nhằm đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

Các nội dung triển khai cụ thể để đạt được mục tiêu được thể hiện trong kế hoạch hoạt động từng các năm học và được thông qua tại Hội nghị cán bộ, viên chức hằng năm [H6.06.01.02]. Căn cứ phê duyệt chỉ tiêu biên chế của Bộ GD&ĐT, Hiệu trưởng trình HĐT phê duyệt và ban hành danh mục vị trí việc làm, thông báo đến các đơn vị rà soát, báo cáo đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ hàng năm của CBVC và xây dựng nhu cầu nhân lực [H6.06.01.03].

Trên cơ sở Đề án Vị trí việc làm, Nhà trường chủ động trong công tác sử dụng, quản lý cán bộ; tuyển dụng; bổ nhiệm, đề bạt quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ cho phù hợp với tình hình thực tế của Nhà Trường. Nhằm triển khai Nghị quyết của Đảng ủy về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, căn cứ vào thực trạng nhân lực và nhu cầu phát triển của từng đơn vị. Nhà trường thông báo rà soát cơ cấu tổ chức, nhân sự và xây dựng kế hoạch nhân lực hàng năm như báo cáo số giờ giảng thực tế từng năm học (số lớp đảm nhận, số giảng viên cơ hữu, số giờ bình quân/giảng viên), kế hoạch tuyển dụng [H6.06.01.04], [H6.06.01.05]. Căn cứ vào báo cáo từng đơn vị, Nhà trường rà soát lại xem những vị trí việc như nhân viên, chuyên viên hoặc tương đương làm việc tại đơn vị nếu đơn vị có nhu cầu tiến hành đề xuất, sẽ xem xét điều chuyển cho phù hợp. Sau đó Nhà trường ra thông báo tuyển dụng các vị trí việc làm đáp ứng các mục tiêu đã đề ra. Quy trình tuyển dụng để tuyển chọn GV có các hướng dẫn, biểu mẫu rõ ràng, yêu cầu tiêu chuẩn về học lực, sức khỏe, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đối với ứng viên dự tuyển viên chức giảng dạy, nghiên cứu viên, kỹ thuật viên và nhân viên [H6.06.01.06]. Thông tin tuyển dụng được công bố công khai minh bạch trên website của Trường và trên các phương tiện truyền thông khác như báo giấy, báo điện tử,... Kế hoạch tuyển dụng, quy trình xét tuyển, sát hạch chuyên môn, phỏng vấn và quyết định trúng tuyển thực hiện chặt chẽ, minh bạch theo đúng quy trình [H6.06.01.07], [H6.06.01.08].

Đối với cán bộ được Nhà trường cử đi học, tùy từng trường hợp cụ thể Hiệu trưởng xem xét quyết định chi hỗ trợ phần kinh phí đào tạo. Nhà trường có cơ chế thu hút các cán bộ có trình độ sau đại học về nhận công tác tại Trường; có chính sách nhân sự thu hút trong việc tính hệ số thu nhập tăng thêm theo thâm niên công tác; thể hiện rõ các chính sách tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, chế độ phúc lợi, môi trường làm việc và chính sách thu hút, giữ chân nhân tài [H6.06.01.09].

Đội ngũ nhân sự hiện nay của Khoa được quy hoạch đảm bảo phù hợp với cơ cấu tổ chức, để đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD. Đội ngũ này thường xuyên được quy hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu đã đề ra [H6.06.01.10]. Tính đến 31/7/2021, Khoa hiện có 116 GV cơ hữu, trong đó có 03 PGS, 07 Tiến sĩ (có 01 cán bộ tham gia quản lý ở phòng ban cũng là lực lượng đóng góp cho Khoa Y Dược trong mọi lĩnh vực, đặc biệt về đào tạo và nghiên cứu khoa học), 45 Thạc sĩ, 02 Bác sĩ CKII, 07 Bác sĩ CKI, 25 Bác sĩ, 04 Dược sĩ Đại học, 04 Cử nhân điều dưỡng, 02 Cử nhân xét nghiệm, 04 Kỹ thuật viên trung cấp, 01 Y sĩ, 03 chuyên viên. Ngoài ra, Khoa còn có sự hợp tác đồng đào các GV kiêm nhiệm, thỉnh giảng là các nhà khoa học, GV có uy tín từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức, bệnh viện trong nước. Việc quy hoạch đội ngũ GV do Khoa và Phòng TCCB phối hợp thực hiện và được Nhà trường đầu tư rất nhiều kinh phí.

**Bảng 6.1.1 Thống kê số liệu quy hoạch đội ngũ GV Khoa Y Dược
trong giai đoạn 2017-2021**

Trình độ	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018 -2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021
Giáo sư	-	-	-	-
Phó giáo sư	03	03	03	03
Tiến sĩ	07	07	05	05
Thạc sỹ	40	42	47	45
Bác sỹ chuyên khoa II	02	02	02	02
Bác sỹ chuyên khoa I	06	07	07	07
Bác sỹ	34	30	26	25
Đại học	19	19	24	21
Khác	11	09	07	08
Tổng	122	119	121	116

Bảng 6.1.2 Thông kê GV cơ hữu Khoa Y Dược năm 2020 – 2021

TT	Trình độ	Số lượng người	Tỉ lệ (%)	Phân loại theo giới (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó giáo sư	03	2,6	03	0	0	0	0	02	01
3	Tiến sĩ	05	4,3	05	0	0	0	01	02	0
4	Thạc sỹ	45	38,8	12	33	04	27	04	06	0
5	Bác sỹ chuyên khoa II	02	1,7	02	0	0	0	02	0	0
6	Bác sỹ chuyên khoa I	07	6,0	02	05	0	02	04	01	0
7	Bác sỹ	25	21,6	09	16	21	13	0	01	0
8	Đại học	21	18,1	09	12	06	12	0	03	0
9	Khác	08	6,9	04	04	01	04	0	03	0
	Tổng	116	100	46	70	32	59	10	18	01

Công tác bổ nhiệm CBQL được thực hiện theo quy định bổ nhiệm, được thông qua bởi Hội đồng Trường, BGD để đảm bảo việc bổ nhiệm các CBQL có năng lực và phẩm chất đạo đức phù hợp, đồng thời tuân thủ chặt chẽ quy trình bổ nhiệm và có Quyết định bổ nhiệm đầy đủ theo các vị trí chức danh. Đối với GV sau khi hoàn thành thời gian tập sự được bổ nhiệm vào ngạch GV theo đúng quy định [H6.06.01.11]. Việc chấm dứt hợp đồng lao động, cho nghỉ hưu của CB-GV-NV được Nhà trường áp dụng theo điều 36 và điều 187 của Luật Lao động (Luật số: 10/2012/QH13). Ngoài ra, việc chấm dứt hợp đồng lao động còn được nêu rõ trong nội quy lao động, trong quy chế trả lương và chính sách đối với CB-GV-NV và trong các hợp đồng lao động [H6.06.01.12].

2. Điểm mạnh

Trường và khoa đã xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng, quy hoạch, phát triển GV với các tiêu chí rõ ràng dựa chiến lược phát triển đội ngũ, đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Việc quan tâm phát triển đội ngũ GV của Trường và Khoa đã xây dựng được đội ngũ cán bộ có tính kế thừa và phát huy, đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy và các hoạt động chuyên môn.

Nhà trường đã xác định đầy đủ vị trí và chức năng của giảng viên trong công tác nghiên cứu khoa học. Xây dựng được chỉ tiêu và xác định được những nội dung ưu tiên cho công tác nghiên cứu khoa học.

Nhà trường đã xây dựng được chiến lược, quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ và có nhiều biện pháp nhằm thu hút và tạo điều kiện cho cán bộ học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, yên tâm, yêu nghề và có thu nhập chính đáng.

3. Điểm tồn tại

Khoa ít, có nguy cơ thiếu hụt đội ngũ GV có trình độ Tiến sĩ, học hàm PGS.TS trong tương lai.

Công tác nghiên cứu khoa học còn chưa thực sự bứt phá, chưa có nhiều đề tài đặt hàng của cộng đồng xã hội. Hiệu quả ứng dụng của các đề tài còn hạn chế, chưa có nhiều các nhóm NCKH; nguồn kinh phí dành cho NCKH còn hạn hẹp nên quy mô các đề tài còn nhỏ; số lượng đề tài, dự án liên kết chưa nhiều chỉ tập trung ở một số ít cán bộ, giảng viên, chưa đồng đều giữa các lĩnh vực và chưa tương xứng với tiềm năng NCKH của Nhà trường; việc phối hợp với cá trung tâm y khoa lớn, các tổ chức khoa học công nghệ còn chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, khi triển khai kế hoạch tuyển dụng nhân sự, Trường và Khoa phải đẩy mạnh việc thu hút GV giảng dạy các môn đang thiếu nhân lực, bổ sung nguồn GV cơ hữu cho Khoa.

Trên cơ sở các chiến lược đã ban hành, Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch giám sát, đánh giá việc thực hiện các chiến lược phát triển và kế hoạch phát triển đội ngũ GV/NCV phục vụ mục tiêu đào tạo.

5. Tự đánh giá: 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.2 Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Tính đến 31/7/2021, Khoa hiện có 116 GV cơ hữu, trong đó có 03 PGS, 07 Tiến sĩ (có 01 cán bộ tham gia quản lý ở phòng ban cũng là lực lượng đóng góp cho Khoa Y Dược trong mọi lĩnh vực, đặc biệt về đào tạo và nghiên cứu khoa học), 45 Thạc sĩ, 02 Bác sĩ CKII, 07 Bác sĩ CKI, 25 Bác sĩ, 04 Dược sĩ Đại học, 04 Cử nhân điều dưỡng, 02 Cử nhân xét nghiệm, 04 Kỹ thuật viên trung cấp, 01 Y sĩ, 03 chuyên viên. Trong đó, có 19 GV chính và 59 GV. Định kỳ hàng năm, Khoa thực hiện rà soát, đánh giá và bổ sung đội ngũ GV phấn đấu đạt tỉ lệ 22 sinh viên/1 GV đúng quy định theo từng khối ngành đào tạo [H6.06.01.05]. Tất cả GV đều đáp ứng các tiêu chuẩn tuyển dụng của Trường, có trình độ chuyên môn, phù hợp với ngành đào tạo.

Căn cứ Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014, Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về chế độ làm việc đối với GV, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với GV từng khoa phòng, quy định này được rà soát, cập nhật hàng năm. GV có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ tiết chuẩn gồm: tiết chuẩn giảng dạy, tiết chuẩn NCKH và hướng dẫn cụ thể quy đổi tiết chuẩn để tính khối lượng tiết chuẩn theo đúng quy định [H6.06.02.01], [H6.06.02.02]. Quy định này là căn cứ để phân công, bố trí, sử dụng, tăng cường hiệu lực công tác quản lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động đối với GV, là cơ sở để GV xây dựng kế hoạch giảng dạy, NCKH, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và các công tác được phân công và làm cơ sở để đánh giá, xếp loại GV hằng năm [H6.06.02.03]. Đảm bảo tính công khai, công bằng, dân chủ trong việc thực hiện chế độ lương, thưởng, quyền và nghĩa vụ của GV, quy định này được phổ biến đến toàn thể GV trên website của Trường và trao đổi kỹ khi ký hợp đồng lao động đối với GV. Trách nhiệm của GV là: (i) Giảng dạy, phát triển chương trình đào tạo, thực hiện đầy đủ, đảm bảo chất lượng đào tạo; (ii) Biên soạn tài liệu giảng dạy; (iii) Nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, bảo đảm chất lượng đào tạo; (iv) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và công nghệ; Thực hiện quy hoạch bồi dưỡng của Trường; (v) GV chịu sự quản lý trực tiếp của bộ môn, chịu trách nhiệm cá

nhân về thực hiện các nhiệm vụ được giao; làm công tác cố vấn học tập theo phân công; (vi) giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự của GV; (vii) Tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của người học; (viii) Tham gia đầy đủ các hoạt động chuyên môn, các cuộc họp, hội thảo của bộ môn, Khoa và Trường; tham gia và cổ vũ các hoạt động của bộ môn, Khoa và Trường; (ix) Thực hiện nhiệm vụ khác như coi thi học kỳ, hướng dẫn luận án, thực tập, ngoại khóa cho sinh viên,...; (iv) Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và điều lệ Nhà trường; Trách nhiệm của GV được theo dõi giám sát và đánh giá cụ thể bằng nhiều cách khác nhau: kiểm tra tình hình thực hiện thời khóa biểu giảng dạy, kỷ cương đến lớp của GV qua kết quả thống kê của thanh tra, kết quả kiểm tra của Văn phòng trường, tổ chức dự giờ GV, mức độ hoàn thành khối lượng công việc được giao; xây dựng đề thi, nhập điểm. Tất cả GV thuộc Trường ổn định và nề nếp, đáp ứng được các yêu cầu hoạt động và phát triển của Trường.

Nhà trường có quy định cụ thể chất lượng công việc đối với đội ngũ GV, NCV để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hàng năm, Trường ĐHTN định kỳ rà soát, sửa đổi bổ sung Quy chế chi tiêu nội như chế độ, chính sách được cải thiện qua các năm. Căn cứ nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện nhiệm vụ và đối chiếu với các tiêu chuẩn của các quy định trên, định kỳ cuối năm học, Nhà trường ra thông báo triển khai đánh giá, phân loại công chức, viên chức và người lao động công khai và được thực hiện một cách dân chủ, minh bạch [H6.06.02.04]. Khoa triển khai thực hiện theo thẩm quyền, đúng quy trình từ việc cá nhân tự đánh giá, bộ môn nhận xét đánh giá phân loại, sau đó là Khoa và cuối cùng cấp Trường. Căn cứ đăng ký kế hoạch thực hiện nhiệm vụ vào đầu năm học, cuối năm học mỗi viên chức báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả công việc bằng phiếu đánh giá trên cơ sở kế hoạch đào tạo năm học, phân công giảng dạy, đăng ký thi đua năm học [H6.06.02.05]. Tất cả bản kế hoạch và phiếu đánh giá được thực hiện phân cấp theo quy định, kết quả phân loại cấp Trường được công nhận và công khai trên website của Trường và lưu trữ trên phần mềm quản lý. Đối với công tác thi đua, khen thưởng, Nhà trường ra thông báo Khoa thực hiện đăng ký thi đua vào đầu năm để có cơ sở xét thi đua vào cuối năm học [H6.06.02.06]. Sau khi hoàn thành, Trường sẽ ra Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá phân loại công chức, viên chức và người lao động, khen thưởng năm học hàng năm [H6.06.02.07].

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường hàng năm thông qua hệ thống dữ liệu phần mềm quản lý đào tạo [H6.06.02.08]. Việc này không chỉ giúp từng GV đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình mà còn giúp các cấp quản lý có được cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong Khoa, từ đó có định hướng chiến lược thích hợp.

2. Điểm mạnh

Có các quy định, tiêu chí rõ ràng, minh bạch để đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV để làm căn cứ cải tiến các hoạt động ĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng của Khoa.

3. Điểm tồn tại

Kết quả khối lượng công việc, NCKH và phục vụ cộng đồng của đội ngũ GV đã được đo lường, giám sát định kỳ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và làm căn cứ xét thu đua khen thưởng, tuy nhiên chưa được phân tích một cách sâu sát để nâng cao hơn nữa năng suất và hiệu quả làm việc.

4. Kế hoạch hành động

Để cải tiến hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD. Từ năm 2022, Khoa cần phân tích khối lượng công việc và kết quả thực hiện của từng GV ở các bộ môn để việc đánh giá và phân công công việc ngày càng phù hợp, công bằng,

5. Tự đánh giá: 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.3 Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

Xây dựng đội ngũ GV có năng lực, trình độ cao là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy, để đảm bảo tuyển được GV có đủ phẩm chất đạo đức, đáp ứng được chuyên môn nghiệp vụ, Trường ban hành các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ [H6.06.01.03], [H6.06.01.07] . Công tác tuyển dụng và lựa chọn được thực hiện theo quy trình rõ ràng, bao gồm các bước thực hiện, trách nhiệm các bên liên quan và các biểu mẫu áp dụng được mã hóa nhằm

tạo tính chuyên nghiệp và đạt hiệu quả cao trong quá trình thực hiện. Quy trình tuyển dụng thực hiện qua 7 bước sau: 1) Chuẩn bị kế hoạch tuyển dụng; 2) Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận hồ sơ; 3) Kiểm tra hồ sơ, thông báo danh sách đủ điều kiện và gặp mặt giao nhiệm vụ cho ứng viên dự tuyển; 4) Tổ chức sát hạch; 5) Tổng hợp kết quả tuyển dụng; 6) Thông báo kết quả tuyển dụng; 7) Hiệu trưởng phòng văn ký hợp đồng tuyển dụng và nhận việc.

Đối với GV, sau khi trúng tuyển, trong thời gian thử việc, mọi GV đều phải thực hiện biên soạn bài giảng và giảng thử thông qua 03 cấp phê duyệt của Bộ môn, Khoa và Trường rồi mới được công nhận giảng dạy chính thức. Đồng thời, Nhà trường và Ban chủ nhiệm Khoa sẽ cử 01 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV mới được tuyển dụng. Sau đó, làm bản tự nhận xét quá trình công tác trong năm gửi Lãnh đạo Khoa hợp xét đánh giá và gửi hồ sơ về Phòng Tổ chức cán bộ tổng hợp, trình Hội đồng tuyển dụng và Ban Giám hiệu ra quyết định tiếp nhận và ký hợp đồng chính thức [H6.06.01.12]. Trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (GV chính, phó giáo sư, giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng/Phó Bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, NCKH. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của Trường, công tác này được thông qua Hội đồng trường, BGH để đảm bảo việc bổ nhiệm CBQL có năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức phù hợp [H6.06.03.01]. Các tiêu chí đánh giá năng lực của GV được Khoa xây dựng thông qua bản mô tả công việc và Quy định về tiêu chuẩn năng lực các vị trí chức danh, quy chế trả lương cho CB-GV-NV [H6.06.03.02], các tiêu chí này giúp Khoa thực hiện tuyển dụng và đánh giá năng lực GV một cách toàn diện, nghiêm túc và khách quan, công bằng. Nhà trường đã thực hiện triệt để các quy định về tiêu chuẩn năng lực của công chức viên chức đáp ứng về chuẩn chức danh, trình độ, năng lực theo vị trí việc làm [H6.06.01.03]. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai trên website của Trường [[H6.06.03.03]. Ngoài ra, các thông báo tuyển dụng còn được đăng tải trên các phương tiện truyền thông đại chúng như Báo Đắk Lắk, mạng xã hội facebook ... để các đối tượng ứng tuyển dễ dàng tiếp cận thông tin, mở rộng hơn quy mô tuyển dụng [H6.06.03.04].

1. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành và triển khai các quy chế quy định trong đó các tiêu chí rõ

ràng (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ GV, NCV. Các tiêu chí này được góp ý và được phổ biến công khai trong toàn trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành và triển khai các quy chế quy định trong đó các tiêu chí rõ ràng (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ GV, NCV. Các tiêu chí này được góp ý và được phổ biến công khai trong toàn trường.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai, tuy nhiên có một số học phần ở bộ môn lâm sàng hồ sơ ứng tuyển chưa nhiều. Do vậy, việc thu hút GV đáp ứng các tiêu chí tuyển dụng của Khoa gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa phối hợp với Phòng TCCB rà soát nhân lực và lập kế hoạch triển khai đa dạng hơn các hình thức thông báo tuyển dụng để các ứng viên có thể tiếp cận được nhiều hơn: thông báo trên, truyền hình, mạng lưới liên hệ với cựu SV... Tăng cường tuyển dụng thêm các ứng viên có trình độ ThS/NCS và tiếp tục đào tạo bồi dưỡng để đạt trình độ tiến sĩ.

5. Tự đánh giá: 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Giảng viên là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của Khoa, đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Nhà trường đã ban hành các quy định để có tiêu chí nhằm xem xét, đánh giá năng lực của GV như: quy định tiêu chí tuyển dụng, quy định tiêu chuẩn năng lực các vị trí chức danh [H6.06.01.03]. Ngoài ra tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ GV được mô tả chi tiết trong bản mô tả công việc và Quy chế tổ chức và hoạt động của bộ môn [H6.06.03.02]. Đối với GV, các năng lực về giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác được quy định rất rõ trong các điều 7,8 và 9 của Quy định về chế độ làm việc của GV, trong đó có các

tiêu chí xác định năng lực NCKH, thiết kế và thực hiện CTĐH; năng lực ứng dụng và sử dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng. Đến nay, tất cả GV của ngành Điều dưỡng tự thiết kế và thực hiện chương trình giảng dạy [H6.06.04.01]. Đây là cơ sở có thể thực hiện hoạch định nguồn nhân lực, kế hoạch kế cận đồng thời hỗ trợ cho công tác tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, xây dựng chế độ chính sách và đánh giá nhân sự.

Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV, nghiên cứu viên để đánh giá kết quả thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thành tích lao động của CB-GV-NV [H6.06.02.04]. Công tác đánh giá nhân sự được nhà Trường thực hiện nghiêm túc, khoa học và thông qua phần mềm. Các chính sách về đánh giá và khen thưởng cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương [H6.06.04.01]. Triển khai các quy định này giúp Nhà trường đánh giá được các hoạt động của đội ngũ GV trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động lực phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường. Các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể đối với các nhóm đối tượng khác nhau như: Đối với GV: Khối lượng, chất lượng giảng dạy; Khối lượng, chất lượng NCKH; Chất lượng thực hiện các công tác chung của Khoa, Trường theo sự phân công của Lãnh đạo; Mức độ chấp hành nội quy của Trường. Đối với cán bộ, nhân viên; mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao; mức độ chấp hành nội quy của Trường; mức độ tham gia công tác chung; mức độ chấp hành nội quy, kỷ luật lao động; đóng góp ý kiến, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác, làm lợi cho Trường và mức độ tham gia ghi nhận và báo cáo của Ban thanh tra, Phòng ĐTĐH, thông tin ghi nhận và báo cáo của Công đoàn, ĐTN, kết quả tự đánh giá của cá nhân, đánh giá của Lãnh đạo đơn vị đối với từng cá nhân thuộc đơn vị mình quản lý. Cá nhân tự đánh giá kết quả công việc theo 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Sau đó, Bộ môn, Khoa tiến hành họp với toàn bộ GV để thống nhất lấy ý kiến bình xét thi đua theo đúng quy định của Nhà trường [H6.06.04.02]. Kết quả đánh giá của Hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác năm học là kết luận cuối cùng về mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác của CB-GV-NV [H6.06.04.03]. Thông qua kết quả đánh giá cuối năm cho thấy các GV thuộc Khoa đều có đủ năng

lực để thực hiện tốt công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Ngoài ra kết quả phản hồi của sinh viên sau mỗi môn học và mỗi học kỳ cũng có thấy sinh viên hài lòng với năng lực, trình độ giảng dạy của GV [H6.06.04.04]. Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Trên cơ sở đó, GV không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ phù hợp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV, có quy trình hướng dẫn cụ thể, rõ ràng để triển khai đánh giá, đảm bảo việc đánh giá chính xác góp phần cải thiện và nâng cao năng lực đội ngũ.

3. Điểm tồn tại

Năng lực NCKH của các GV chưa đồng đều. Các kết quả khảo sát về năng lực của giảng viên vẫn chưa triển khai hiệu quả triệt để.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa phối hợp với phòng Đảm bảo chất lượng để xây dựng các biểu mẫu khảo sát hiệu quả để có thể khai thác triệt để phản hồi của các bên liên quan. Trên cơ sở đó nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.

Nhà trường và Khoa tăng cường công tác tuyển dụng các GV có học hàm TS trở lên về công tác tại Khoa.

5. Tự đánh giá: 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Vấn đề đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ GV được Khoa và Nhà trường đặc biệt chú trọng thực hiện thông qua hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, Nhà trường đã tiến hành khảo sát và tìm hiểu nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đồng thời thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá nhu cầu trên cơ sở quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Trường và của Khoa [H6.06.05.01].

Trên cơ sở xác định nhu cầu đào tạo Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch đào tạo dài hạn, Kế hoạch đào tạo hàng năm gồm các chương trình đào tạo, mục tiêu của các chương trình đào tạo, nội dung cụ thể của chương trình đào tạo, các hình thức, phương pháp đào tạo, thời gian, chi phí đào tạo và chính sách sau đào tạo [H6.06.01.09]. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng thu hút được đông đảo GV tham gia và có hiệu quả rất lớn trong việc nâng cao chuyên môn và kỹ năng cho GV [H6.06.05.02]. Bên cạnh đó, các GV mới được tuyển dụng được tham gia huấn ban đầu các nội dung về quy chế, quy định, cơ chế vận hành hoạt động của Khoa, của Trường, tham gia công tác trợ giảng để trau dồi thêm kinh nghiệm giảng dạy.

Căn cứ nhu cầu của GV và dựa vào kết quả đánh giá năng lực hàng năm, Nhà Trường cũng đã có kế hoạch đào tạo chuyên sâu cho GV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo chuyên ngành như: bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, tham dự các buổi tập huấn chuyên ngành, tham gia tập huấn về soạn thảo chương trình đào tạo, tập huấn phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá người học, phương pháp tập huấn nghiên cứu trong y học dưới hình thức tọa đàm, hội thảo để phát triển kỹ năng giảng dạy [H6.06.05.03]. Nhà trường và Ban chủ nhiệm Khoa có chính sách và biện pháp tạo điều kiện cho cán bộ quản lý và GV tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn ở trong và nước ngoài như: được bố trí nghỉ làm việc để đi học theo lịch của cơ sở đào tạo; được Trường hỗ trợ tiền học phí theo yêu cầu của cơ sở đào tạo; trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng CB-GV-NV được hưởng tiền lương và các chế độ khác theo các quy định hiện hành của Trường; tham gia học tập nâng cao trình độ tại trường được hỗ trợ học phí và các chế độ khen thưởng [H6.06.05.04]. Nhà trường và Khoa công khai thông báo các chương trình học bổng nước ngoài, tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ tham gia dự tuyển [H6.06.05.05].

Hàng năm, Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát, đánh giá thông qua các bản báo cáo tổng kết năm học [H6.06.01.02]. Nhìn chung, các hoạt động đào tạo và phát triển chuyên môn của Khoa nhận được sự đồng thuận và tích cực tham gia của toàn thể GV thông qua các hình thức khảo sát, họp rút kinh nghiệm khoa có những điều chỉnh và kế hoạch triển khai cho các năm học tiếp theo, giúp công tác phát triển đội ngũ nguồn nhân lực ngày càng đa dạng và đạt được hiệu quả cao.

2. Điểm mạnh

Trường đã khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn của GV để xây dựng kế hoạch đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực đội ngũ. Nội dung nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV thiết thực, phong phú, phù hợp với nhu cầu của GV. Khoa và Nhà trường có cơ chế khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sĩ, TS, các khóa đào tạo ngắn hạn. Trường chú trọng triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho GV tại chỗ, đồng thời, khuyến khích GV trẻ đào tạo tại nước ngoài để nâng cao và phát triển trình độ đạt chuẩn quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Một số khóa đào tạo GV tham gia chưa nhiều.

Chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho GV phát triển sâu về chuyên môn do Khoa tổ chức còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa sẽ tìm hiểu nguyên nhân, tạo điều kiện về thời gian và công việc để những GV ít tham gia các khóa đào tạo có thể tham gia các khóa học này. Bên cạnh đó, Khoa cũng xem xét các khóa đào tạo theo nhu cầu của GV đề xuất và phát triển thêm các chương trình bồi dưỡng chuyên sâu cho GV để đưa vào kế hoạch và triển khai.

5. Tự đánh giá: 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Nhà trường xây dựng hệ thống các quy chế, quy định với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV trong công tác giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể dựa trên: Khối lượng, chất lượng giảng dạy; Khối lượng, chất lượng NCKH; Chất lượng thực hiện các công tác chung của Khoa, Trường theo sự phân công của lãnh đạo. Hệ thống các quy định, quy chế này được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học, bao gồm: nội quy lao động, quy định về chế độ làm việc với CB-GV-NV [H6.06.02.02]. Đây là cơ sở để giảng viên xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao

trình độ chuyên môn nghiệp vụ [H6.06.06.01]

Nhà trường triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc CB-GV-NV. Việc đánh giá kết quả công việc của CB-GV-NV luôn được công khai, minh bạch thông qua hệ thống các phần mềm như: phần mềm quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ, các hoạt động giám sát của phòng Thanh tra pháp chế, Phòng Đào tạo đại học. Đầu mỗi học kỳ, Khoa tổ chức họp cán bộ chủ chốt bộ môn phổ biến các quy chế, quy định, các kế hoạch công tác và quan trọng hơn cả là để nghe phản hồi từ GV về kết quả giảng dạy, NCKH và các công tác khác, những ý kiến đóng góp cho Bộ môn/Khoa/Trường, những khó khăn cần hỗ trợ, giải quyết [H6.06.06.02]. Những ý kiến nào Khoa giải quyết được sẽ trả lời ngay, còn lại Ban chủ nhiệm Khoa sẽ chuyển lên Lãnh đạo trường trong các buổi họp giao ban hàng tháng. Để thực hiện quản trị theo kết quả công việc, khoa đã căn cứ trên kế hoạch, phân công giảng dạy từng học kỳ [H6.06.06.03], căn cứ thống kê kết quả hoạt động NCKH của GV [H6.06.06.04]. Đối với từng chức danh, Trường có quy định cụ thể về khối lượng công việc (NCKH, giảng dạy, công tác khác).

Cuối năm học, các cá nhân sẽ làm Bảng đánh giá công tác năm học để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân và cũng làm căn cứ để xét khen thưởng, thi đua. GV tự đánh giá về mức độ hoàn thành của mình trong công tác giảng dạy (có hoàn thành nghĩa vụ tiết chuẩn hay không), mức độ tham gia NCKH trong năm (các bài báo, tham gia hội thảo, viết giáo trình, hướng dẫn SV NCKH, báo cáo chuyên đề thực tập và khóa luận tốt nghiệp,...) mức độ tham gia các hoạt động của Khoa, của Trường và mức độ thực hiện công việc được giao... Ngoài ra để đánh giá hiệu quả công việc, Lãnh đạo Khoa còn căn cứ vào bản mô tả công việc của GV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành các công tác được giao trong năm học [H6.06.02.05]. Khoa sẽ tiến hành bình bầu thi đua cấp cơ sở, sau đó bỏ phiếu chọn những cá nhân xuất sắc nhất gửi về P. TCCB trình Ban Giám hiệu để lập Hội đồng xét thi đua khen thưởng, những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng [H6.06.02.08]. Tất cả GV của Trường hài lòng về kết quả đánh giá hàng năm đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và cơ quan chủ quản (Bộ, Tỉnh). Cuối mỗi năm học, các GV theo mức hoàn thành nhiệm vụ làm cơ sở tính tiền lương bổ sung và xem xét xếp lại ngạch, bậc lương, hệ số lương áp dụng cho năm học mới. Điều này khuyến khích được GV phấn đấu hoàn thành tốt

nhất các nhiệm vụ được giao, tăng cường cải tiến chất lượng giảng dạy và NCKH [H6.06.06.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các quy chế, quy định với các tiêu chí rất cụ thể, rõ ràng (có định lượng) để đánh giá hiệu quả công việc của GV kịp thời, tạo động lực cho các hoạt động GV phải thực hiện. Các hoạt động đào tạo và NCKH của GV được giám sát hàng năm bởi các cá nhân, Khoa, Phòng KH&QHTQT, Phòng ĐBCL, ... và có cải tiến chất lượng qua từng năm.

Nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, xây dựng các quy chế, văn bản tương đương được đưa vào tiêu chí đánh giá, phân loại công chức, viên chức và tiêu chí các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, điều đó tạo động lực cho giảng viên, NCV tích cực cải tiến phương pháp giảng dạy, NCKH và các tiêu chí theo quy định, hỗ trợ công tác đào tạo của Trường.

Nhiều giảng viên đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp bộ, ngành, đồng thời được nâng lương trước hạn do đạt thành tích xuất sắc.

3. Điểm tồn tại

Số lượng đề tài NCKH chưa nhiều vì vậy chưa phản ánh được quy mô và tiềm năng của Khoa. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các Khoa khác trong trường và ngoài trường còn chưa phong phú, số lượng bài báo được công bố trong các hội thảo và tạp chí quốc tế còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022 Khoa tăng cường phát triển các hoạt động NCKH như tổ chức các buổi sinh hoạt khoa học ở cấp bộ môn, cấp Khoa, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh và có định hướng nghiên cứu rõ ràng, tận dụng tối đa nguồn lực của Khoa và tranh thủ sự hỗ trợ của các bên liên quan.

5. Tự đánh giá: 4/7 điểm.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) là một trong những biện pháp quan trọng, bắt buộc, cần thiết để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng khắt khe của xã hội. Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học, Nhà trường luôn coi công tác NCKH là một nhiệm vụ quan trọng trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên được triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: Chủ trì, tham gia đề tài các cấp, công bố các công trình khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, hướng dẫn sinh viên NCKH, viết sách tham khảo, viết sách chuyên khảo... [H6.06.07.01]. Căn cứ theo các quy định hiện hành của Nhà nước, Nhà trường đã ban hành văn bản quy định chế độ làm việc đối với giảng viên [H6.06.02.02]. Theo đó định mức giờ NCKH đối với chức danh giảng viên cao cấp (hạng I) thực hiện 700 giờ NCKH (tương đương 160 giờ chuẩn); đối giảng viên chính (hạng II) phải thực hiện 600 giờ NCKH (tương đương với 140 giờ chuẩn); đối với giảng viên (hạng III), giảng viên và trợ giảng (hạng III) thực hiện 600 giờ NCKH (tương đương 120 giờ chuẩn) thực hiện trong năm học. Để xác định được số lượng giờ chuẩn NCKH trong năm học của mỗi giảng viên thực hiện, Nhà trường đã sớm ban hành và thường xuyên cập nhật trong sổ tay NCKH [H6.06.07.02], bổ sung các hướng dẫn về việc quy đổi giờ chuẩn NCKH. Các hoạt động NCKH được quy đổi sang giờ chuẩn tương ứng với các loại hình NCKH đã được xác lập. Việc quy đổi được thực hiện cho từng loại sản phẩm NCKH và từng cá nhân thực hiện NCKH. Để xác lập rõ ràng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH mà mỗi giảng viên phải thực hiện trong năm học [H6.06.07.03]. Tiếp theo, Nhà trường tổ chức Hội đồng xét duyệt đăng ký nhiệm vụ KHCN, xét duyệt đề cương đề tài, phê duyệt kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ KHCN [H6.06.07.04].

Việc giám sát, đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về chất lượng các hoạt động NCKH của GV thực hiện qua nhiều hình thức: kiểm tra tiến độ đề tài, giám sát, đánh giá đề tài bởi hội đồng khoa học chuyên ngành [H6.06.07.05], công bố kết quả đề tài dưới dạng bài báo trên tạp chí khoa học của Trường, các tạp chí chuyên ngành có uy tín. Từ cơ sở đó, Khoa đề nghị nhà trường công nhận kết quả của đề tài cấp cơ sở. Sau mỗi học kỳ, Nhà trường gửi thông báo về Khoa kê khai giờ khoa học của GV [H6.06.07.06]. Từ đó, Phòng KH&QHQT tổng hợp thành tích NCKH trong năm của GV. Đây là căn cứ để Phòng TCCB đổi giờ chuẩn định mức NCKH và bình xét các danh hiệu thi đua, xếp loại công chức. Với cơ chế khen thưởng rõ ràng có gắn liền với tiêu chí hoạt động NCKH

đã khuyến khích được các GV tích cực tham gia hoạt động NCKH và năng lực NCKH của GV ngày càng nâng cao. Để nâng cao năng lực NCKH, các hoạt động đều thực hiện theo kế hoạch, định kỳ và chủ động đề ra soát, đối sánh và điều chỉnh nhằm cải tiến chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH của GV của Khoa, kết quả đã có thay đổi tích cực nhưng chưa cao như kỳ vọng [H6.06.07.07], [H6.06.02.08].

Bảng 6.7.1 Sản phẩm NCKH của GV Khoa Y Dược trong các năm

TT	Loại hình	2017	2018	2019	2020	2021
1	Đề tài/ Dự án cấp tỉnh	0	1	0	1	0
2	Đề tài cấp cơ sở	6	3	9	12	15
3	Bài báo/tạp chí khoa học trong nước	14	9	8	12	12
4	Bài báo/tạp chí khoa học quốc tế	0	0	0	1	3

2. Điểm mạnh

Đã xác lập được chi tiết và công bố công khai các loại hình số lượng hoạt động NCKH của GV cũng như cách thức quy đổi. Số lượng và chất lượng các sản phẩm NCKH có xu hướng đã cải thiện chất lượng qua từng năm.

3. Điểm tồn tại

Các GV Khoa Y Dược phải tập trung nhiều trong giảng dạy, trong đó phần lớn thực hiện công tác trực và giảng dạy lâm sàng cho SV tại bệnh viện nên không có nhiều thời gian đầu tư NCKH. GV mới tuyển dụng chưa có nhiều kinh nghiệm trong NCKH và đang tập trung vào bồi dưỡng chuyên môn và đi học nâng cao trình độ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa và Trường đẩy mạnh việc tuyển dụng thêm GV cho các Bộ môn đang còn ít GV, đồng thời khuyến khích các GV trẻ bắt đầu NCKH ngay cả trong quá trình đi học và bồi dưỡng chuyên môn.

5. Tự đánh giá: 4/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 6

Việc quy hoạch đội ngũ GV của Khoa Y Dược được thực hiện bài bản, đúng quy định, quy trình chặt chẽ đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, quy hoạch đào tạo, bổ nhiệm và đánh giá chất lượng GV hàng năm tiến hành được sự đồng thuận từ tất cả các bên, đáp ứng nhu cầu của GV, điều này khuyến khích GV làm việc đạt hiệu quả và năng suất. Nhờ đó, đội ngũ giảng viên của ngành Điều dưỡng có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy và NCKH của Khoa đã có những thành tích nhất định.

Nhà trường có nhiều chính sách khuyến khích GV trong học tập và NCKH, tất cả được công bố công khai trong các văn bản, quy định, quy chế của Trường. Mặc dù vậy, số lượng các công trình NCKH của Khoa chưa nhiều, chưa đánh giá được hết năng lực NCKH của đội ngũ GV. Trong thời gian tới cần đẩy mạnh hơn nữa vấn đề này để NCKH trở thành một trong những điểm mạnh bên cạnh công tác đào tạo của Khoa Y Dược.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Số tiêu chí đạt 7/7, trong đó có 5 tiêu chí đạt mức 5/7, 2 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Trường và khoa Y được có quy định chặt chẽ trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên, đây là nguồn nhân lực quan trọng trong công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Cùng với sự phát triển và tuân theo những quy định trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên của Nhà trường, đội ngũ nhân viên của Khoa Y được tuyển chọn chặt chẽ và thường xuyên được cử đi học các lớp bồi dưỡng chuyên môn và ngoài chuyên môn phục vụ cho công tác giảng dạy và làm việc. Nhà trường và Khoa luôn xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên và các hoạt động triển khai. Đồng thời, thường xuyên tiến hành triển khai việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên gồm cả khen thưởng và công nhận để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 7.1 Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Ngoài đội ngũ giảng viên trực tiếp tham gia công tác giảng dạy, hoạt động chuyên môn và NCKH, đội ngũ nhân viên hỗ trợ (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đóng một vai trò quan trọng trong việc triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường và Khoa.

Nhà trường đã căn cứ vào phê duyệt chỉ tiêu biên chế của của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ GDĐT; Quyết định về việc giao số lượng người làm việc và HDLD tại các ĐVSN tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và ĐVSN do NN đảm bảo chi thường xuyên của Bộ GD&ĐT, Hiệu trưởng trình HĐT phê duyệt và ban hành danh mục vị trí việc làm, thông báo đến các đơn vị thuộc Trường rà soát, báo cáo đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ hằng năm của CBVC và xây dựng nhu cầu nhân lực trong năm. Trên cơ sở này, Nhà trường thông báo tuyển dụng các vị trí việc làm đáp ứng hoạt động đào tạo theo quy định tuyển dụng và quy trình từ khâu xét tuyển, sát hạch chuyên

môn, phỏng vấn và quyết định công nhận kết quả trúng tuyển [H7.07.01.01], [H7.07.01.02], [H7.07.01.03]. [H7.07.01.04], [H7.07.01.05].

Ngoài ra, Đề án vị trí việc làm được xây dựng và trình Bộ GD&ĐT phê duyệt, trong đó xác định cụ thể vị trí việc làm cho từng nhân viên, dự báo số lượng nhân viên đến tuổi nghỉ hưu trong thời gian tới, thực tế số lượng nhân viên chấm dứt hợp đồng làm việc, chuyển công tác số lượng vị trí việc làm và số người làm việc đối với từng vị trí. Trên cơ sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các phòng chức năng, căn cứ vào phiếu đề xuất nhân lực của các bộ môn. Phòng TCCB đã xây dựng kế hoạch nhân lực xin ý kiến Đảng ủy- Ban giám hiệu để có phương án sắp xếp, bố trí, tuyển dụng nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, phòng công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác [H7.07.01.06], [H7.07.01.07].

Trường Đại học Tây Nguyên đã có chế độ, chính sách nhằm thu hút ưu đãi đối với nhân viên mới được tuyển dụng như: Trong thời gian tập sự, nhân viên được hưởng ngay thu nhập tăng thêm, các chế độ phúc lợi theo Quy chế Chi tiêu nội bộ như đối với các viên chức khác của Nhà trường [H7.07.01.08].

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBVC giai đoạn 2015-2020 và rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBVC giai đoạn 2017-2020; quy định về công tác cố vấn học tập và phân bổ nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và nghiên cứu khoa học. Với nguồn nhân lực (đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, 60 nghiên cứu viên và nhân viên) đã được quy hoạch thông qua bổ nhiệm, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cho thấy đội ngũ VC toàn trường tăng về chất lượng, đảm bảo cơ cấu về giới tính, trình độ, dân tộc, chức danh...được thể hiện rõ ở bảng thống kê và hồ sơ cán bộ kèm văn bằng, danh mục NCKH của CBVC [H7.07.01.09], [H7.07.01.10], [H7.07.01.11].

Đội ngũ nhân viên được quy hoạch trên cơ sở Đề án vị trí việc làm được Bộ GD&ĐT phê duyệt, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong toàn trường, số lượng kỹ thuật viên, nhân viên là 137 và chia thành các nhóm: 76 chuyên viên, cán sự làm việc tại phòng ban trung tâm; 17 thư viện viên thực hiện nhiệm vụ quản lý phòng đọc, hỗ trợ sinh viên và giảng viên khai thác tài liệu, học liệu; 04 kế toán viên thực hiện nghiệp vụ kế toán tài chính; 02 nhân viên y tế cơ quan; 30 nhân viên bao gồm (bảo vệ cơ quan, tạp vụ, vệ sinh và lái xe) và 14 kỹ thuật viên Y làm việc tại phòng thí nghiệm,

thực hành, có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, đảm bảo về khối lượng và chất lượng công việc được phân công, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu, triển khai ứng dụng của GV, học viên và SV; 06 trợ lý khoa có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, giúp giải quyết kịp thời các vấn đề về giảng dạy, học tập cho GV và người học như: quản lý điểm thi; đăng ký học; xét học bổng, ngừng học, thôi học, cảnh cáo học vụ, xét tốt nghiệp, phát giấy chứng nhận kết quả học tập; quản lý công tác NCKH SV; đánh giá điểm rèn luyện SV, giải đáp thắc mắc của SV,... [H7.07.01.12].

Kết quả khảo sát chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên định kỳ cho thấy người học, người dạy hài lòng với sự phục vụ, hỗ trợ của đội ngũ nhân viên của Nhà trường trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.13].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên đủ về số lượng, đảm bảo yêu cầu vị trí việc làm, hoàn thành nhiệm vụ phục vụ công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ nhân viên chưa được tham gia tập huấn bồi dưỡng thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ tạo điều kiện tối đa để đội ngũ nhân viên có thể tham gia một số lớp bồi dưỡng chất lượng để phục vụ chon hu cầu công việc và phát triển năng lực bản thân.

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 7.2 Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Căn cứ các quy định hiện hành của Nhà nước về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, Trường ĐHTN đã xây dựng, ban hành quy định về quy trình tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức, trong đó yêu cầu cụ thể về tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng. Quy trình này được rà soát, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu phát triển

của Nhà trường và quy định hiện hành của Nhà nước. Quy trình tuyển dụng được thực hiện qua 7 bước sau: 1) Chuẩn bị kế hoạch tuyển dụng; 2) Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận hồ sơ; 3) Kiểm tra hồ sơ, thông báo danh sách đủ điều kiện và gặp mặt giao nhiệm vụ cho ứng viên dự tuyển; 4) Tổ chức sát hạch; 5) Tổng hợp kết quả tuyển dụng; 6) Thông báo kết quả tuyển dụng; 7) Hiệu trưởng phỏng vấn ký hợp đồng tuyển dụng và nhận việc. Để có cơ sở tuyển dụng đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên, Nhà trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, trong đó mô tả cụ thể về khung năng lực của từng vị trí việc làm [H7.07.01.04], [H7.07.01.03], [H7.07.02.01], [H7.07.01.05], [H7.07.02.02], [H7.07.02.03], [H7.07.02.04], [H7.07.02.05], [H7.07.02.06],[H7.07.02.07], [H7.07.01.06] .

Ngoài ra, Nhà trường xây dựng và báo cáo biên chế công chức, số lượng người làm việc hàng năm theo danh mục vị trí việc làm, số lượng người làm việc của Trường và cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp hạng I, II, III, IV để trình Bộ GDĐT duyệt chỉ tiêu biên chế. Các tiêu chí tuyển dụng, kế hoạch tuyển dụng, kết quả tuyển dụng đều được phổ biến công khai trên các phương tiện đại chúng và đăng trên trang thông tin điện tử của Nhà trường. Các quyết định bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên khi được ban hành đều được công bố công khai đến đơn vị thông qua phần mềm quản lý công việc của Nhà trường [H7.07.01.12], [H7.07.02.08], [H7.07.02.09]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng. Các tiêu chí tuyển dụng nhân viên được quy định cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai. Kế hoạch/Thông báo cũng như kết quả tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc và công khai, minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế. Việc bổ nhiệm nhân viên giữ chức vụ lãnh đạo ở các đơn vị còn ít, chưa được quan tâm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Nhà trường chú trọng việc thực hiện khảo sát nhu cầu và ý kiến của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên và quan tâm hơn nữa đến công tác bổ nhiệm, luân chuyển nhân viên cho phù hợp với nhu cầu của công việc.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 7.3 Năng lực đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá

1. Mô tả

Để triển khai thực hiện và giám sát quá trình đánh giá hiệu quả công việc của CBGV và nhân viên, phòng TCCB được giao nhiệm vụ thường trực Hội đồng đánh giá xếp loại viên chức của Trường, công tác thi đua khen thưởng do phòng CTSV phụ trách (giai đoạn 2012-2015), phòng HCTH (giai đoạn 2015-2019), phòng TCCB (từ năm 2019 đến nay). Hệ thống văn bản hướng dẫn quy trình, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên và nhân viên được xây dựng và lấy ý kiến góp ý rộng rãi đến viên chức và được ban hành, cụ thể: Quy chế đánh giá phân loại CC, VC, NLĐ; Quy định về thi đua khen thưởng; Quy định về định mức giờ dạy đối với giảng viên; Quy định về thời giờ làm việc của viên chức hành chính; Quy chế nâng lương trước thời hạn [H7.07.03.01], [H7.07.03.02], [H7.07.03.03], [H7.07.03.04], [H7.07.03.05], [H7.07.03.06], [H7.07.03.07].

Căn cứ nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện nhiệm vụ và đối chiếu với các tiêu chuẩn của các quy định trên, định kỳ cuối năm học, Nhà trường ra thông báo triển khai đánh giá, phân loại công chức, viên chức và NLĐ công khai và được thực hiện một cách dân chủ, minh bạch. Các đơn vị triển khai thực hiện theo thẩm quyền, đúng quy trình từ bước cá nhân tự đánh giá, bộ môn nhận xét đánh giá phân loại, sau đó đơn vị và cuối cùng cấp Trường. Đối với công tác thi đua, khen thưởng, Nhà trường ra thông báo đến toàn thể CC, VC-NLĐ thực hiện đăng ký thi đua vào đầu năm học để có cơ sở xét thi đua vào cuối năm. Sau khi đánh giá, phân loại viên chức năm học ở cấp đơn vị, Nhà trường tiến hành đánh giá, phân loại ở cấp Trường và công nhận kết quả đánh giá từng viên chức [H7.07.03.08], [H7.07.03.09], [H7.07.03.10].

Căn cứ vào yêu cầu công việc, mỗi các bộ viên chức đăng ký kế hoạch thực hiện nhiệm vụ vào đầu năm học. Vào cuối năm học mỗi cán bộ viên chức đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học của mình bằng phiếu, trong mỗi phiếu đánh giá quy định cụ thể phản ánh rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, năng

lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Trong đó thể hiện qua các tiêu chí phân loại đánh giá nhân viên ở 04 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ; không hoàn thành nhiệm vụ. Tất cả bản kế hoạch và phiếu đánh giá được thực hiện phân cấp theo quy định, kết quả đánh giá phân loại cấp Trường được công nhận và công khai trên website của Trường và lưu trữ trên phần mềm quản đào tạo [H7.07.03.11], [H7.07.03.12], [H7.07.03.13].

Kết quả đánh giá, phân loại năm học làm cơ sở cho công tác bình xét thi đua khen thưởng các cấp: danh hiệu lao động tiên tiến đối với cá nhân, tập thể, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ; Khen thưởng cấp Trường, cấp Tỉnh, Bộ và được Hiệu trưởng công nhận kết quả bình xét thi đua khen thưởng năm học theo thẩm quyền [H7.07.03.14], [H7.07.03.15].

2. Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên của Trường nói chung và của Khoa Y dược nói riêng được thực hiện thường xuyên hàng năm. Nhà trường đã xây dựng Quy chế đánh giá xếp loại viên chức với các tiêu chí cụ thể, rõ ràng đối với nhân viên, viên chức. Kết quả đánh giá đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường

3. Điểm tồn tại

Tuy đã có hệ thống văn bản, quy trình được phổ biến tới đội ngũ nhân viên, nhưng chưa có sự quan tâm đúng mức của cán bộ, giảng viên về các văn bản, quy trình này.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực của viên chức chi tiết hơn để công tác đánh giá, xét thi đua khen thưởng đạt kết quả cao hơn, phù hợp với từng đối tượng, đồng thời có tác dụng động viên, khuyến khích đội ngũ này hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 7.4 Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Nhà trường triển khai thông báo đến các đơn vị rà soát, thống kê đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ thuộc diện quy hoạch chưa qua lớp bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý; Thông báo điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đào tạo cán bộ, viên chức giai đoạn 2017-2022 và giai đoạn 2019-2023; Các đơn vị căn cứ vào nhân lực của đơn vị, quy mô đào tạo của Nhà trường để họp xét, xác định nhu cầu đào tạo cán bộ quản lý, giảng viên theo giai đoạn, đề xuất Nhà trường duyệt nhu cầu đào tạo của đơn vị [H7.07.04.01], [H7.07.04.02] , [H7.07.04.03].

Trên cơ sở xác định nhu cầu đào tạo của các đơn vị đào tạo và căn cứ chỉ tiêu phát triển đội ngũ trong Kế hoạch phát triển Trường giai đoạn 2011-2020, Quy hoạch phát triển Trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030, Nghị quyết Hội nghị viên chức năm học, Nghị quyết Đảng ủy và Kế hoạch công tác hàng tháng Nhà trường họp xét và ra quyết định ban hành quy hoạch đào tạo bồi dưỡng theo giai đoạn. Cán bộ, GV, nhân viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy trình của quy định về công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng CBVC. Để thực hiện tốt hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ, Nhà trường xây dựng dự toán ngân sách và cơ cấu thu chi hằng năm dành cho kế hoạch kinh phí chi đào tạo, phát triển đội ngũ đã được BGD&ĐT phê duyệt [H7.07.04.04], [H7.07.04.05], [H7.07.04.06], [H7.07.04.07], [H7.07.04.08], [H7.07.04.09], [H7.07.04.10], [H7.07.04.11].

Các cán bộ, GV, nhân viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được Nhà trường hỗ trợ các chế độ theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ: hỗ trợ học phí và hỗ trợ đi lại và sinh hoạt phí, hỗ trợ kinh phí bảo vệ luận văn, luận án; hỗ trợ kinh phí thi chứng chỉ Tiếng Anh (IELTS hoặc TOEFL, 1 lần duy nhất). Các chế độ hỗ trợ được bổ sung và điều chỉnh định kỳ hằng năm trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Đối với giảng viên đi ĐTSĐH trong, ngoài nước được hưởng chế độ miễn giảm giờ chuẩn theo quy định [H7.07.01.08], [H7.07.03.05].

Kết quả triển khai các hoạt động đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong giai đoạn 2014-2019 cho thấy, Nhà trường thường xuyên cử cán bộ, GV đi ĐTSĐH trong và ngoài nước, cử GV, nhân viên bồi

đường nghiệp vụ sư phạm, chuẩn chức danh, kiến thức Quốc phòng Anh ninh, trình độ lý luận chính trị..., thể hiện ở thống kê số lượt được cử đi đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.12].

2. Điểm mạnh

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên các đơn vị trong trường được xác định; Đội ngũ nhân viên có tinh thần cao trong việc nâng cao năng lực chuyên môn; Nhà trường có triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Hiện tại, chưa có thống kê cụ thể số lượng nhân viên đi học, bồi dưỡng chuyên môn, tham dự hội nghị hằng năm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa và Nhà trường sẽ tạo danh sách theo dõi nhân viên đi học, bồi dưỡng chuyên môn, tham dự hội nghị hằng tháng (file mềm và file giấy) để tổng hợp thống kê cụ thể.

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 7.5 Việc quản lý theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Để công tác phát triển nguồn nhân lực đạt hiệu quả cao, Nhà trường đã rà soát các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực, cụ thể: Định kỳ cuối năm tài chính, Nhà trường rà soát chế độ về tiền lương, phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp nhà giáo, phụ cấp độc hại,... trong quy chế chi tiêu nội bộ. Định kỳ cuối năm học, Nhà trường rà soát danh sách GV, kỹ thuật viên, nhân viên được trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân theo đúng quy định của Bộ Lao động Thương binh xã hội và Luật về an toàn, vệ sinh lao động chế độ, chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với viên chức làm việc tại phòng thí nghiệm [H7.07.01.08], [H7.07.05.01] [H7.07.05.02].

Nhà trường ban hành một số văn bản về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên: Quyết định số 929/QĐ-ĐHTN-TĐKT, ngày 27/4/2016 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về thi đua khen thưởng; Năm 2017, nhà trường thông báo góp ý quy chế đánh giá, phân loại viên chức và người lao động; Quyết định số 1749/QĐ-ĐHTN, ngày 05/8/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về công tác thi đua khen thưởng của Trường ĐHTN; Quyết định số 1335/QĐ-ĐHTN, ngày 06/7/2021 của Hiệu trưởng về [H7.07.03.04]

Nhà trường thường xuyên giám sát, theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên thông qua hoạt động của phòng Thanh tra - Pháp chế, thông qua bảng chấm công hàng tháng và quy định giờ làm việc của nhân viên đã được quy định. Khoa Y được luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho cán bộ trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Cuối năm học, Khoa và Nhà trường triển khai việc đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo. Những cán bộ hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng luôn hoàn thành công việc được giao, luôn được Khoa, Nhà trường ghi nhận và xét tặng các danh hiệu thi đua như Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Đầu mỗi năm học, nhân viên toàn trường luôn thực hiện đăng ký kế hoạch làm việc bao gồm: tiến độ, thời gian, khối lượng công việc trong 1 năm. Điều này giúp nhân viên thiết lập được kế hoạch và mục tiêu làm việc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phấn đấu, tập trung cho công việc trong năm. [H7.07.03.03], [H7.07.03.10], [H7.07.03.15], [H7.07.03.11], [H7.07.05.03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và khoa đã có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao và luôn tuân thủ những quy định của Khoa và Nhà trường đề ra.

Công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng và công khai, góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Một vài nhân viên đảm nhận khá nhiều công việc nên không tránh những sai sót trong quá trình làm việc.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa và Nhà trường sẽ tiến hành điều chỉnh khối lượng công việc để phù hợp với thời gian và năng lực của đội ngũ nhân viên, đồng thời có chế độ khen thưởng phù hợp với cá nhân xuất sắc.

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHTN và của Khoa Y hỗ trợ cho CTĐT ngành Điều dưỡng có trình độ chuyên môn, năng lực làm việc đáp ứng tốt nhu cầu công việc. Ngoài ra, đội ngũ này cũng rất năng động và nhiệt tình, do vậy, công việc được triển khai có hiệu quả. Ngoài ra, khoa Y được luôn có những chế độ khen thưởng và kỷ luật phù hợp để quản lý công việc của đội ngũ này. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên của Khoa và Nhà trường đã đáp ứng nhu cầu của ngành và phù hợp với chiến lược phát triển đại học theo hướng nghiên cứu của Nhà trường. Trong năm học tới, Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc theo từng vị trí việc làm để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: số tiêu chí đạt 5/5, trong đó có 02 tiêu chí đạt mức 5/7 và 3 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 8: Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Cùng với xu hướng đào tạo bậc Đại học của thời đại hội nhập, Khoa Y Dược nói riêng và Trường Đại học Tây Nguyên nói chung đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển sinh công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được triển khai minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch, đẹp trang thiết bị dạy-học hiện đại, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

Tiêu chí 8.1 Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật

1. Mô tả

Khoa Y Dược nói riêng và Trường đại học Tây Nguyên nói chung tuyển sinh ngành cử nhân điều dưỡng theo quy chế tuyển sinh hiện hành theo từng năm có sửa đổi bổ sung của Bộ GDĐT [H8.08.01.01-04]. Trên cơ sở đó, hàng năm Khoa Y Dược và Nhà trường đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng được thể hiện qua đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.05-8]. Sau mỗi kì thi tuyển sinh Nhà trường và Khoa Y Dược thực hiện báo cáo kết quả, riêng ngành cử nhân điều dưỡng việc báo cáo kết quả tuyển sinh và đề ra kế hoạch nhân lực cho ngành y tế là nhiệm vụ quan trọng đối với nhân lực của khu vực nói riêng và cả nước nói chung [H8.08.01.09], [H8.08.01.17].

Hình thức, chỉ tiêu, quy trình xét tuyển được xác định và công bố rộng rãi cho mọi người dưới nhiều hình thức khác nhau, thể hiện sự chuyên nghiệp trong công tác tuyển sinh như: Thông báo tuyển sinh/xét tuyển của Nhà trường được công bố trên website, tờ rơi tuyển sinh, dán tại bảng tin, đăng trên các tạp chí. Bên cạnh đó Khoa cử các cán bộ tham gia vào đoàn công tác tuyển sinh của trường tới các trường trung học phổ thông để tổ chức giới thiệu về hình ảnh của trường ĐHTN, tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lựa chọn đúng ngành và cung cấp thông tin về ngành Y khoa tới các em học sinh đang chuẩn bị thi kì thi tuyển sinh để lựa chọn nghề nghiệp gắn liền với cả cuộc đời [H8.08.01.10-16].

Chính sách tuyển sinh hằng năm của ngành cử nhân điều dưỡng được thay đổi linh hoạt phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Trường DHTN. Từ năm 2016 - 2021, Nhà trường chủ trì kỳ thi Trung học phổ thông Quốc gia; Từ năm 2017 – 2018, Nhà trường phối hợp với Sở giáo dục Đắk Lắk tổ chức kỳ thi Trung học phổ thông Quốc gia [H8.08.01.01-04]. Sau kỳ thi Nhà trường cũng đều công bố các kết quả thi của học sinh, chỉ tiêu xét tuyển, điều kiện xét tuyển, danh sách học sinh trúng tuyển, gửi giấy báo trúng tuyển đến từng thí sinh. Điểm trúng tuyển được Hội đồng tuyển sinh hợp và xác định với tiêu chí đảm bảo chất lượng và đảm bảo chỉ tiêu tuyển sinh, phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.10], [H8.08.01.19-20]. Từ năm 2018 việc tuyển sinh NH được kết hợp 2 hình thức: thi tuyển và xét tuyển điểm thi theo kì thi THPT Quốc gia theo khối (khối B00) và hình thức xét học bạ đánh giá theo năng lực của cả quá trình. Hằng năm, nhà trường và khoa Y Dược luôn phân tích kết quả tuyển sinh và lấy ý kiến các bên liên quan để đánh giá chính sách tuyển sinh và lập kế hoạch cho kỳ tuyển sinh tiếp theo [H8.08.01.18].

Bảng 8.1.1 Tình hình tuyển sinh của ngành Cử nhân Điều dưỡng- Khoa Y Dược trong giai đoạn từ 2017 – 2021

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2015-2016	315	76	1:4	65	22		0
2016-2017	368	88	1:4	28	22		0
2017-2018	674	81	1:8	63	20.75		0
2018-2019	641	104	1:6	64	17.5		0
2019-2020	440	85	1:5	53	19		0
2020-2021	261	85			21,5		0

2. Điểm mạnh

Nhà trường có nhiều phương thức tuyển sinh để lựa chọn người học và đưa ra các tiêu chí và chỉ tiêu rõ ràng. Các phương thức và tiêu chí được cập nhật hằng năm để phù hợp với sự thay đổi theo hoàn cảnh kinh tế, xã hội. Chính sách tuyển sinh của Khoa và Nhà trường được xác định rõ ràng mang tính lượng hóa (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp cho Khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển,

đánh giá năng lực từ cao xuống thấp; chính sách tuyển sinh còn được công khai và cập nhật thường xuyên từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay từ năm thứ nhất.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác tuyển sinh nhưng chính sách tuyển sinh của Khoa vẫn còn một số tồn tại (1) hình ảnh và thông tin về ngành học, về đơn vị đào tạo chưa được hấp dẫn và chi tiết; (2) các hình thức công bố về chính sách tuyển sinh của Khoa còn bó hẹp ở công thông tin tuyển sinh trên website của Nhà trường và thông báo tuyển sinh dán trên bảng tin; (3) tuyển sinh theo hình thức đánh giá năng lực còn nhiều hạn chế (4) chưa có các hình thức quảng bá để thu hút được những thí sinh giỏi, có năng lực và sự đam mê về ngành Y khoa vào học.

4. Kế hoạch hành động

(1) Thay đổi, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành học, chính sách tuyển sinh, tạo ra sự hấp dẫn và cuốn hút đối với thí sinh; (2) Trong các giờ giảng, các buổi nói chuyện, sinh hoạt chuyên đề, khóa tập huấn..., mỗi giảng viên trong khoa phải có trách nhiệm giới thiệu đầy đủ, chi tiết và tích cực về Khoa từ đó người học, người tham gia có sự hiểu biết sâu sắc và ấn tượng tốt về Khoa và chuyên ngành đào tạo và đây là cầu nối tiếp tục truyền thông cho Khoa; (3) Lãnh đạo Khoa phối hợp chặt chẽ với Ban tuyển sinh của Nhà trường để có chiến lược, cách thức tuyển sinh phù hợp.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.2 Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Khoa và Nhà trường xác định và ghi rõ trong chính sách tuyển sinh hàng năm, với các hình thức tuyển sinh đa dạng [H8.08.01.05-07]. Theo đó, từ năm 2015 trở về trước, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh ngành Y khoa được tiến hành theo đúng quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT với 3 môn thi của khối B: toán, hóa, sinh. Năm 2016, công tác tuyển sinh của Khoa thực hiện theo quy chế tuyển sinh mới của Bộ GD&ĐT và phương án tuyển sinh của Nhà trường, chuyển từ tuyển sinh theo hình thức ba chung của Bộ GD&ĐT sang

hình thức tuyển sinh xét tuyển theo kết quả thi kỳ thi THPT Quốc gia. Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + Điểm ưu tiên khu vực + Điểm ưu tiên đối tượng. Việc xét tuyển dựa theo chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm và lấy điểm tổng từ cao xuống thấp theo chỉ tiêu [H8.08.01.01-04]. Sự thay đổi quy chế tuyển sinh có ảnh hưởng không nhỏ tới số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học do thí sinh đăng ký xét tuyển nguyện vọng ở nhiều trường khác nhau.

Các hình thức tuyển sinh và kết quả tuyển sinh được công khai và phổ biến rộng rãi trên trang web tuyển sinh của trường, hoặc các thông báo ban hành công khai cho toàn bộ thí sinh biết để tìm hiểu và đăng ký dựa vào niềm yêu thích ngành nghề và khả năng của bản thân [H8.08.02.01-04].

Sau mỗi kì tuyển sinh kết quả tuyển sinh, những điểm mạnh, điểm tồn tại được thống kê báo cáo, tổng hợp tổng hợp dữ liệu kết quả tuyển sinh nhằm tạo cơ sở xác định chỉ tiêu và công tác tốt hơn cho kì tuyển sinh tiếp theo [H8.08.02.05-09].

Phòng tuyển sinh của Nhà trường sẽ có những cuộc họp bàn luận để tổng hợp, báo cáo và lấy ý kiến của các bên liên quan qua mỗi kì tuyển sinh thông qua các cuộc họp hội đồng tuyển sinh có biên bản kèm theo được lưu lại, phát huy những điểm mạnh và hạn chế tối đa những nhược điểm để tuyển chọn được những sinh viên đạt yêu cầu cao nhất [H8.08.02.10-11]

2. Điểm mạnh

(1) Áp dụng được một số tiện ích công nghệ trong việc ra đề thi, làm bài thi, chấm thi; (2) tuyển chọn được người học có năng lực toàn diện (3) kết quả thi tuyển khách quan, chính xác.

3. Tồn tại

Trong những năm học gần đây số lượng sinh viên đông nhưng đội ngũ giảng viên còn ít, các giảng viên có nhiều kinh nghiệm đã về hưu nhiều, đội ngũ giảng viên còn trẻ làm cho sự thu hút NH chưa cao.

Đối tượng học đa dạng làm cho các hình thức tuyển sinh cũng khác nhau, sự đồng đều về trình độ người học còn chênh lệch.

4. Kế hoạch hành động

- Theo dõi sát sao tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học/trên số lượng thí sinh được công nhận trúng tuyển để có sự điều chỉnh, can thiệp kịp thời.

- Có các hình thức quảng bá phù hợp và hấp dẫn đối với những thí sinh đã được công nhận trúng tuyển vào khoa.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.3 Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học

1. Mô tả

Hệ thống giám sát cấp Trường và Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập được ghi cụ thể, chi tiết trong quy chế đào tạo đại học và quy định CTĐT ngành cử nhân điều dưỡng của Nhà trường [H8.08.03.01-04].

Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học được thực hiện giữa Ban chủ nhiệm khoa, Trưởng bộ môn, Trợ lý đào tạo, và các cuộc họp của cố vấn học tập. Trong trường quy định rõ cụ thể chức năng, nhiệm vụ các đơn vị chức năng cũng như nhiệm vụ của cố vấn học tập [H8.08.03.08] [H8.08.03.10-11]

Ngoài ra, từ năm 2020 Nhà trường có quy định rõ ràng về sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập của người học trong *Sổ tay sinh viên* [H2.02.03.01] nhằm đảm bảo người có học lực hoàn thành CTĐT đúng thời hạn.

Kết quả học tập và rèn luyện của NH được theo dõi và quản lý thông qua chương trình quản lý đào tạo, thông qua phần mềm người học tra cứu điểm rèn luyện, kết quả học tập, thời khóa biểu trong suốt quá trình học của bản thân, cũng thông qua phần mềm NH dễ dàng đăng kí các môn học, tự sắp xếp hợp lý chương trình học theo năng lực bản thân [H8.08.03.05] [H8.08.03.06]

Mỗi kì học NH tiến hành đánh giá kết quả rèn luyện của học kì theo mẫu phiếu đánh giá của trường, việc đánh giá rèn luyện có quy định cụ thể [H8.08.03.07] [H8.08.03.09]

Trong trường hợp SV có kết quả học tập không đạt ở kì học trước đó, Khoa và Nhà trường sẽ thống kê và lập danh sách có quyết định cảnh báo kết quả học tập cho NH kịp thời chủ động thay đổi tình trạng học tập để cải thiện kết quả, giúp NH hoàn thành khóa học một cách tốt nhất [H8.08.03.10-11].

Hàng năm Nhà trường và Khoa sẽ thống kê dữ liệu và báo cáo học tập của năm học đối với SV toàn khoa nhằm đưa ra phương hướng cho năm học mới [H8.08.03.12-13].

2. Điểm mạnh

- Chương trình học được sắp xếp theo thứ tự từ các môn cơ sở tới môn chuyên ngành nên sinh viên có thể định hướng chuyên khoa từ sớm, ít nhất trước một năm trước khi ra trường.

- Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

- Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, được thực hiện nhiều lần, giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

3. Điểm tồn tại

Sự phân bổ quá nhiều các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức chung theo lĩnh vực, khối kiến thức chung của khối ngành trong năm học thứ nhất khiến cho SV giảm, mất hứng thú học tập. Tâm lý của SV là muốn được học ngay từ năm thứ nhất các môn học chuyên ngành. Sự phân bổ các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành và bổ trợ tập trung hết vào năm thứ tư khiến cho SV gặp nhiều khó khăn trong việc rút ngắn thời gian học tập.

5. Kế hoạch hành động

Để giải quyết những tồn tại nêu trên, tạo hứng thú học tập cho sinh viên bằng những buổi trao đổi, giao lưu với các sinh viên khoa trên để đưa ra kinh nghiệm học tập, cách học hiệu quả cho NH.

6. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.4 Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

Mô tả

Người học được tư vấn, hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt ngoại khóa. Các cán bộ giảng viên được phân công nhiệm vụ cố vấn học tập cho mỗi lớp có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn người học theo “Quy định cố vấn học tập” trong quá trình học tập tại trường [H8.08.03.08]. Các cố vấn học tập của Khoa là những giảng viên có kinh nghiệm chủ nhiệm lớp trong nhiều khóa. Đối với những SV khóa mới, sau một tháng học tập, Lãnh đạo Khoa chỉ đạo cố vấn học tập, ban cán sự lớp tổ chức cuộc gặp mặt SV khóa mới để giới thiệu về lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, phương thức đào tạo, phương pháp học tập trong trường đại học và một số lưu ý trong quá trình học. Trong buổi gặp mặt SV khóa mới, luôn có mặt đại diện BCN Khoa đã được phân công nhiệm vụ công tác sinh viên, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo để giải đáp và tư vấn cho SV [H8.08.03.08] [H8.08.03.10]. Các đơn vị trong nhà trường được phân công nhiệm vụ rõ ràng để giải quyết các vấn đề cho người học, cố vấn học tập sau mỗi kì học báo cáo công tác quản lý lớp và những vướng mắc trong quá trình làm việc [H8.08.03.11], [H8.08.04.01].

Hàng năm, vào đầu năm học, Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt chính trị cho 100% SV năm thứ nhất, trong đó giới thiệu với SV về lịch sử hình thành và phát triển Nhà trường, thăm phòng truyền thống của nhà trường [H8.08.04.12]. Đến giữa năm học, Nhà trường có tổ chức đối thoại giữa SV và Lãnh đạo nhà trường nhằm thu thập thông tin phản hồi của SV về tất cả hệ thống quản lý của Nhà trường để có thể làm hài lòng người học [H8.08.04.13]

Trong các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng, cố vấn học tập tư vấn và hướng dẫn cho những SV gặp khó khăn trong việc lựa chọn và đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập hoặc thôi học, quá hạn thời gian đào tạo [H8.08.03.08]. Đối với SV năm thứ nhất, sau một học kỳ, cố vấn học tập nhận từ trợ lý đào tạo của Khoa danh sách những SV có kết quả chưa đạt yêu cầu để tư vấn và hỗ trợ riêng cho những SV này trong các buổi sinh hoạt lớp.

Trong hoạt động nghiên cứu khoa học, làm khóa luận tốt nghiệp, sau khi SV đăng ký đề tài, Lãnh đạo Khoa phân công giảng viên tư vấn, hướng dẫn SV thực hiện đề tài nghiên cứu, khóa luận tốt nghiệp. Ngoài ra, Khoa còn tổ chức các buổi sinh hoạt khoa học. Các câu lạc bộ được thành lập và hoạt động mạnh mẽ dưới sự hướng dẫn của các giảng viên giúp người học hiểu rõ hơn về kiến thức, kinh nghiệm học tập, là môi trường

để người học và giảng viên xích lại gần nhau trao đổi thông tin, kiến thức, kỹ năng hỗ trợ thêm vào việc đạt chuẩn đầu ra của người học [H4.04.03.02] [H4.04.03.08-09].

Các hoạt động ngoại khóa như hỗ trợ các buổi khám bệnh tình nguyện, ngày chủ nhật đỏ... giúp sinh viên cử nhân điều dưỡng nắm chắc hơn không những về kiến thức, thực hành mà còn là kỹ năng, thái độ, ý đức, tạo tiền đề tốt cho công việc sau khi ra trường [H4.04.03.02] [H4.04.02.09].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức ngày hội việc làm, mời các tổ chức kinh tế, chính trị xã hội tham gia, giới thiệu với SV những vị trí, cơ hội việc làm, các hoạt động này được thông báo rộng rãi tới toàn bộ người học và có kế hoạch tổ chức rõ ràng, đồng thời trong ngày hội việc làm giữa Khoa Y Dược và Trường ĐHTN với các nhà tuyển dụng còn có những cơ hội gặp gỡ trao đổi, lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng về chất lượng người học nhằm đưa ra những phương pháp dạy học và chuẩn đầu ra hợp lý đáp ứng với nhu cầu xã hội [H8.08.04.04-06].

Sau mỗi năm học Khoa Y Dược và Trường ĐHTN đều tiến hành khảo sát đánh giá hoạt động giảng dạy, đào tạo và giảng viên, có thống kê và báo cáo cụ thể [H8.08.04.07-11].

Các cựu sinh viên khi ra trường được tiến hành khảo sát việc làm hàng năm, theo dõi tỷ lệ có việc làm và thu nhập của cựu sinh viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục [H8.08.04.05-06]

2. Điểm mạnh

- Có đầy đủ thông tin về lịch sử phát triển của Nhà trường, của Khoa;
- Kịp thời tháo gỡ những khó khăn liên đến lựa chọn học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế;
- Tiếp cận và sử dụng một cách hiệu quả sự trợ giúp của cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, ban chấp hành liên chi đoàn, Hội SV, giảng viên.

3. Điểm tồn tại

Sự tư vấn, hướng dẫn những SV có năng lực vượt trội chưa được quan tâm và thực hiện một cách liên tục, dẫn đến thực trạng là tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn thấp; sự tham gia của các SV giỏi vào các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên là không nhiều hoặc chỉ dừng lại ở mức độ thuê mướn SV thực hiện những công việc cụ

thể trong một công trình nghiên cứu không mang tính hỗ trợ giúp cho SV giải phát huy hết khả năng trong quá trình học tập và nghiên cứu. Nguyên nhân khiến người học bị quá hạn thời gian đào tạo chưa được tìm hiểu và đánh giá một cách khách quan. Các biện pháp tháo gỡ vấn đề này không mang tính đồng bộ dẫn đến tỷ lệ SV tốt nghiệp muộn có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây. Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, giảng viên phụ trách thực tập thực tế chưa được triển khai.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

(1) Lập danh sách những SV có khả năng học vượt, tìm hiểu nhu cầu, nguyện vọng của những SV này; (2) điều chỉnh việc phân bổ các môn học, tạo điều kiện thuận lợi cho SV học vượt, sớm hoàn thành CTĐT; (3) điều tra, đánh giá nguyên nhân khiến cho SV quá hạn thời gian học tập; (4) lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động của cố vấn học tập. Với những giải pháp như vậy, các tồn tại nêu trên sớm được giải quyết và công tác hỗ trợ SV học tập, nghiên cứu, rèn luyện, tìm kiếm việc làm ngày càng hiệu quả.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.5 Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả

Trường Đại học Tây Nguyên có khuôn viên thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, ghế đá, khu tập luyện thể thao đã tạo nên môi trường tâm lý thoải mái cho người học. Nhà trường và khoa thường xuyên tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, hoạt động học thuật, hướng nghiệp để tạo môi trường tâm lý thoải mái, giúp sinh viên yên tâm học tập và nghiên cứu.

Nhà trường có quy định văn hóa công sở trong đó nhấn mạnh đến sự ứng xử thầy trò, quy định đối với trang phục và đeo thẻ SV và cán bộ nhằm tạo ra trật tự, kỷ cương học đường, ngoài ra các sinh viên nội trú và ngoại trú của trường đều phải thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT để có tác phong, ý thức cao nhất [H8.08.05.01-03].

Trường Đại học Tây Nguyên và Khoa Y Dược được bố trí sạch đẹp có sơ đồ để người học dễ đi đến các giảng đường và trung tâm, phòng thí nghiệm và các phòng học

cho sinh viên được đảm bảo an toàn về chữa cháy, môi trường trong sạch tạo, khu nhà điều hành với quy mô 7 tầng là nơi làm việc của lãnh đạo trường, các phòng ban, sơ đồ được đặt tại sảnh và thang máy giúp dễ dàng làm việc, NH dễ dàng tìm kiếm khi có vấn đề cần giải quyết [H8.08.05.04-05].

Nhà trường có đủ diện tích lớp học theo qui định TCVN 3981 cho việc dạy và học. Hiện tại, Nhà trường có 11 giảng đường lớn gồm các giảng đường 2,3,4,5,6,7,8,9, giảng đường 200 chỗ và giảng đường 400 chỗ phục vụ học tập của sinh viên Khoa Y Dược là khoa có số lượng sinh viên đông trong trường. Ngoài ra để phục vụ cho hoạt động thể thao, giải trí ngoài giờ học trường có sân bóng đá, bóng chuyền, sân tennis, nhà thi đấu [H8.08.05.06].

Trường và Khoa có cảnh quan sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho người học; có 3 khu nhà kí túc xá tại cơ sở chính và có 2 tòa nhà 5 tầng dành riêng cho sinh viên Khoa Y Dược tọa lạc tại đường Đặng Trần Côn- thành phố Buôn Ma Thuột để sinh viên có điều kiện gần nơi thực hành lâm sàng hơn, tổng diện tích sử dụng là 24.026 m², với 452 phòng ở. Các SV phản ánh sự hài lòng khi được tạo điều kiện ở và sinh hoạt tại ký túc xá. Cụ thể là tiền trọ và các phí sinh hoạt khác thấp hơn rất nhiều so với thuê nhà trọ ở ngoài; điều kiện học tập, đi lại thuận tiện và an toàn. Khu kí túc xá được trang bị điện sáng và nguồn nước sạch, an ninh đảm bảo. Ngoài ra, SV cũng hài lòng qua thống kê khi được dùng wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và giải trí. Không gian học tập và nghiên cứu của SV ngoài giờ học chính khóa được Nhà trường tạo điều kiện tối đa. SV có phòng đọc sách thư viện sạch đẹp, tiện ích; vào dịp ôn thi, các phòng học ở các khu giảng đường 2 và thư viện mở cửa từ 7h00 - 22h00 các ngày trong tuần nhằm phục vụ việc tự học, nghiên cứu của SV [H8.08.05.15].

Nhà trường và Khoa thường xuyên tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, hoạt động học thuật, hướng nghiệp, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, cuộc thi bổ ích để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng SV trong trường. Ban chấp hành liên chi đoàn, Hội SV có thể họp tại phòng họp của Khoa, giảng viên có thể hẹn gặp một nhóm SV trong đó để làm việc,... tạo môi trường tâm lý thoải mái, giúp SV yên tâm học tập và nghiên cứu, bên cạnh đó các hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ giúp người học có sân chơi, thoải mái hơn sau giờ học, áp dụng theo học mà chơi chơi mà học [H8.08.04.03-05] [H8.08.05.07] .

Công tác khám sức khỏe và công tác đảm bảo an toàn cho người học được quy định rõ ràng và triển khai thường xuyên, hiệu quả. SV Khoa Y Dược được tham gia bảo hiểm y tế đầy đủ. SV được thăm khám sức khỏe cơ bản định kỳ và hướng dẫn tham gia các hoạt động y tế. Hệ thống y tế học đường phát triển, Trường Đại học Tây Nguyên có bệnh viện đủ quy mô đảm bảo nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho sinh viên trong trường [H8.08.05.10].

Sinh viên được cung cấp Cẩm nang sinh viên và được phổ biến các văn bản về quy tắc ứng xử của cán bộ cũng như học sinh, sinh viên trong Nhà trường. Công tác phòng cháy, chữa cháy, an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm được trường, khoa quan tâm chỉ đạo và giám sát hiệu quả [H8.08.05.07-09].

Hàng năm nhà trường đều tiến hành khảo sát sự hài lòng của NH về các dịch vụ thư viện, qua khảo sát năm 2020 cho thấy trên 60 % NH hài lòng hoặc rất hài lòng về quy mô, sự thoáng mát, sạch sẽ, wifi, tìm sách, học tập.... Về các hệ thống cơ sở vật chất như phòng học, môi trường cảnh quan, kí túc xá, an ninh, sân thể thao... cũng được khảo sát và đa số đều nhận được kết quả đánh giá hài lòng trên 60% [H8.08.05.11-15].

2. Điểm mạnh

Trường có diện tích rộng, cảnh quan sạch đẹp, sơ đồ bố trí các khu phòng học và đơn vị chức năng hợp lý.

Có nhiều hoạt động thể dục thể thao, ngoại khóa cho người học

Được sự chỉ đạo, đường lối đúng đắn của lãnh đạo trường và khoa thúc đẩy sự đổi mới, sáng tạo trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập của thầy và trò khoa Y Dược trong những năm học tới.

3. Tồn tại

Mặc dù, toàn thể cán bộ, giảng viên của Khoa đã cố gắng, xây dựng một môi trường cảnh quan xung quanh đẹp, thân thiện giúp người học cảm thấy thoải mái khi đến khoa. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như các bảng tin xung quanh các phòng làm việc của Khoa chưa được trang trí, trình bày một cách sinh động, thể hiện những nét đặc trưng, riêng biệt của những người học tập, nghiên cứu và giảng dạy. Không gian làm việc còn chật hẹp dẫn đến những khó khăn và bất tiện trong việc gặp gỡ SV.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo Khoa sẽ có những điều chỉnh phòng và vị trí làm việc của từng bộ môn, tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho mỗi cán bộ, giảng viên của Khoa, Lãnh đạo Khoa cũng sẽ phát động và khuyến khích Liên chi đoàn Khoa, Hội SV trang trí và duy trì các bảng tin của Khoa được sinh động và hấp dẫn hơn, mang đến một bầu không khí mới trong năm học mới.

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành cử nhân điều dưỡng. Chất lượng người học thể hiện trước hết ở điểm đầu vào của ngành từ khâu tổ chức tuyển sinh cho đến kết quả học tập và rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại trường của người học được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Khoa và Nhà trường. Người học được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của Khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, nghiên cứu khoa học và thể chất, tinh thần, đồng thời được đưa ra ý kiến phản hồi về chất lượng dịch vụ giáo dục nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân. Nhà trường có nhiều phương thức tuyển sinh để lựa chọn người học và đưa ra các tiêu chí và chỉ tiêu rõ ràng. Các phương thức và tiêu chí được cập nhật hằng năm để phù hợp với sự thay đổi theo hoàn cảnh kinh tế, xã hội. Chính sách tuyển sinh rõ ràng và được công khai trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng để hỗ trợ cho công tác tuyển sinh.

Trường Đại học Tây Nguyên có hệ thống giám sát chặt chẽ việc học tập, rèn luyện của SV. Việc kiểm tra tiến độ và kết quả học tập được thực hiện thường xuyên và có bộ phận được giao nhiệm vụ phụ trách và hỗ trợ sinh viên.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Số tiêu chí đạt 5/5, trong đó tất cả các tiêu chí đều đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Đảm bảo nhu cầu về cơ sở vật chất là điều kiện quan trọng để đạt chất lượng chương trình đào tạo, do đó Trường ĐHTN luôn tạo điều kiện tốt nhất về hệ thống phòng

làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm và các cơ sở thực hành lâm sàng để phục vụ nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của Khoa Y Dược. Bên cạnh đó, hệ thống học liệu của thư viện, trung tâm thông tin và hệ thống công nghệ thông tin cũng được Nhà trường đặc biệt quan tâm để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của sinh viên. Nhà trường còn đưa ra các quy định chặt chẽ về tiêu chuẩn, môi trường, sức khỏe và an toàn trong trường học để tạo môi trường thuận lợi cho cán bộ và học viên.

Tiêu chí 9.1 Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Trường ĐHTN xác định việc xây dựng cơ sở vật chất là một trong những điều kiện đảm bảo chủ yếu của việc nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Trường. Nhà trường đã huy động nhiều nguồn vốn để xây dựng giảng đường, các công trình phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác. Nhà trường được xây dựng trên diện tích đất 396.927,7 m², với trụ sở chính tại 567 Lê Duẩn, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 268.800,0 m². Năm 2019, Nhà điều hành trung tâm đã đi vào hoạt động với 7 tầng và 7.690 m² diện tích sàn. Các phòng ban chức năng hầu hết được tập trung tại đây, do đó tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, người học và người liên hệ lấy thông tin hoặc làm thủ tục hành chính. Các phòng ban, trung tâm và các khoa đào tạo trong Trường đều được bố trí phòng làm việc riêng biệt. Mỗi trường đơn vị được bố trí 1 phòng làm việc độc lập; có bàn làm việc và máy tính riêng, được kết nối máy in và internet; mỗi khoa đào tạo có văn phòng khoa từ 2-4 gian tùy theo quy mô của từng khoa [H9.09.01.01]

Cơ sở hạ tầng của Nhà trường giai đoạn 2017-2021 có sự thay đổi đáng kể, Nhà trường đã xây dựng, cải tạo khu nhà làm việc, khu giảng đường, ... khang trang, tiện nghi, hiện đại phục vụ các hoạt động của Nhà trường. Hiện nay, số phòng học của Trường lên hơn 200 phòng. Hầu hết phòng học có diện tích trên 50 m², một số phòng học diện tích lên tới 150m². Trong các phòng học, bàn ghế, ánh sáng đáp ứng tiêu chuẩn của giảng đường và có đủ thiết bị dạy học như máy tính, máy tăng âm, projector, overhead, hệ thống kết nối Internet không dây, máy chiếu data show Ngoài những phòng học, Trường còn có 9 phòng máy diện tích 450 m² với 501 máy tính, 4 phòng học ngoại ngữ với diện tích 240 m² và có giảng đường 200 chỗ với diện tích khoảng 7.500 m²,

giảng đường 400 chỗ với diện tích sử dụng 1.059 m². Thư viện rộng khoảng 3.200 m² và nhiều công trình phụ trợ khác. Tổng diện tích sử dụng của Trường hiện nay là 37.461 m², trong đó có 29.855 m² nhà kiên cố. Ngoài ra hệ thống các khu thể thao phức hợp, giảng đường quân sự được xây dựng và hoàn thiện để phục vụ nhu cầu học tập và hoạt động nâng cao thể lực của SV khoa Y Dược [H9.09.01.01] [H9.09.01.02] [H9.09.01.03].

Khoa Y Dược được cung cấp đủ phòng học, phòng thực hành, phòng huấn luyện kỹ năng y khoa và các thiết bị phục vụ cho việc đào tạo theo sự phân công và quản lý của Phòng Đào tạo đại học và Phòng Cơ sở vật chất. Theo định kỳ hằng năm, Nhà trường luôn có kế hoạch mua sắm trang thiết bị máy móc phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, đồng thời có các kế hoạch sửa chữa chống xuống cấp cơ sở vật chất và đăng ký sửa chữa máy móc thiết bị thí nghiệm, văn phòng phục vụ quản lý tại các đơn vị. Điều này giúp tạo môi trường thuận tiên và thoải mái phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu của người học [H9.09.01.04], [H9.09.01.05].

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu sử dụng, cân đối nguồn kinh phí, Nhà trường xây dựng dự toán để đầu tư nâng cấp CSVC, cơ sở hạ tầng, đồng thời yêu cầu các đơn vị rà soát và lập kế hoạch danh mục đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020. Nhà trường luôn trích ngân sách bổ sung các thiết bị dạy học mới đồng bộ với việc đầu tư cơ sở hạ tầng [H9.09.01.06], [H9.09.01.07].

Định kỳ hằng năm, Nhà trường phối hợp với các đơn vị đã thực hiện và tổng hợp kết quả các khảo sát ý kiến CBVC, GV và người học về mức độ đáp ứng của hệ thống CSVC và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm và trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, NCKH. Bên cạnh đó, Nhà trường cùng Khoa Y Dược tổ chức cuộc họp “Hội nghị Đối thoại SV” hằng năm, ghi nhận những phản hồi từ phía người học về CSVC và cơ sở hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH, để Nhà trường kịp thời thực hiện những giải pháp trong việc bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm và trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, và NCKH [H9.09.01.08], [H9.09.01.09], [H9.09.01.10], [H9.09.01.11].

2. Điểm mạnh

Cơ sở vật chất, phòng học, phòng chức năng đảm bảo quy cách và được sử dụng có hiệu quả. Một số phòng học mới được trang bị máy chiếu hiện đại, hệ thống âm thanh

tốt, hệ thống điều hòa đem lại hiệu quả trong quá trình dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Một số phòng học cho ngành đang xuống cấp cần xây mới hoặc tu sửa để đáp ứng môi trường học hiện đại cho người học.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục sử dụng các phương tiện hiện đại đã được triển khai trong công tác dạy học và học tập.

Từ năm 2021, tăng cường sửa chữa và nâng cấp các phòng học và phòng thực hành chưa đảm bảo để phục vụ cho công tác đào tạo.

5. Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 9.2 Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Thư viện của Trường ĐHTN được hình thành từ ngày đầu thành lập, trải qua nhiều giai đoạn, vào năm 1997, Trung tâm Thông tin Tư liệu và Thư viện được tách ra từ Phòng Đào tạo. Đến năm 2007 tách riêng thành hai đơn vị là Thư viện và Trung tâm Thông tin có các qui định về chức năng, nhiệm vụ rõ ràng [H7.07.03.01], [H9.09.02.01].

Thư viện được xây dựng tại trung tâm của khuôn viên trường với tổng diện tích sàn là 3.200 m², hoạt động theo mô hình mở. Người đọc có thể dễ dàng tra cứu tài liệu và lựa chọn chỗ ngồi phù hợp. Thư viện hiện có các phòng đọc với 500 chỗ ngồi, có các phòng học nhóm, phòng hội thảo và phòng máy tính. Thư viện được hoạt động dựa trên nội quy, quy định cụ thể về nhiệm vụ, chức năng tổ chức bộ máy hoạt động, các quy định về mượn - trả tài liệu, quy định về xử phạt, quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa. Cán bộ phụ trách Thư viện trực tiếp đến hướng dẫn bạn đọc tại quầy phục vụ khi có nhu cầu. Mỗi sinh viên có một tài khoản để đăng nhập vào hệ thống tài liệu của Thư viện và quản lý trực tiếp các tài liệu đã mượn, gia hạn hoặc mượn mới thông qua quản lý của phần mềm Ilib (<http://appsrv/opac/>) [H9.09.02.02], [H9.09.02.03], [H9.09.02.04].

Đặc biệt là sau năm 2003, Nhà trường tham gia vào dự án giáo dục đại học 1 (mức A, vòng 4) với kinh phí 509.000 đô la Mỹ, đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký quyết định cho thực hiện. Từ khi Dự án được triển khai, Thư viện đã thay đổi căn bản về số lượng và chất lượng trang thiết bị, cơ sở vật chất về truyền dẫn thông tin. Thư viện được đầu tư mua sắm các ấn phẩm điện tử tiếng Việt và tiếng Anh, cùng hàng trăm đầu sách tiếng Việt và tiếng Anh [H9.09.02.05].

Thư viện có đủ số lượng sách cung cấp cho yêu cầu của sinh viên ngành Điều dưỡng. Theo thống kê số liệu của Thư viện tới năm 2021, thư viện có ba kho tư liệu: Phòng đọc, Phòng giảng trình, và Phòng tổng hợp: số đầu sách 11.354 với 174.533 bản. Thư viện còn cung cấp các tài liệu là báo, tạp chí với số lượng từ 110 đến 130 đầu tài liệu. Bên cạnh đó các luận văn, luận án, báo cáo khoa học, giảng trình do cán bộ giảng viên của Trường viết cũng đóng góp thêm số lượng lớn tài liệu tham khảo cho ngành. Từ năm 2016-nay, Nhà trường tích cực bổ sung các sách, giảng trình và nguồn học liệu khác phục vụ chương trình đào tạo theo nhu cầu sử dụng của giảng viên và người học với trên 4000 đầu sách và các chọc liệu khác. Để nguồn tài liệu đa dạng và phong phú hơn, Thư viện đã liên kết với Trung tâm học liệu Cần Thơ để chia sẻ và chuyển giao nguồn tư liệu điện tử, người học có thể truy cập mạng nội bộ để tìm tài liệu (<https://lrcdig.ctu.edu.vn/digital/>) [H9.09.02.06], [H9.09.02.07].

Vào đầu mỗi năm học, dựa trên kế hoạch của Phòng CSVC về việc đăng ký mua sắm tài sản, Thư viện gửi thông báo và mẫu đăng ký đặt mua giảng trình, sách tham khảo về các khoa. Các giảng viên sẽ căn cứ đề cương chi tiết môn học và nhu cầu tham khảo tài liệu của người học và giảng viên để đăng ký sách và tài liệu tham khảo phù hợp. Nếu giảng viên, sinh viên có nhu cầu tài liệu phục vụ cho nghiên cứu, học tập thì có thể làm giấy đề nghị mua sách để Thư viện có thể bổ sung kịp thời. Tuy nhiên, về việc giảng viên, sinh viên tự đề nghị Thư viện mua sách chưa được thường xuyên và phổ biến. Việc lập kế hoạch bảo trì, nâng cấp luôn được thực hiện hàng năm để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, đồng thời tiến hành rà soát đánh giá hiệu quả đầu tư, bảo dưỡng các nguồn lực học tập thông qua đợt kiểm tra, đề xuất thanh lý vào cuối năm [H9.09.01.05], [H9.09.02.08], [H9.09.02.09],[H9.09.02.10] [H9.09.02.11].

Bên cạnh đó Thư viện còn trang bị máy tính có kết nối Internet giúp sinh viên cập nhật nguồn thông tin qua các trang web phổ biến. Do trường đặt trên địa bàn miền núi còn nhiều khó khăn về nguồn tài liệu nên hệ thống học liệu tại Thư viện và Trung

tâm thông tin chưa đáp ứng được số lượng đầu sách cho tất cả học viên nếu mượn với số lượng lớn trong một thời điểm. Căn cứ vào đóng góp ý kiến của sinh viên, giảng viên và cán bộ viên chức từ các khoa hàng năm, Thư viện lên kế hoạch để bổ sung nguồn tài liệu tham khảo phù hợp, đúng yêu cầu để nâng cao chất lượng phục vụ [H9.09.02.12], [H9.09.02.13]. Từ năm 2016-2020, Nhà trường tạo điều kiện để mua nhằm gia tăng số lượng sách, giáo trình, tài liệu học tập phục vụ cho nhu cầu đào tạo của nhà trường. Số lượng sách bổ sung thêm tăng từ 252 đầu sách với 4157 bản năm 2016 lên đến 1904 đầu sách với 7166 bản năm 2020. Bên cạnh đó, số lượng luận văn, luận án và báo cáo khoa học cũng được cập nhật gia tăng liên tục phục vụ cho nhu cầu tra cứu tài liệu, nghiên cứu khoa học [H9.09.02.14].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống thư viện, học liệu và đầy đủ các phương tiện đáp ứng cho đào tạo cho sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Số đầu sách chưa phủ khắp đến toàn bộ sinh viên và còn thiếu sót một số sách chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục đầu tư phát triển thư viện, cải tiến hơn nữa công tác phục vụ sinh viên, và đặc biệt từ năm 2021, chú trọng đầu tư mua thêm sách giáo trình, sách tham khảo, thực hành liên quan đảm bảo đầy đủ cho tất cả sinh viên và tất cả chuyên ngành.

5. Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 9.3 Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Nhận thức được tầm quan trọng của các học phần thực hành trong chương trình đào tạo Y khoa, Nhà trường và Khoa đã chú trọng đầu tư phát triển các phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy và NCKH. Nhà trường đảm bảo phòng thực hành, thí nghiệm để phục vụ nhu cầu của giảng viên và người học. Các phòng thực hành môn đại cương được bố trí tại các tòa nhà số 7, 8 và 9 để phục vụ chung cho các ngành trong toàn Trường. Các phòng thực hành cận lâm sàng và tiền lâm sàng

được đặt tại khu nhà số 5, nhà số 2, và nhà số 9. Đây không chỉ là nơi phục vụ cho nhu cầu giảng dạy mà còn đáp ứng nhu cầu NCKH của giảng viên và người học. Bên cạnh đó, Viện công nghệ sinh học và môi trường cũng là nơi để người học có thể tham gia nghiên cứu với cơ sở vật chất, thiết bị và máy móc hiện đại [H9.09.01.01], [H9.09.03.01].

Mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị, hóa chất thí nghiệm, mô hình và dụng cụ thực hành. Hàng năm, trang thiết bị, máy móc thí nghiệm đều được đăng ký bảo dưỡng và sửa chữa. Bên cạnh đó, phòng thí nghiệm còn được lắp đặt Internet phục vụ cho việc tra cứu thông tin của sinh viên Điều dưỡng trong quá trình thí nghiệm, thực hành, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, phục vụ giảng dạy, NCKH, Nhà trường thông báo yêu cầu các đơn vị đề xuất việc mua sắm cung cấp trang bị máy móc, thiết bị chuyên dùng trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Nhà trường thực hiện các thủ tục báo cáo và trình Bộ GDĐT xin phê duyệt mua sắm cung cấp trang bị máy móc, thiết bị chuyên dùng [H9.09.01.05], [H9.09.03.03]. [H9.09.03.04].

Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường đã thực hiện xin phê duyệt và thực hiện nhiều dự án đầu tư CSVC và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị được đầu tư và bảo trì phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH của Nhà trường cụ thể như Dự án chương trình phát triển nguồn nhân lực y tế đợt I và đợt II, Dự án cung cấp máy Siêu âm màu 4D và X-Quang cho Bệnh viện Trường ĐHTN, Dự án mua sắm bổ sung thiết bị phục vụ công tác chuyên môn của Khoa Y Dược, Dự án mua sắm thiết bị tiền lâm sàng [H9.09.03.05]. Hàng năm, các phòng thí nghiệm, thiết bị được rà soát, kiểm kê cụ thể. Trường thành lập các tổ kiểm kê tài sản và tiến hành công tác kiểm kê tài sản của các đơn vị trong toàn Trường [H9.09.03.06], [H9.09.03.07]. Nhà trường đã ban hành quy định, quy chế về quản lý, sử dụng tài sản của Trường ĐHTN [H9.09.03.08], [H9.09.03.09]. Tại các phòng thí nghiệm, nhân viên trực lập sổ theo dõi sử dụng trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Mỗi phòng thí nghiệm đều có nội quy về việc sử dụng và bảo quản các trang thiết bị và dụng cụ dùng cho học tập và nghiên cứu [H9.09.01.02].

Hàng năm, thông qua các “Hội nghị Đối thoại SV”, Nhà trường đã có những điều chỉnh thích hợp để nâng cấp khả năng phục vụ cơ sở vật chất của các phòng thí nghiệm, thực hành cho người học và giảng viên. Bên cạnh đó, định kỳ hằng năm Nhà trường tổ chức cuộc khảo sát đối với giảng viên và sinh viên về mức độ đáp ứng của các phòng

thí nghiệm về cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, trang thiết bị tại phòng thí nghiệm phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học [H9.09.01.08], [H9.09.03.10], [H9.09.01.11].

2. Điểm mạnh

Cơ sở vật chất, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành đầy đủ, đảm bảo quy cách và được sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đào tạo, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học.

3. Tồn tại

Một số phòng thí nghiệm, thực hành còn chật hẹp, trang thiết bị hiện đại còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa và nâng cấp trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Từ năm 2021, Trường và Khoa xem xét bổ sung trang thiết bị mới hiện đại hơn phục vụ tốt hơn việc giảng dạy, học tập và NCKH; tăng diện tích một số phòng thí nghiệm, thực hành.

5. Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 9.4 Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Nhà trường có Phòng Truyền thông và Tư vấn tuyển sinh được thành lập ngày 28 tháng 10 năm 2021 theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐTr của Hội đồng Trường trường Đại học Tây Nguyên dựa trên cơ sở sát nhập Trung tâm Thông tin và bộ phận tuyển sinh của trường Đại học Tây Nguyên. Phòng Truyền thông và Tư vấn tuyển sinh có chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin của Trường Đại học Tây Nguyên, được quy định rõ bằng văn bản về chức năng và nhiệm vụ của trung tâm và cán bộ phụ trách. Việc xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và mạng máy tính, quản trị hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng; việc bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng đều do

Trung tâm thông tin đảm nhiệm[H5.05.01.15], [H7.07.03.01], [H9.09.04.01], [H9.09.04.02], [H9.09.04.03].

Trường Đại học Tây Nguyên được trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Hiện nay, Trường có 800 bộ máy vi tính để bàn, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet. Hệ thống mạng Internet và wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet, đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học. Cán bộ, giảng viên toàn trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng @ttn.edu.vn. Hệ thống wifi được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường [H9.09.03.04].

Nhà trường rất coi trọng công tác tin học hóa trong mọi hoạt động, đặc biệt là trong công tác quản lý. Nhà trường đã đưa vào sử dụng các phần mềm để quản lý cán bộ, học sinh-sinh viên, nghiên cứu sinh, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, chấm thi, văn bản và hồ sơ lưu trữ, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác [H9.09.04.03]. Công tác bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp, mua sắm mới cơ sở vật chất cho hệ thống công nghệ thông tin trong toàn Trường được thực hiện kịp thời và được kiểm tra giám sát hàng năm. Nhà trường triển khai dạy học trực tuyến song song với phương pháp giảng dạy trực tiếp phù hợp với xu hướng phát triển hiện tại và trong tình hình dịch COVID - 19 như hiện nay. Việc dạy và học trực tuyến được tổ chức trên nền tảng Microsoft Team,, LMS, Google Meet... [H9.09.03.06] [H9.09.04.05], H9.09.04.06].

Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu thực tế, Nhà trường xây dựng kế hoạch đầu tư về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ [H9.09.04.07]. Hằng năm, Nhà trường cũng thông báo yêu cầu các đơn vị đề xuất nhu cầu sửa chữa và bảo dưỡng máy móc thiết bị thí nghiệm và thiết bị văn phòng và phân công viên chức phụ trách sửa chữa và bảo dưỡng kịp thời đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV, SV [H9.09.01.05], [H9.09.04.08], [H9.09.04.09].

Hiện nay, Nhà trường hiện có 05 máy chủ: Một máy chủ Lenovo để lưu trữ CSDL của Nhà trường và máy ảo server website của Nhà trường, 1 máy chủ IBM để backup CSDL và website Nhà trường, 01 máy chủ HP chạy phần mềm thư viện, 01 máy chủ HP chạy các phần mềm khác, 01 máy chủ HP chạy tường lửa, phân luồng và quản lý toàn

bộ hệ thống mạng trong Nhà trường, phòng Internet, 20 phòng thực hành máy tính, phòng LAB. Hạ tầng mạng của Nhà trường được trang bị 4 đường truyền internet tốc độ cao: 03 đường truyền của Viettel, 1 đường truyền của VNPT. Ngoài ra, còn có 3 đường truyền FTTH riêng: phòng máy Khoa Kinh tế, Bộ môn Tin học, Trung tâm KHXH&NV. Hệ thống bảo mật: Nhà trường hiện đang sử dụng 2 hệ thống tường lửa phần cứng và phần mềm để bảo vệ CSDL lưu trữ trên máy chủ. Quyền truy cập: đăng nhập theo mã SV và mã GV. Ngoài ra, Nhà trường cung cấp tài khoản email nội bộ cho cán bộ GV, chuyên viên, nhân viên sử dụng thống nhất trong toàn trường nhằm đảm bảo tính bảo mật cũng như tạo sự thống nhất, đồng bộ trong việc cung cấp, trao đổi thông tin liên lạc trong Trường [H9.09.04.10].

Để nâng cao hơn chất lượng phục vụ của Trung tâm thông tin và hệ thống công nghệ thông tin của trường, các đợt khảo sát đã được thực hiện hàng năm để lấy ý kiến về chất lượng của việc khai thác và sử dụng hệ thống này lòng Thông qua kết quả các báo cáo khảo sát ý kiến CBVC, GV và người học, Nhà trường đã xây dựng CSDL theo dõi đánh giá về mức độ đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin, việc sử dụng hệ thống máy tính và trang thiết bị chất lượng cao được đầu tư phục vụ cho HĐĐT, NCKH và PVCD. Kết quả khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công cho thấy: năm 2018 có 60,16 % trong 1442 người tham gia khảo sát đánh giá hài lòng về hệ thống phòng học, giảng đường và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu dạy và học của GV, SV, trong khi đó tỷ lệ hài lòng năm 2019 tăng lên 66,3% trong 1385 người tham gia khảo sát [H9.09.01.08], [H9.09.01.09], [H9.09.01.10], [H9.09.04.11].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của Nhà trường đã được tin học hóa, đã sử dụng hệ thống thông tin điện tử và các phần mềm chuyên dụng, có nhân viên Trung tâm công nghệ thông tin phụ trách và hỗ trợ chuyên môn.

3. Điểm tồn tại

Mạng wifi của Trường còn yếu, chưa tải được các học liệu dạng video, và các tài liệu có dung lượng cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022 chú trọng nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt phát triển các phần mềm quản lý, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy cập internet, qua đó sử dụng có hiệu quả các dịch vụ có sử dụng internet của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 9.5 Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Trường ĐHTN đã phân công chức năng, nhiệm vụ rõ ràng cho các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, cụ thể là phòng CTSV, phòng HCTH, phòng CSVC phối hợp với bộ phận y tế chịu trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nhất là người khuyết tật [H9.09.05.01], [H9.09.05.02], [H9.09.05.03].

Về công tác sức khỏe, y tế cộng đồng: trong giai đoạn vừa qua, Nhà trường đã thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người học. Nhà trường đã ban hành các thành lập Ban chỉ đạo công tác y tế trường học, Tổ Y tế học đường, giao nhiệm vụ tổ chức và chỉ đạo hoạt động y tế học đường của Nhà trường. 100% công chức, viên chức, NLĐ đều được Nhà trường tổ chức mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể trong suốt thời gian công tác và làm việc tại trường. Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên hoạt động 24/24h không chỉ thực hiện khám chữa bệnh cho bệnh nhân nói chung, còn là đơn vị chịu trách nhiệm sơ cấp cứu, điều trị ban đầu cho viên chức, NLĐ và SV trong suốt quá trình học tập và làm việc tại trường. Sinh viên tham gia bảo hiểm y tế hằng năm và tiến hành tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ cho SV tại Bệnh viện trường [H9.09.05.04], [H9.09.05.05], [H9.09.05.06], [H9.09.05.07], [H9.09.05.08], [H9.09.05.09], [H9.09.05.10].

Về môi trường sinh thái và môi trường học tập: phòng CSVC lập kế hoạch quản lý môi trường, vệ sinh các giảng đường, phòng học, cắt tỉa, trồng mới cây xanh trong khuôn viên Nhà trường và phân công cho từng bộ phận quản lý và ký kết hợp đồng với các nhà thầu, các cá nhân và tiến hành chăm sóc cắt tỉa cây xanh định kỳ, chăm sóc vườn hoa cây cảnh, cây xanh trong khuôn viên Nhà trường, vệ sinh giảng đường và khuôn

viên Nhà trường tạo môi trường làm việc và học tập thoải mái, xanh, sạch, đẹp cho CBVC, NLĐ và học sinh, SV trong toàn trường [H9.09.05.11].

Về công tác đảm bảo ANTT, phòng cháy chữa cháy: khuôn viên Nhà trường có tường rào bao bọc, cách ly hoàn toàn với môi trường xung quanh. Đội bảo vệ trực tại trường 24/24h với chức năng và nhiệm vụ được phân công cụ thể trong quy định làm việc của tổ bảo vệ [H9.09.05.12]. Trong khuôn viên, Nhà trường có những bảng nội quy và được treo ở các vị trí dễ nhìn để mọi người xem và thực hiện. Ngoài ra, Nhà trường đã ký kết hợp đồng và ban hành quy chế phối hợp với Công ty vệ sĩ Tuấn Ngọc với mục đích bảo vệ ANTT trong Nhà trường [H9.09.05.13], [H9.09.05.14]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã phối hợp rất tốt với Công an phường Eatam, Công an thành phố Buôn Ma Thuột trong công tác bảo vệ ANTT trong khu vực Nhà trường [H9.09.05.15], [H9.09.05.16], [H9.09.05.17]. Công tác phòng cháy chữa cháy trong Nhà trường luôn được kiểm tra báo cáo định kỳ, công tác này được chú trọng cả về nhân sự lẫn CSVC, trang thiết bị [H9.09.05.18], [H9.09.05.19]. Thông qua các đợt tập huấn hằng năm, Nhà trường đã tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao trình độ nhận thức của viên chức, NLĐ về công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ [H9.09.05.20]. Ban PCCC phối hợp với các đơn vị kiểm tra, bảo dưỡng và bổ sung, đề xuất sửa chữa trang thiết bị phòng cháy chữa cháy trong khuôn viên Nhà trường [H9.09.05.21]. Nhà trường đã thành lập ban chỉ đạo và xây dựng mô hình Tổ tự quản an ninh trật tự ký túc xá, các thành viên trong tổ tự quản thực hiện việc tuần tra, canh gác góp phần đảm bảo an ninh trật tự trong Nhà trường [H9.09.05.22].

Về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm: Nhà trường có các căn tin bán hàng phục vụ học sinh SV, viên chức và NLĐ trong khuôn viên trường. Tất cả người chủ các quầy hàng tại căn tin đều có chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Nhà nước và cam kết thực hiện vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm được quy định cụ thể trong điều khoản hợp đồng ký kết với Nhà trường [H9.09.05.23], [H9.09.05.24].

Hằng năm, Nhà trường thực hiện và tổng hợp kết quả các khảo sát của CBVC, GV và người học về việc thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức cuộc họp “Hội nghị Đối thoại SV” hằng năm, ghi nhận những phản hồi từ phía người học về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt trong Nhà trường. Báo cáo từ năm 2018-2020 cho thấy người học

hài lòng về cơ sở vật chất luôn đạt tỷ lệ cao và tăng dần theo từng năm [H9.09.01.09], [H9.09.01.10], [H9.09.01.11].

Hằng năm, Nhà trường thực hiện nâng cấp về CSVC để đảm bảo môi trường, sức khỏe, và an toàn cho người học đặc biệt là người khuyết tật tại Trường như thang máy nhà điều hành trung tâm có âm thanh nhằm phục vụ thuận tiện cho người khiếm thị. Các lớp có sinh viên là người tàn tật luôn được ưu tiên sắp xếp tại các phòng học ở tầng trệt, và có sinh viên tình nguyện hỗ trợ việc di chuyển. Những người có nhu cầu đặc biệt, khuyết tật, tàn tật đều được tạo điều kiện tham gia học tập, làm việc tại trường. Nhà trường đã ban hành quy định về tổ chức giảng dạy môn học Giáo dục thể chất đối với ĐTDH theo học chế tín chỉ trong đó quy định chương trình giáo dục thể chất dành cho nhóm SV sức khỏe hạn chế [H9.09.05.25], [H9.09.05.26].

2. Điểm mạnh

Trường có quy định cụ thể và thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường và chăm sóc sức khỏe cho người học.

3. Điểm tồn tại

Chưa có căn tin với quy mô lớn hơn để đáp ứng nhu cầu ăn uống cho sinh viên và giảng viên của toàn trường.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục thực hiện tốt việc đảm bảo an toàn về phòng tránh cháy nổ, an ninh, an toàn, sạch đẹp, thoáng mát trong trường học, ký túc xá.

Tiến hành kế hoạch khảo sát mở căn tin quy mô lớn để phục vụ cho nhu cầu của giảng viên và người học trong năm 2021.

5. Tự đánh giá: 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 9

Trường Đại học Tây Nguyên đã cung cấp đầy đủ nguồn cơ sở vật chất, trang thiết bị để phục vụ cho chương trình đào tạo ngành Y khoa. Hệ thống phòng làm việc, phòng thí nghiệm được đầu tư, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu đào tạo và định hướng mở rộng trong tương lai. Thư viện Trường đã và đang được thường xuyên trang bị về trang thiết bị và nguồn tư liệu học tập cập nhật, đồng thời kết hợp với các nguồn tài liệu trực tuyến

với các trường Đại học lớn để khai thác, trao đổi tối đa nguồn học liệu. Hệ thống công nghệ thông tin được cập nhật để giải quyết nhanh chóng các công việc liên quan đến số hóa, lưu trữ dữ liệu và cung cấp đường truyền, băng thông trực tuyến để đáp ứng nhu cầu học tập online. Nhà trường còn thực hiện các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn sức khỏe, đảm bảo cảnh quan và an toàn phòng cháy, tạo môi trường thân thiện với cán bộ giảng viên và người học.

Một số phòng thí nghiệm còn chưa được sửa chữa theo đúng nhu cầu thực tế, tuy nhiên, Nhà trường đã lên kế hoạch cải thiện, tránh ảnh hưởng đến công việc giảng dạy và nghiên cứu.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Số tiêu chí đạt 5/5, trong đó tất cả các tiêu chí đều đạt mức 4/7

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Tính đến nay nhà trường luôn luôn chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo bởi nó là một trong những tiêu chuẩn quyết thể hiện uy tín và sự tồn tại, phát triển nền giáo dục của một cơ sở đào tạo. Do đó, để đảm bảo SV ngành Điều dưỡng đạt được CDR đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng, Trường Đại học Tây Nguyên nói chung, Khoa Y Dược nói riêng đã và đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống. Điều này thể hiện rõ qua việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu SV, đơn vị sử dụng lao động) để thiết kế và phát triển CTDH đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan. Nhà trường tự đánh giá tiêu chuẩn nâng cao chất lượng qua 6 tiêu chí sau:

Tiêu chí 10.1 Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT được xây dựng trên cơ sở đảm bảo tính hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện của Nhà trường về cơ sở vật chất và đội ngũ, đáp ứng nhu cầu của xã hội và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp, đồng thời đảm bảo sự liên thông giữa các ngành và giữa các bậc đại học, khoa Y Dược đã kết hợp với Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT. Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CDR được thực hiện theo quy trình cụ thể, trong đó có bước khảo sát hoặc tổ chức các hội nghị để lấy ý kiến của các bên liên quan, thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTĐT.

Việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh CTĐT ngành Điều dưỡng được thực hiện định kỳ, có tham khảo ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng và cựu SV theo hướng tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần. Nhờ vậy, CTĐT ngành Điều dưỡng qua nhiều lần điều chỉnh đã đáp ứng được định hướng tăng cường rèn luyện kỹ năng lâm sàng; đào tạo đội ngũ điều dưỡng có trình độ chuyên môn cao đáp ứng nhu cầu xã hội. Lần điều chỉnh gần nhất năm 2021 theo hướng đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, theo định hướng phát triển năng

lực người học, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội Tổng hợp [H1.01.02.04], [H10.10.01.01], [H10.10.01.02].

Hàng năm, nhà Trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi về chất lượng học phần và hoạt động giảng dạy của giảng viên để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng CTĐT định kỳ. Nhà trường đã xây dựng công cụ điều tra trực tuyến để thực hiện việc lấy ý kiến người học nói riêng, các bên liên quan đến quá trình đào tạo nói chung một cách nhanh chóng hơn. Các tiêu chí đánh giá đầy đủ: Hoạt động giảng dạy, hoạt động kiểm tra đánh giá giảng dạy và kiểm tra điều kiện cơ sở vật chất. Kết quả điều tra cho thấy hầu hết sinh viên được hỏi ý kiến hài lòng với phương pháp và năng lực giảng dạy của giảng viên. Hầu hết sinh viên hài lòng với điều kiện học tập, với cách thức tổ chức, quản lý của Trường và hài lòng đã chọn học tập tại Trường [H10.10.01.03], [H5.05.03.19].

Hơn nữa, hằng năm Trường, khoa tổ chức hội nghị đối thoại sinh viên nhằm lấy ý kiến trực tiếp từ sinh viên về các vấn đề liên quan đến dạy và học nhằm kịp thời tiếp thu và sửa đổi, nâng cao chất lượng đào tạo [H4.04.01.10-12], [H10.10.01.04]

Theo định kỳ hằng năm, thông qua việc tổ chức sinh viên đi thực tập lâm sàng ở một số bệnh viện tỉnh như Đắk Lắk, Ninh Thuận..., đi thực tế cộng đồng tại các trạm y tế xã, huyện, bệnh viện... Nhà trường/Khoa đã thu thập các phản hồi của sinh viên trong quá trình thực tập rèn nghề, cũng như các ý kiến góp ý của các cơ sở thực tập về chất lượng của CTĐT. Đây là các tư liệu quý để nhà trường chỉ đạo các khoa bổ sung, điều chỉnh và phát triển CTĐT [H10.10.01.05], [H10.10.01.06].

Khi kết thúc một khóa học đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi về chất lượng CTĐT ngành Điều dưỡng từ người học sau khi tốt nghiệp. Hoạt động tiếp nhận thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan là cơ sở để Nhà trường và Khoa căn cứ phát triển và nâng cao chất lượng CTĐT, phương pháp tổ chức đào tạo để SV ra trường đáp ứng tốt thực tế và nhu cầu xã hội. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi được tiến hành qua hệ thống email, facebook và điện thoại (đối với cựu SV) [H10.10.01.03], [H10.10.01.06-08].

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo.

Hoạt động lấy ý kiến sinh viên về quá trình đào tạo được triển khai rộng rãi định kỳ hàng năm.

Khoa đã có sự hợp tác chặt chẽ với các cơ sở thực tập và đã nhận được các ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác thực tập của sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng và các chuyên gia gắn với ngành đào tạo tuy đã thực hiện nhưng chưa được thường xuyên.

Khoa chưa tổ chức nhiều các hội nghị, hội thảo khoa học để lắng nghe các ý kiến trao đổi từ các bên liên quan về nhu cầu thực tế đối với chương trình đào tạo theo CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm Khoa cần lấy ý kiến từ đơn vị sử dụng lao động gắn với ngành đào tạo.

Xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi hoạt động hiệu quả đảm bảo thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết.

Tổ chức Hội nghị trao đổi giữa khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu sinh viên để có những cải tiến trong công tác tổ chức đào tạo.

Từ năm học 2020-2021, Khoa tiếp tục lấy ý kiến phản hồi từ SV, hợp tác chặt chẽ với cơ sở thực tập, tổ chức các hội nghị trao đổi giữa Khoa với cựu SV, nhà tuyển dụng, đồng thời tiến hành rà soát, cập nhật, đánh giá CTĐT theo định kỳ.

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 10.2 Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

CTDH là cốt lõi của CTĐT. Cấu trúc của CTDH gồm mục đích, mục tiêu đào tạo, nội dung đào tạo, phương thức đào tạo, các hình thức tổ chức hoạt động đào tạo, các hình thức tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả người học. Trường Đại học Tây Nguyên có quy trình thiết kế và phát triển CTDH, từ việc xác định mục tiêu, CĐR đến việc tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng; các hướng phát triển chương trình, đối sánh trong nước và quốc tế CTDH ngành Điều dưỡng được thiết lập căn cứ vào CĐR của

ngành Điều dưỡng, Trường Đại học Tây nguyên và kế hoạch biên soạn, xây dựng chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Nhà trường [H1.01.02.04], [H10.10.01.01-02], [H10.10.02.01].

Việc xây dựng đề cương chi tiết các học phần mới điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật đã được thực hiện một cách bài bản theo đúng quy định của Nhà trường: Nhà trường ban hành hướng dẫn rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần; Khoa phụ trách xây dựng đề cương chi tiết theo hướng dẫn và theo ý kiến khảo sát ý kiến từ các bên liên quan. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết thì việc xin ý kiến đóng góp, phản hồi từ các bên liên quan, phân tích và lựa chọn dữ liệu, đề xuất thay đổi và lấy ý kiến chuyên gia đóng vai trò quan trọng, không chỉ cho đề cương chi tiết mà cả CTDH [H10.10.02.02-03].

Căn cứ vào kế hoạch biên soạn và điều chỉnh CTDH của trường Đại học Tây Nguyên, nhu cầu thực tiễn của xã hội, ý kiến của các bên liên quan về CTDH, xu hướng vận động của ngành nghề và các yếu tố khác, nhóm chuyên gia đề xuất cải tiến chương trình đào tạo, sau đó Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa Y Dược đã thảo luận và đi đến thống nhất. Các nội dung cải tiến trong CTDH dự thảo được gửi đến giảng viên, các nghiên cứu viên, các cán bộ quản lý đào tạo để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước khi Hội đồng khoa học thẩm định. Sau khi thẩm định, nhóm chuyên gia tiếp thu ý kiến góp ý của Hội đồng khoa học của Nhà trường và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để Trường Đại học Tây Nguyên thẩm định lần cuối và chính thức ban hành khung CTDH ngành Điều dưỡng áp dụng cho từng khóa học [H10.10.01.03], [H5.05.03.19].

Ngoài ra, trong các buổi Hội thảo, Hội nghị, Tọa đàm trao đổi chuyên môn, học thuật của Khoa, các ý kiến của các giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia có uy tín cũng được ngành quan tâm đưa vào kế hoạch thiết kế và phát triển CTDH. Việc điều chỉnh, cập nhật chuẩn đầu ra, CTDH có sự đối chiếu, tham khảo từ các trường đại học có uy tín trong nước [H10.10.02.04].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên. CTDH được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thực sự chủ động trong việc xây dựng chiến lược phát triển CTDH. Việc xây dựng quy trình thiết kế, cải tiến và đánh giá CTDH chủ yếu phụ thuộc vào sự chỉ đạo từ phía Nhà trường và sự thay đổi của Chương trình.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường sẽ ban hành quy định cụ thể về chu trình và quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Việc cải tiến CTDH sẽ được căn cứ theo chiến lược của Nhà trường và đề xuất của hội đồng khoa học Khoa.

Tiếp tục rà soát, cập nhật chương trình theo định kỳ 2 năm/1 lần

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 10.3 Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định chặt chẽ trong “Các quy định về kiểm tra đánh giá của Nhà trường”, trong đó, có các quy định về quy trình kiểm tra phù hợp với CDR, cũng như các tiêu chí để đánh giá kết quả đạt được của người học. Hằng năm, sau mỗi đợt thi giữa kỳ và cuối kỳ, Phòng QLCL làm nhiệm vụ thống kê tỉ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra, thi về cho các khoa đảm nhiệm cũng như từng Bộ môn để có sự đối sánh về chất lượng giảng dạy qua đó kịp thời điều chỉnh đề kiểm tra/thi [H10.10.03.01-02].

Bên cạnh đó, để làm tốt công tác đánh giá kết quả học tập của ngành Điều dưỡng, Khoa Y Dược đề ra quy trình đánh giá học phần dựa trên mẫu phiếu đánh giá học phần, bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kì. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đều có bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm cụ thể. Giảng viên sẽ dựa vào những tiêu chí trong các mẫu để đánh giá SV một cách khách quan, minh bạch [H10.10.01.01], [H10.10.03.03-05], [H10.10.03.07].

Mặt khác, đề cương học phần cũng chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của hình thức kiểm tra đánh giá cho từng lần kiểm tra

đánh giá cụ thể của từng học phần. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Kết quả thu được cho thấy, chất lượng giảng dạy cũng như quy trình đánh giá kết quả học tập được SV đánh giá cao [H10.10.01.01], [H10.10.02.02].

Hằng năm, Nhà trường đều tiến hành rà soát, đánh giá quá trình dạy-học và kết quả học tập của người học ở tất cả các học phần trong CTĐT, đồng thời theo dõi, giám sát hoạt động giảng dạy của GV. Đây là căn cứ để Khoa và Ngành có kế hoạch điều chỉnh CDR và CTĐT tương thích với nhau. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được người học đánh giá cao [H10.10.02.01].

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên được Nhà trường quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm bộ phận và có qui định về trọng số điểm. Theo quy định, GV phải nhập điểm bộ phận trễ nhất trước ngày thi 3 ngày và điểm quá trình cuối mỗi môn học và điểm thi kết thúc học phần không quá 14 ngày sau khi thi. Quy định về hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thực hành, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm [H10.10.01.01].

Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện nghiêm túc, theo đúng lịch trình của Phòng QLCL. Việc chấm thi, vào điểm và công bố kết quả thi được thực hiện nghiêm túc theo quy chế của Trường. Kết quả học tập của sinh viên được quản lý chặt chẽ và được thanh tra, kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường và Khoa sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá sinh viên. Ngoài ra, SV có thể phản hồi và cập nhật thường xuyên ý kiến về chất lượng giảng dạy cũng như các hoạt động khác liên quan tới việc đánh giá kết quả học tập, thông qua website của Nhà trường. Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng QLCL phối hợp với Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động kiểm tra đánh giá. Các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành Điều dưỡng đều được lấy ý kiến. Sau khi thu thập đủ dữ liệu và đưa ra phân tích tất cả các ý kiến phản hồi từ người học và người dạy, Nhà trường, Khoa và Bộ môn sẽ có báo cáo tổng thể ở các cuộc họp cấp

trường cũng như cấp bộ môn, qua đó giảng viên xác định được những điểm mạnh và những mặt còn tồn tại cần khắc phục. [H10.10.01.03], [H5.05.03.19], [H10.10.03.08].

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy học ngày càng được tổ chức và thực hiện bài bản, chất lượng ngày càng cao. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Trường Đại học Tây Nguyên, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

Đã sử dụng phần mềm chuyên dụng trong việc xử lý các câu hỏi kiểm tra/thi cũng như rà soát việc sao chép tài liệu, trích dẫn tài liệu.

Quá trình dạy-học và đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên dựa trên những quy định, quy trình chặt chẽ có hệ thống từ cấp trường đến từng bộ môn.

Các ý kiến phản hồi được thu thập và tổng hợp một cách khách quan, trung thực, minh bạch nhằm đưa ra những điểm mạnh, điểm tồn tại để tìm hướng cải tiến, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ. Việc đánh giá chất lượng dạy và học, các cơ chế phát huy tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến người học, đồng nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên liên tục trong suốt cả năm học.

Việc rà soát việc sao chép tài liệu, trích dẫn tài liệu mới chỉ thực hiện ở hệ sau đại học đối với luận văn thạc sĩ chứ chưa được thực hiện ở tất cả các học phần của hệ đại học.

Chưa thực hiện quy trình lấy ý kiến phản hồi cụ thể của giảng viên, người học và các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp giữa CTĐT với CĐR.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa sẽ thực hiện việc rà soát trích dẫn tài liệu trong các bài thi, tiểu luận, khóa luận của sinh viên. Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến từ người học, đồng nghiệp sẽ được xây dựng kế hoạch thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt cả năm học.

Xây dựng quy trình lấy ý kiến phản hồi cụ thể của giảng viên, người học và các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học của CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp giữa CTĐT với CDR

Phát huy đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 10.4 Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

Cùng với hoạt động đào tạo, trong những năm gần đây nhà trường và Khoa Y Dược bắt đầu quan tâm nhiều hơn đến các hoạt động nghiên cứu khoa học, đưa nghiên cứu khoa học trở thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà giảng viên cần phải hoàn thành bên cạnh hoạt động giảng dạy. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên được quy định rõ ràng trong quy định chế độ làm việc đối với giảng viên [H10.10.04.01-02]. Để theo dõi, hướng dẫn cán bộ viên chức, giảng viên và tham gia nghiên cứu khoa học, nhà trường đã ban hành quy trình quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học để hướng dẫn các đơn vị. Hằng năm, Khoa Y Dược đều tạo điều kiện và khuyến khích cán bộ, giảng viên và sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học theo thông báo triển khai của nhà trường. Các giảng viên của Khoa Y Dược đã tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và đã có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học được thực hiện và nghiệm thu cấp trường. Số lượng giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học và số lượng đề tài nghiên cứu khoa học của khoa có xu hướng ngày càng tăng theo từng năm học. Từ năm 2017 – 2021, có 11 đề tài cấp cơ sở cấp cơ sở của giảng viên. Các kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên đều được nhà trường, khoa ghi nhận, các đề tài được sử dụng làm tài liệu nguồn tài liệu tham khảo học tập cho giảng viên, sinh viên.

Hằng năm, Khoa đã tổ chức được hội thảo tổng kết nghiên cứu khoa học và được sự quan tâm, tham gia nhiệt tình của giảng viên trong Khoa. Nhiều giảng viên có bài báo khoa học đăng trên tạp chí của nhà trường hoặc chuyên ngành, đây là nguồn tài liệu tham khảo phong phú, đáng tin cậy cho những giảng viên và sinh viên Khoa Y Dược, cũng như những nhà nghiên cứu ngoài trường [H10.10.04.05-06]. Các bài báo được chọn đăng đều được phản biện chặt chẽ, khách quan, sẽ là nguồn tài liệu tham khảo quý giá cho giảng viên trong quá trình giảng dạy, cung cấp thêm kiến thức phong phú cho sinh viên ngoài những kiến thức trong sách vở. Đối với các đề tài có tính ứng dụng cao Lãnh đạo Khoa xem xét triển khai áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn để nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy, nâng cao hiệu quả điều trị cho bệnh nhân. Kết quả nghiên cứu khoa học được áp dụng như một biện pháp nâng cao hoạt động giảng dạy của giảng viên [H10.10.04.04].

Bên cạnh đó, các Bộ môn và Khoa thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo và sinh hoạt chuyên đề giữa các giảng viên và sinh viên nhằm chia sẻ phương pháp giảng dạy và cập nhật kiến thức mới trên thế giới. Các chủ đề hội thảo tập trung vào các vấn đề mang tính cập nhật liên quan đến phương pháp giảng dạy, hiệu quả của các phương pháp điều trị, cũng như những khuyến cáo của các hiệp hội trên thế giới. Ngoài ra, nhằm giúp những giảng viên trẻ có thêm kinh nghiệm trong hoạt động nghiên cứu khoa học, Khoa cũng tổ chức nhiều buổi sinh hoạt chuyên đề, mời các chuyên gia từ các trường khác để đào tạo phương pháp nghiên cứu khoa học cho các giảng viên. Đây chính là cơ hội để chia sẻ và học tập kinh nghiệm từ các Thầy là chuyên gia, nhà nghiên cứu và các báo cáo viên có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Đồng thời khoa còn tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo để phổ biến, áp dụng các kết quả trong hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm đẩy mạnh công tác cải tiến trong quá trình giảng dạy và học tập [H10.10.04.03], [H10.10.04.08].

Bên cạnh đó, Khoa và Nhà trường tập trung đẩy mạnh việc viết mới cũng như cập nhật giáo trình giảng dạy. Quá trình viết sách giáo trình được kiểm soát nghiêm ngặt để đảm bảo chất lượng bao gồm các bước báo cáo tiến độ thực hiện theo từng giai đoạn, và thành lập hội đồng nghiệm thu sách giáo trình [H10.10.04.07-08].

2. Điểm mạnh

Các giảng viên ngày càng có ý thức hơn đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và bước đầu đã có một số công bố khoa học nhất định tại các hội thảo khoa học chuyên ngành, kỷ yếu và các tạp chí thuộc chuyên ngành có uy tín.

3. Điểm tồn tại

Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng trực tiếp vào cải tiến quá trình dạy và học còn hạn chế, chưa có các bài đăng trên các tạp chí có uy tín trên thế giới. Số lượng đề tài cấp Bộ, Tỉnh còn hạn chế. Chưa có đề tài phối hợp với các đối tác nước ngoài.

Việc tham gia nghiên cứu khoa học ở SV chưa được thúc đẩy, còn nhiều hạn chế và khó khăn nên chưa có sự tham gia vào nghiên cứu khoa học trong giai đoạn vừa qua.

4. Kế hoạch hành động

Cần hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh trong đó giảng viên có nhiều kinh nghiệm sẽ đứng đầu và chia sẻ kinh nghiệm, dẫn dắt nhóm. Cần xác định nhiệm vụ của nhóm là xây dựng và nghiên cứu các đề tài có tính ứng dụng cao vào giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo.

Đề xuất nhà trường điều chỉnh chính sách, chế độ cho nghiên cứu khoa học đối với giảng viên và sinh viên để khuyến khích cán bộ giảng viên, sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Khuyến khích và khen thưởng các bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc. Giảng viên có kinh nghiệm hướng dẫn các giảng viên khác và sinh viên làm nghiên cứu khoa học.

Tăng cường khuyến khích NH tham gia vào nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho SV.

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 10.5 Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Nhìn chung các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho ngành Điều dưỡng đã cung cấp, tổ chức đa dạng, phong phú và có ý nghĩa thiết thực; định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và

cải tiến để nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu người học, phù hợp với thực tiễn của xã hội. Khoa Y Dược dựa trên Quyết định của Nhà trường về việc ban hành Quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học, người dạy, cán bộ, viên chức và các bên liên quan. Để nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) và cải tiến hàng năm thông qua các kế hoạch triển khai thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích về việc lấy ý kiến phản hồi từ người dùng. Từ kế hoạch hoạt động đơn vị triển khai thực hiện công việc lấy ý kiến phản hồi về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích định kỳ vào cuối học kỳ của các năm học, Phòng QLCL với Phòng CTSV và Khoa Y Dược để tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đang học tập tại Khoa về hoạt động giảng dạy của giảng viên, các hoạt động của Nhà trường cũng như chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Đa số người dạy, NH, cán bộ viên chức đều hài lòng với các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [H10.10.05.01-03].

Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường và Khoa Y Dược phối hợp tổ chức hội nghị đối thoại SV đến từng lớp, tổ chức chương trình đối thoại giữa Lãnh đạo Nhà trường với NH nói chung, SV ngành Điều dưỡng nói riêng nhằm quan tâm, lắng nghe và có giải quyết những ý kiến chính đáng của SV từ đó tiếp thu và có những biện pháp điều chỉnh phù hợp trong công tác quản lý góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cũng như các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [H4.04.01.10-12], [H10.10.05.04-05], [H10.10.01.04].

Sau khi thực hiện các biện pháp đánh giá, giám sát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, Nhà trường tiến hành thực hiện các biện pháp cải tiến. Cụ thể, sau khi Thư viện lấy ý kiến phản hồi của NH về chất lượng phục vụ, kết quả cho thấy NH đánh giá cao tinh thần, thái độ phục vụ của nhân viên thư viện, mở cửa và trực ngoài giờ hành chính, thứ 7, chủ nhật tại phòng đọc chung, tạo điều kiện cho SV ôn thi trong các đợt thi hết học kỳ, hàng năm có kế hoạch bổ sung sách giáo khoa, tài liệu tham khảo nhằm tăng cường số đầu sách và tài liệu tham khảo giúp GV, NH nâng cao chất lượng dạy và học Phòng CSVC mua sắm, cung ứng kịp thời các thiết bị, vật tư - hóa chất thí nghiệm học tập cho các Khoa và các đơn vị kịp thời, triển khai kịp thời công tác sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì, nâng cấp thiết bị cho các đơn vị, trồng thêm cây xanh cỏ thảm tạo cảnh quan tại một số khu vực nhà học, bê tông hóa, lát gạch một số khu vực, sơn và tu sửa các nhà học, cải tạo phòng 2.1 nhà số 2 thành phòng sinh hoạt chung phục vụ GV và NH, cải tạo

xuống cấp nhà thư viện, nhà số 5 (Khoa Y Dược), nhà xe, xây dựng mới và cải tạo nhà vệ sinh thuộc các khối nhà học trong các năm học 2015 -2019 [H10.10.05.06].

2. Điểm mạnh

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được đánh giá định kỳ, được thực hiện hàng năm theo một quy trình thống nhất. Nhu cầu của NH về dịch vụ hỗ trợ được cải thiện kịp thời theo từng năm học sau khi nhận được sự phản hồi, đánh giá của NH.

3. Tồn tại

Phần mềm quản lý tại thư viện đã quá cũ chưa ứng dụng phần mềm ebook, số đầu sách chưa phủ khắp đến toàn bộ sinh viên Ngành Điều dưỡng, hệ thống bàn tại phòng đọc chung đã quá cũ. Việc cung ứng vật tư, thiết bị, hóa chất còn chậm so với kế hoạch do quá nhiều thiết bị vật tư nhỏ lẻ và cung ứng cho nhiều đơn vị cũng như các bộ môn cụ thể, việc bàn giao công nghệ các trang thiết bị còn kéo dài.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021, Nhà trường tiến hành ứng dụng phần mềm ebook trong quản lý, cập nhật phần mềm quản lý thư viện để nâng cao chất lượng và nhu cầu của NH. Hàng năm đầu tư phát triển thư viện, cải tiến hơn nữa công tác phục vụ sinh viên và đặc biệt chú trọng đầu tư mua thêm sách giáo trình, sách tham khảo, thực hành Điều dưỡng.

Rút ngắn thời gian cung vúng vật tư, thiết bị hóa chất để phục vụ kịp thời nhu cầu NH, hàng năm rà soát và hỏi thúc các bộ môn chủ động lập kế hoạch ngay từ đầu năm học trên cơ sở dự trù của các bộ môn.

Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của NH, người dạy định kỳ 1 năm/1 lần và tiến hành hội nghị đối thoại giữa Khoa, các bên liên quan với SV, đồng thời cải tiến các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đáp ứng nhu cầu của NH.

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 10.6 Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Từ năm 2018 trở về trước, Nhà trường và Khoa Y Dược cơ bản thực hiện lấy ý kiến cán bộ viên chức thông qua “Hội nghị công chức, viên chức” cấp trường, cấp khoa

và lấy ý kiến phản hồi của người học thông qua “Hội nghị dân chủ sinh viên” . Từ năm 2019 trở đi, Nhà trường và Khoa đã đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi và mở rộng đối tượng được lấy ý kiến phản hồi, thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi từ cấp Khoa, phòng ban và đến các cấp lãnh đạo thông qua các phiếu khảo sát, “Hội nghị dân chủ sinh viên”, “Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và Sinh viên” để những vấn đề tồn đọng được giải quyết triệt để, hằng năm Nhà trường và khoa thường xuyên tiến hành các cuộc họp báo cáo, tổng hợp những vấn đề cần giải quyết và có những giải pháp căn bản, hiệu quả [H10.10.01.03-04], [H4.04.01.10-12], [H1.01.02.04], [H10.10.06.01-02].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan để phát triển chương trình dạy học, tăng cường dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của người học ngành Điều dưỡng được thực hiện mang tính hệ thống. Phòng Quản lý chất lượng là đơn vị đầu mối trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện thu thập và báo cáo về thông tin phản hồi của các bên liên quan trong cải tiến, phát triển CTDH và nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường. Trên cơ sở kế hoạch khảo sát, Nhà trường thông báo tới các đơn vị liên quan và triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến về CTĐT, hoạt động dạy học và các hoạt động hỗ trợ nhằm cải tiến chất lượng đào tạo. Năm 2016, Khoa cũng đã thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trong việc phát triển chương trình đào tạo ngành GDTH theo hướng tiếp cận CDIO. Bằng phương pháp phát phiếu điều tra gửi đến 5 đối tượng bao gồm sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, nhà khoa học và nhà tuyển dụng. Thông tin thu thập là cơ sở để ngành Điều dưỡng cải tiến và phát triển CDR, CTĐT. Sau quá trình khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, các đơn vị đầu mối (phòng Công tác CT-HSSV, khoa Y dược) gửi kết quả khảo sát cho Bộ môn, cho giảng viên để phân tích và làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, hoạt động dạy học, các hoạt động hỗ trợ nhằm phát triển chương trình dạy học [H1.01.02.04], [H10.10.01.01], [H10.10.06.03], [10.10.01.07].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống, được thực hiện đa dạng, dân chủ, công khai, minh bạch. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức và thông tin thu thập được từ các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Một số phản hồi chưa thực sự chính xác với thực tế hoặc còn cảm tính; một số hình thức lấy ý kiến phản hồi chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin.

4. Kế hoạch hành động

Trong những năm học tới Khoa Y Dược và Nhà trường sẽ tích cực lấy các ý kiến phản hồi, làm nhiều cuộc khảo sát hơn nữa để lấy ý kiến người học, nhà tuyển dụng để nâng cao chất lượng giáo dục

5. Tự đánh giá: 4/7

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng được Nhà trường và Khoa hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu người học được chú trọng và thực hiện đầy đủ, có hệ thống và thường xuyên hằng năm. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Các nghiên cứu khoa học thông qua đề tài, bài viết cho hội nghị, hội thảo luôn được giảng viên và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng học thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, các dịch vụ hỗ trợ khác) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy-học và nghiên cứu khoa học.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: số tiêu chí đạt 6/6, trong đó tất cả các tiêu chí đều đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Điều dưỡng được xác định một cách rõ ràng, thể hiện được sự cam kết với người học, xã hội và được công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện. CĐR của ngành Điều dưỡng được xác định tương thích với yêu cầu của thị trường lao động và được đánh giá bởi các bên liên quan. Ngành Điều dưỡng có bộ phận giám sát việc đạt chuẩn đầu ra, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học. Sinh viên tốt nghiệp ngành Điều dưỡng đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên được Nhà trường và các đơn vị đào tạo chú trọng, khuyến khích và đẩy mạnh triển khai thực hiện. Việc khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng dịch vụ giáo dục, chương trình dạy học, kết quả đào tạo được xác lập và giám sát. Hệ thống đảm bảo chất lượng và các hoạt động đảm bảo chất lượng được đối sánh, từ đó xây dựng và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

Tiêu chí 11.1 Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Hàng năm, Nhà Trường đều thống kê tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp và được Khoa Y Dược và các phòng chức năng tiến hành phân tích, đánh giá, đối sánh để cải tiến chất lượng đào tạo. Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều có thông báo về việc xây dựng kế hoạch đào tạo [H11.11.01.01], trên cơ sở đó Khoa rà soát việc thực hiện kế hoạch theo đúng tiến độ và bố trí khối lượng học tập hợp lý. Bên cạnh đó, Trường ban hành quyền chương trình đào tạo và xác định thời gian học tập của từng học kỳ và từng học phần [H11.11.01.02], Khoa sẽ dựa trên kế hoạch chung để xây dựng thời gian học và khối lượng kiến thức phù hợp với CĐR của ngành [H1.01.02.04].

Để quản lý dữ liệu học tập của NH, phần mềm QLĐT theo hệ thống tin chỉ được Nhà trường sử dụng từ năm học 2009-2010 đối với hệ ĐTDH [H5.05.01.15]. Trong đó, có hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ học lại, của tất cả các CTĐT, tỷ lệ học lại, thi lại các môn học/học phần. Phần mềm QLĐT giúp Khoa và Nhà trường quản lý tốt hồ sơ, thông tin của từng người học, kế hoạch đào tạo, thời khoá biểu và tiến độ giảng dạy, kết quả học tập, rèn luyện, tổ chức các kỳ thi và

xuất dữ liệu các báo cáo tổng hợp [H11.11.01.07].

Hàng năm, tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành Điều Dưỡng được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên hoạt động của Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên của Khoa Y Dược và của Trường ĐHTN, đồng thời tuân thủ theo các Quy định về điều kiện tốt nghiệp, Quy định về thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi tốt nghiệp [H11.11.01.04]. Tỷ lệ sinh viên thôi học cũng được Khoa và Nhà trường cập nhật hằng năm thông qua hoạt động của Hội đồng xét thôi học, ngừng học của sinh viên. Định kỳ vào cuối năm học, Khoa thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, xếp loại học lực và rèn luyện, điều này được thể hiện trong bảng 11.1.1 và 11.1.2.

Bảng 11.1.1 Bảng đối sánh số lượng SV Điều dưỡng tốt nghiệp giai đoạn 2017-2020

Năm tốt nghiệp	Các ngành	SL SV tốt nghiệp đúng hạn	Tỉ lệ SL SV tốt nghiệp đúng hạn so với dự kiến	SL SV tốt nghiệp không đúng hạn	Tỉ lệ SL SV tốt nghiệp không đúng hạn so với dự kiến
2017	Y khoa	241	88,6%	31	11,4%
	Điều dưỡng chính quy	42	82,4%	09	17,6%
	Điều dưỡng VHVL	60	100%	0	0%
	Toàn trường	1379	70,5%	576	29,5%
2018	Y khoa	257	89,2%	31	10,8%
	Điều dưỡng chính quy	60	83,3%	12	16,7%
	Điều dưỡng VHVL	153	100%	0	0%
	Toàn trường	1329	67,4%	642	32,6%

2019	Y khoa	268	89,6%	31	10,4%
	Điều dưỡng chính quy	36	73,5%	13	26,5%
	Điều dưỡng VHVL	129	100%	0	0%
	Toàn trường	1110	59,5%	755	40.5%
2020	Y khoa	268	89,6%	31	10,4%
	Điều dưỡng VHVL	40	100%	0	0%
	Toàn trường	653	59,5%	755	40.5%

Căn cứ vào Bảng 11.1.1 tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp của ngành Điều dưỡng hệ vừa học vừa làm cao hơn so với ngành Điều dưỡng hệ chính quy và so với tỉ lệ tốt nghiệp chung của toàn trường ở các năm 2017 đến năm 2019. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp không đúng hạn của ngành Điều Dưỡng so với toàn trường ở mức thấp, khoảng 10% [H11.11.01.08].

Bảng 11.1.2 Bảng đối sánh số lượng SV Điều dưỡng buộc thôi học giai đoạn 2016-2020

Tỉ lệ	Năm học			
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Tỉ lệ SV Điều dưỡng thôi học so với SV thôi học toàn trường	5,0%	4,2%	3,2%	8,5%
Tỉ lệ SV thôi học so với tổng số SV	5,3%	1,0%	1,2%	0,1%

Căn cứ vào Bảng 11.1.2 tỉ lệ sinh viên Điều Dưỡng buộc thôi học chiếm tỉ lệ thấp trong tổng số 35 ngành đào tạo của Trường ĐHTN. Riêng năm 2019-2020, tỉ lệ SV thôi

học so với tổng số SV ngành điều dưỡng có tỉ lệ thấp nhất (0,1%), tỉ lệ SV điều dưỡng thôi học so với SV thôi học toàn trường lại cao hơn so với chu kỳ 5 năm đánh giá [H11.11.01.10];

Nhằm tăng tỉ lệ tốt nghiệp, giảm tỉ lệ thôi học; giảm tỉ lệ học lại, thi lại môn học/học phần, thông qua các cuộc họp giữa Lãnh đạo trường với Lãnh đạo Khoa, Khoa và Nhà trường đã thống nhất đưa ra các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp như: Thi cải thiện điểm D, đôn đốc người học rà soát lại các học phần chưa học để tránh học sót môn thông qua đội ngũ cố vấn học tập; rà soát đánh giá từng người học trong việc học tập và thi lại, tư vấn định hướng cách thức học tập của người học [H11.11.01.11]. Cán bộ chuyên trách của Khoa, cố vấn học tập gặp trực tiếp người học thuộc diện bị cảnh báo học tập để nhắc nhở và tư vấn về tiến độ học tập, lộ trình đăng ký môn học,... Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho người học có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép của CTĐT [H11.11.01.12], [H5.05.04.22]. Các nguyên nhân thôi học chủ yếu gồm: Hoàn cảnh kinh tế gia đình không cho phép theo học tiếp, sức khỏe của sinh viên không đảm bảo, nghỉ học dài ngày không lý do, buộc thôi học vì số tín chỉ tích lũy không đạt (ba lần cảnh báo kết quả học tập liên tiếp),... Với những SV nghỉ học vì lý do các nhân, Nhà trường cùng ban chủ nhiệm và ban cố vấn học tập cố gắng tìm hiểu lý do, từ đó đưa ra những tư vấn phù hợp với SV. Đối với những SV buộc thôi học vì kết quả học tập, trước đó Nhà trường thông qua BCN, cố vấn học tập và ban cán sự lớp họp lớp và tìm lý do nghỉ học của SV, gặp gỡ, động viên và tìm giải pháp tháo gỡ vấn đề của SV. Nhà trường cử các GV của bộ môn Điều dưỡng làm cố vấn học tập cho SV để có thể hỗ trợ cho sinh viên cả về chuyên môn. Đồng thời Nhà trường khuyến khích giảng viên áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, tăng cường tính chủ động của người học để có thể nắm bắt kiến thức ngay trên lớp. Phòng Đào tạo bố trí các đợt học bổ sung vào hè tạo điều kiện cho SV sớm trả nợ môn, cải thiện điểm để SV có thể hoàn thành học đúng hạn. Đối với SV thôi học vì hoàn cảnh khó khăn hàng năm Nhà trường hỗ trợ học phí, tặng một số suất học bổng để trao cho SV nghèo vượt khó, SV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn để giúp các em có cơ hội tiếp tục học. Nhờ những biện pháp tích cực của Nhà Trường, tỷ lệ thôi học hằng năm ngành Điều dưỡng chiếm tỷ lệ rất thấp. Nhà trường tiến hành khảo sát, thống kê tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của các ngành do Trường đào tạo, đối sánh giữa các ngành học để nâng cao chất lượng đào tạo cho

từng chuyên ngành cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành Điều dưỡng cao hơn so với các ngành đào tạo khác của trường. Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của ngành Điều dưỡng đạt xấp xỉ 100% (có năm đạt 100%)

2. Điểm mạnh

- Khoa Y Dược và Nhà trường có dữ liệu về thống kê, theo dõi, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH, có sự đối sánh với tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học của ngành lân cận và của toàn trường.

- Trường ĐHTN có những chính sách hỗ trợ hợp lý, giúp người học hoàn thành tốt việc học.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ Ban chủ nhiệm và Cố vấn học tập còn thay đổi giữa các năm nên chưa được tập huấn đầy đủ. Hiệu quả tư vấn cho người học chưa cao; chưa đối sánh được tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học với các trường đại học khác

Chưa có phân tích dự báo sinh viên thôi học để có kế hoạch, chính sách cụ thể hỗ trợ để giảm bớt tỉ lệ này.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021, Khoa sẽ có hướng dẫn với đội ngũ cố vấn học tập, trợ lý Khoa tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng kịp thời cho SV, đồng thời có phân tích, báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp/thôi học, qua đó nhắc nhở, tư vấn cho SV hoàn thành các điều kiện CĐR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

Giám sát chặt chẽ quá trình học tập của NH, quan tâm đến nhu cầu của SV để đảm bảo tỷ lệ bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao.

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 11.2 Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Hàng năm, Trường ĐHTN đều xây dựng CTĐT trong đó có xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của tất cả các CTĐT. Nhà trường thường xuyên rà soát, cập

nhật và ban hành lại CTĐT các ngành cho phù hợp, CTĐT ngành điều dưỡng có thời gian đào tạo là 4 năm [**H1.01.02.01**].

Nhà trường có phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ, trong đó, có hệ thống theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học để có biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp. Mỗi sinh viên đều được cung cấp một mã số và mật khẩu để có thể tự quản lý học tập, quản lý thời gian, theo dõi điểm tích lũy và các thông tin khác liên quan để chủ động trong quá trình học tập. Bên cạnh đó, Nhà trường sử dụng phần mềm Quản lý Đào tạo theo tín chỉ CMC quản lý đào tạo để theo dõi, thống kê, quản lý học tập của SV, nhờ đó công tác quản lý điểm được thực hiện chính xác, công khai trên website: <http://tbump.edu.vn/> cho người học. Người học có thể dùng để truy cập xem điểm tích lũy và những thông tin liên quan đến tốt nghiệp [H11.11.02.04]. Thông qua CSDL về người học tham gia các CTĐT, Khoa Y Dược và Nhà trường đã đối sánh được thời gian tốt nghiệp trung bình, trong đó, có đối sánh tỷ lệ khóa trước, khóa sau. Điều này được thể hiện trong các báo cáo tổng kết năm học của Khoa và Trường [H11.11.02.03], [H11.11.02.04].

Ngay từ đầu năm học thứ nhất, Khoa đã phân công cố vấn học tập đến sinh hoạt thường xuyên với lớp để sinh viên nắm rõ quy chế đào tạo, khối lượng tín chỉ và chuẩn đầu ra, đồng thời xác định rõ cho SV thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành điều dưỡng. Phòng công tác chính trị học sinh sinh viên và phòng đào tạo hỗ trợ cố vấn học tập về nội dung, văn bản và các quy định liên quan đến quá trình học tập của SV, kịp thời can thiệp để SV có thể hoàn thành tiến độ học tập [H11.11.02.05]. Cố vấn học tập về cũng được phổ biến về các văn bản, quy định, kế hoạch học tập năm học, hướng dẫn đăng ký học phần, kế hoạch thực hiện học phần thực tập và chuyên đề tốt nghiệp, kế hoạch toàn khóa trong các buổi Sinh hoạt tuần công dân đầu khóa, trong các giờ sinh hoạt lớp và trên cổng thông tin điện tử, ... giúp người học nắm rõ các quy định về học tập và điều kiện tốt nghiệp, việc đăng ký môn học theo học chế tín chỉ một cách khoa học, đảm bảo được tiến độ học tập theo quy định [H11.11.02.06], [**H1.01.03.11**], [H11.11.02.08],[**H1.01.02.06**], [**H2.02.03.01**]

Căn cứ quy chế đào tạo của Trường, mỗi năm Khoa và Trường tổ chức xét tốt nghiệp chính thức cho NH đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định. Ngoài ra, nhằm tạo điều kiện cho người học, Khoa và Nhà trường còn tổ chức xét điều kiện tốt nghiệp

các đợt bổ sung và cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời cho người học tốt nghiệp có nhu cầu [H11.11.02.12-13].

Khoa Y dược và Nhà trường xác lập các chỉ số để đo lường, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình cho các CTĐT bao gồm: Tổng số người học tốt nghiệp/năm và tỉ lệ người học tốt nghiệp đúng tiến độ so với số lượng tuyển vào. Nhà trường tiến hành rà soát lại số lượng người học chưa tốt nghiệp của những khóa trước, chỉ đạo Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo xây dựng danh sách các học phần tương đương, tổ chức giảng dạy các học phần người học chưa tích lũy, bổ sung cố vấn học tập để giúp người học có thể tốt nghiệp đúng thời hạn, đồng thời đưa ra các giải pháp dành cho các sinh viên có nhu cầu và khả năng hoàn thành chương trình đào tạo trước thời hạn [H11.11.02.03], [H11.11.02.04], [H11.11.02.14]. Không có người học hoàn thành CTĐT trước hạn, do đây là chuyên ngành liên quan đến lâm sàng các học phần liên quan với nhau, học phần này là điều kiện 137 của học phần kia, SV phải hoàn thành học phần tiên quyết trước khi học học phần kế tiếp. Số lượng SV ngành Điều dưỡng mỗi khóa ít nên khó khăn cho Phòng Quản lý đào tạo đại học để tổ chức lớp học cho những SV không qua được học phần, hoặc cải thiện điểm. Những SV này phải đợi học cùng khóa sau. NH tốt nghiệp quá thời hạn là do nợ các học phần, hoặc không đủ điểm tích lũy. Với những người học quá hạn, Phòng Đào tạo có các biện pháp hỗ trợ người học cải thiện điểm bằng cách tổ chức các lớp HP trong học kỳ phụ, Phòng Đào tạo phối hợp chặt chẽ với đội ngũ cố vấn học tập hỗ trợ, động viên SV học tập

2. Điểm mạnh

Khoa Y Dược và Nhà trường có kế hoạch đào tạo cụ thể, có hệ thống giám sát chặt chẽ tình hình học tập của người học trong suốt quá trình học tập.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một tỉ lệ nhỏ sinh viên chậm tiến độ tốt nghiệp so với tiến độ chung của CTĐT

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ tập trung thúc đẩy hoạt động của cố vấn học tập, trợ lý Khoa trong việc tiến hành rà soát, nhắc nhở SV thường xuyên, kịp thời hoàn

thành các điều kiện đầu ra; đề xuất việc học các chứng chỉ xét điều kiện tốt nghiệp được tiến hành sớm hơn và có lộ trình học lại đối với những SV chưa đạt, tư vấn cho SV hoàn thành các điều kiện CDR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

Giám sát chặt chẽ quá trình học tập của NH, có những chính sách hỗ trợ hợp lý, giúp NH hoàn thành tốt việc học để đảm bảo tỷ lệ NH tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao.

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 11.3 Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Khoa Y Dược và Trường ĐHTN đã xây dựng kế hoạch đào tạo và học tập để sinh viên kịp hoàn thành tiến độ học tập và nhanh chóng tìm kiếm cơ hội việc làm phù hợp [H11.11.03.01]. Phòng Quản lý chất lượng phối hợp với phòng công tác chính trị thực hiện theo chỉ đạo của lãnh đạo trường để theo dõi, khảo sát người học sau khi tốt nghiệp để nắm tình hình và lên kế hoạch cải tiến tỷ lệ có việc làm của sinh viên. Kế hoạch khảo sát, thống kê dữ liệu của sinh viên sau khi tốt nghiệp được thực hiện theo kế hoạch hằng năm do phòng quản lý chất lượng đề xuất [H11.11.03.02].

Trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp, Khoa và Nhà trường sẽ liên hệ với NH tiến hành khảo sát tỷ lệ có việc làm và một số yếu tố liên quan đến việc làm của NH theo mẫu được ban hành [H11.11.03.03]. Khoa đã phân công cán bộ chuyên trách theo dõi, giám sát và liên hệ với NH sau 1 năm tốt nghiệp để tiến hành việc khảo sát này. Cán bộ chuyên trách sẽ liên hệ trực tiếp với gia đình, cá nhân người học để biết được tình hình việc làm của người học như đã đi làm hay chưa, làm việc có đúng chuyên môn không, thu nhập bình quân trên tháng ... [H11.11.03.04]. Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy trình khảo sát việc làm của SV sau khi tốt nghiệp cũng như nhu cầu của đơn vị tuyển dụng lao động để từ đó điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội [H11.11.03.02]. Hàng năm, Nhà trường giao nhiệm vụ cho phòng Khảo thí và ĐBCL Giáo dục là đơn vị đầu mối tiến hành khảo sát Sv tốt nghiệp ra trường. Phòng đã triển khai lập 114 kế hoạch, tiến hành khảo sát, xử lý số liệu và ra báo cáo. Kết quả khảo sát đều được công bố rộng rãi trên Website nhà trường.

Về tình hình việc làm của cựu người học sau khi tốt nghiệp: trong 4 năm từ 2016 đến 2019, Nhà trường đã khảo sát và tổng hợp số liệu tỷ lệ NH có việc làm sau khi tốt nghiệp 1 năm của ngành điều dưỡng được trình bày cụ thể trong Bảng 11.3.1. Qua kết quả khảo sát tình hình việc làm của các khóa tốt nghiệp các năm 2017, 2018 và 2019 có thể thấy: Tỷ lệ người học đi làm tăng từ 53,8% năm 2017 lên 67,3% năm 2018 và tăng lên đáng kể ở mức 80,0% năm 2019. Số người làm đúng chuyên môn đào tạo chiếm tỉ lệ rất cao trên 95% với thu nhập trung bình hàng tháng là 6.7 triệu đồng, tỷ lệ người học hài lòng với khoá học đạt 98,0% năm 2019 [H11.11.03.04]

Bảng 11.3.1 Bảng đối sánh tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp
(ĐVT:%)

TT	Ngành	Mã ngành	Năm tốt nghiệp			
			2016	2017	2018	2019
1	Y khoa	7340201	70,5	72,0	66,7	93,8%
2	Điều dưỡng	7310101	57,8	53,8	67,3	80,0%

Trên cơ sở kết quả khảo sát tỷ lệ có việc làm của người học, Nhà trường đã thực hiện việc chọn cơ sở trong nước và ngoài nước để đối sánh [H11.11.03.05] và ban hành bộ tiêu chí so chuẩn, đối sánh với các đối tác [H11.11.03.06]. So sánh với một số trường đào tạo điều dưỡng thì tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau tốt nghiệp thấp hơn như Đại học Y Dược Thái Nguyên (tỉ lệ 95,9% năm 2019), Đại học Y Dược Huế (88,5% năm 2018), tuy nhiên sự chênh lệch này đang được thu hẹp đáng kể [H11.11.03.07].

Để nâng cao hơn nữa tỷ lệ có việc làm của người học và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp, Khoa và Trường đã đưa ra các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho người học. Cụ thể như sau:

- Tăng cường sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại, tích cực phù hợp với nội dung giảng dạy, giảng dạy tích hợp các kỹ năng công việc (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng cộng tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề) giúp người học làm quen với tư duy sáng tạo, hình thành kỹ năng làm việc nhóm, làm quen với môi trường làm việc thực tế và

giải quyết vấn đề thực tế của xã hội, xây dựng dự án V2Work để thông qua các Hội thảo, ngày hội việc làm nhằm hỗ trợ người học trong việc tìm kiếm việc làm và khởi nghiệp,...
[H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.03.04-07]

- Hợp tác toàn diện với bệnh viện, cơ sở y tế: Khoa chủ động tổ chức các học phần tại các bệnh viện, trung tâm y tế, gửi người học đến học lâm sàng hoặc các kỹ năng phục vụ ngành điều dưỡng, hoặc mời chuyên gia đến trường để giảng dạy, chuyển giao các công nghệ mới [H11.11.03.13-17].

- Chính sách cán bộ: Trường có chủ trương thu hút và đào tạo đội ngũ GV giỏi, nhân viên phục vụ chuyên nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo để người học ra trường dễ kiếm việc làm. Tạo môi trường làm việc dân chủ, thuận lợi để cán bộ yên tâm công tác lâu dài tại Trường [H11.11.03.13].

- Nhà trường tạo nhiều loại hình dịch vụ tư vấn hỗ trợ người học: Hỗ trợ người học có hoàn cảnh khó khăn có việc làm ngay; Hỗ trợ tư vấn cho người học ở tất cả các lĩnh vực học thuật chuyên ngành, quy chế, tâm lý, đời sống [H11.11.03.15].

2. Điểm mạnh

Khoa và Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát và liên hệ với NH sau một năm tốt nghiệp để tiến hành việc khảo sát tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp.

Khoa và Nhà trường có các chương trình, tổ chức hỗ trợ NH tốt nghiệp có việc làm.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp còn chưa cao so với tiềm năng của ngành.

4. Kế hoạch hành động

Khoa và Nhà trường cần lên kế hoạch khảo sát nhu cầu của nhà tuyển dụng, tăng cường các kỹ năng và kiến thức cần thiết để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, đồng thời tiếp tục duy trì cán bộ và đơn vị chuyên trách hỗ trợ người học sau tốt nghiệp trong việc tìm kiếm việc làm.

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 11.4 Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Để nâng cao năng lực nghiên cứu của người học, trường ĐHTN đã ban hành kế hoạch chiến lược trong đó có xác lập các chỉ số về khối lượng và loại hình nghiên cứu mà người học phải thực hiện [H11.11.04.01], [H11.11.04.02], [H11.11.04.03].

Các hình thức nghiên cứu của người học được quy định rõ theo quy định, quy chế đào tạo đại học của Nhà trường [H11.11.04.04]. Bên cạnh đó, hoạt động KHCN của người học còn được quy định cụ thể trong các quyết định do Trường ban hành [H11.11.04.05]. Nhà trường đã phân công trách nhiệm cho một Phó Hiệu trưởng phụ trách mảng NCKH trong toàn Trường [H11.11.04.06]. Hoạt động khoa học và công nghệ được đưa ra trong các cuộc họp của Đảng ủy và họp giao ban hàng tháng của Nhà trường [H11.11.04.07], [H11.11.04.08]. Phòng KH&QHQT, các Khoa, các đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng, quản lý, giám sát kế hoạch và các kết quả NCKH; phối hợp với ĐTN nhằm tăng cường hơn nữa hoạt động NCKH trong SV [H11.11.04.09], [H11.11.04.10].

Các đề tài nghiên cứu khoa học được giao cho sinh viên triển khai và thực hiện từ đầu năm học với sự hỗ trợ kinh phí từ nhà trường [H11.11.04.11]. Khoa phối hợp cùng với Phòng Khoa học & hợp tác quốc tế để triển khai, giám sát tình hình thực hiện đề tài NCKH của sinh viên hàng năm. Các văn bản hướng dẫn quy trình và biểu mẫu thực hiện đề tài NCKH dành riêng cho người học được xây dựng và phổ biến rộng rãi như: phiếu đăng ký đề tài NCKH – Mẫu Thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở dành cho người học – Thành lập hội đồng và mẫu biên bản xét duyệt và phê duyệt đề tài – thông báo và báo cáo kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài - quyết định nghiệm thu đề tài – công bố đề tài nghiên cứu, giúp cho Sinh viên thực hiện đề tài được thuận lợi, đúng quy trình, đúng thời gian quy định [H11.11.04.05]. Qua đó chọn ra những báo cáo xuất sắc được tham gia hội nghị khoa học tuổi trẻ các trường Y Dược toàn quốc

Các hoạt động nghiên cứu của người học được tổng kết, đánh giá hàng năm. Qua đó Khoa và nhà trường khuyến khích khen thưởng các sinh viên đạt thành tích cao, đồng thời chỉ ra những điểm tồn tại để có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng NCKH, khuyến khích người học tham gia vào NCKH hơn nữa [H7.07.03.01].

Sinh viên năm cuối có điểm trung bình trung tích lũy từ 2.5 trở lên được khuyến khích tham gia viết chuyên đề khóa luận tốt nghiệp (chiếm 5% tổng số sinh viên của lớp) [H11.11.04.12]. Việc triển khai phong trào nghiên cứu khoa học được phổ biến rộng rãi qua các kênh Đoàn TNCS HCM, Hội sinh viên, đội ngũ Cố vấn học tập của lớp và được người học hưởng ứng nhiệt tình với sự tham gia của sinh viên từ các năm 2, năm 3, năm 4, năm 5 [H11.11.04.14].

Tuy nhiên số lượng sinh viên thực hiện nghiên cứu khoa học vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của người học. Để cải thiện tình trạng trên, Khoa đã có sự thay đổi thể hiện bằng hoạt động cập nhật chương trình đào tạo 2020, thực hiện theo hướng ưu tiên cho người học có nhiều thời gian hơn trong việc làm đề tài và nghiên cứu khoa học [H7.07.03.01]. Nhà trường cũng đã tăng cường số tiền hỗ trợ cho các hoạt động NCKH của người học từ 5 triệu đồng/ đề tài lên tối đa 10 triệu đồng/đề tài nhằm khuyến khích hơn nữa phong trào nghiên cứu đồng thời tăng thêm chất lượng nghiên cứu nhất là các đề tài liên quan đến các can thiệp trên người bệnh hoặc có sử dụng cận lâm sàng chi phí khá lớn [H11.11.04.16], [H11.11.04.17], [H11.11.04.18].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường và Khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH thông qua các thông báo của Nhà trường, các buổi sinh hoạt với cố vấn học tập và hoạt động của các câu lạc bộ. Giảng viên được phân công hướng dẫn là người có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên còn chưa tương xứng với tiềm lực của người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Hội đồng KHĐT và các Bộ môn của Khoa đẩy mạnh việc NCKH trong sinh viên bằng cách tuyên truyền, phổ biến về công tác NCKH của SV; đồng thời thành lập Hội đồng tư vấn đề tài NCKH và phát huy công tác hỗ trợ, hướng dẫn của các nhóm NCKH từ giảng viên đối với SV và đổi mới cơ chế, chính sách động viên khích lệ SV thực hiện các đề tài NCKH.

Bộ môn điều dưỡng và câu lạc bộ Khoa học trẻ sẽ đẩy mạnh việc NCKH trong sinh viên bằng một số biện pháp: tổ chức truyền thông bằng nhiều phương thức, kênh thông tin đến người học, tổ chức các buổi seminar định hướng nghiên cứu cho sinh viên, tổ chức các lớp tập huấn nghiên cứu khoa học cho sinh viên và giảng viên của bộ môn kết hợp với sinh viên trong quá trình triển khai nghiên cứu

Giám sát chặt chẽ quá trình nghiên cứu khoa học của SV, đồng thời đẩy mạnh việc kết hợp sinh viên trong các đề tài nghiên cứu do các giảng viên làm chủ nhiệm.

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 11.5 Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Hàng năm, Trường ĐHTN có xây dựng kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH sau tốt nghiệp, trong đó có khảo sát mức độ hài lòng đối với SV ngành điều dưỡng [H11.11.05.01]. Quy trình, công cụ và tiêu chí đo lường sự hài lòng của các bên liên quan bao gồm CBVC, NH, phụ huynh được Nhà trường coi là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo [H11.11.05.02], [H11.11.05.03].

Nhà trường tiến hành khảo sát, đánh giá về mức độ hài lòng của người dân đối với chất lượng NH. Trong các năm 2018 và 2019, Nhà trường đã khảo sát sự hài lòng của NH và phụ huynh để đánh giá về mức độ hài lòng của các bên liên quan [H11.11.05.04], [H9.09.01.10]. Bước đầu có cơ chế giám sát và sử dụng thông tin phản hồi về mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp của ngành điều dưỡng. Từ đó có cơ chế giám sát và sử dụng thông tin phản hồi về mức độ hài lòng của các bên liên quan, đồng thời thực hiện việc đối sánh về sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của NH. Tỷ lệ hài lòng của sinh viên sau tốt nghiệp với chương trình đào tạo qua các năm khảo sát đều trên 95%, mức độ hài lòng với sự đáp ứng của phòng thực hành cũng ở mức cao trên 90% [H5.05.04.22], [H1.01.02.05]

Trên cơ sở kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp, Khoa và Nhà trường đã đưa ra các biện pháp để gia tăng sự hài lòng của các bên liên quan như sau:

- Nhóm giải pháp về các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ: Các phòng học, phòng thực hành được nâng cấp theo từng giai đoạn phù hợp với nhu cầu của người học và nguồn lực của nhà trường. Hằng năm, nhà trường cập nhật sách báo, tài liệu tham khảo theo yêu cầu của NH và giảng viên để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu. Thư viện cũng từng bước được nâng cấp theo hướng thân thiện với NH, đồng thời hoạt động của các phòng ban chức năng cũng được cải thiện theo hướng tinh gọn, giải quyết nhanh chóng các nhu cầu của NH. Các fanpage trả lời trực tuyến được mở ra để giải đáp các thắc mắc của sinh viên về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động trong Nhà trường [H11.11.05.12].

- Nhóm giải pháp liên quan đến chương trình đào tạo: chương trình đào tạo ngành điều dưỡng được cập nhật, điều chỉnh định kỳ dựa trên thông báo của Nhà trường và khảo sát của các bên liên quan. Cụ thể năm 2020, chương trình đào tạo ngành điều dưỡng khoa đã có sự thay đổi mới như đưa thêm học phần người cao tuổi, kỹ năng mềm, khởi nghiệp, tăng số lượng học phần tự chọn [H11.11.05.13].

- Nhóm giải pháp liên quan đến GV: Khoa và Nhà trường có quy định cụ thể về việc GV phải dành một khoảng thời gian nhất định ngoài giờ lên lớp để tư vấn hỗ trợ NH [H11.11.05.14]. Nhà trường đã tổ chức tập huấn cho GV cách thức để gắn kiến thức môn học riêng lẻ với định hướng nghề nghiệp của NH, có chính sách đầu tư, khuyến khích giảng viên đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ [H11.11.03.18].

- Nhóm giải pháp liên quan đến các hoạt động ngoại khóa: Khoa và Nhà trường đã tạo điều kiện, sân chơi, khuyến khích NH tham gia các hoạt động ngoại khóa nhằm giải tỏa sự căng thẳng trong học tập, tạo môi trường đoàn kết và trang bị các kỹ năng cần thiết để dễ dàng gia nhập vào thị trường lao động [H4.04.01.07], [H4.04.01.08].

Nhà trường đã tiến hành khảo sát nhu cầu của thị trường lao động để từ đó định hướng, giới thiệu việc làm cho SV, điều chỉnh chương trình dạy đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức Hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng, các phòng ban chức năng và SV, đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn thể SV, góp phần khai thông thông tin, giúp bộ môn và các đơn vị liên quan kịp thời xử lý, điều chỉnh phù hợp với thực tiễn công tác đào tạo của Nhà trường [H11.11.05.03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí rõ ràng để đo lường sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng NH, NH sau tốt nghiệp, GV, nhà tuyển dụng, nhân viên, cán bộ quản lý.

3. Điểm tồn tại

Khoa và Nhà trường chưa thực hiện khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan một cách sâu rộng.

4. Kế hoạch hành động

Khoa và Nhà trường lập kế hoạch định kỳ khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan và điều chỉnh các tiêu chí của mẫu phiếu khảo sát để đánh giá đúng với mong muốn của người được khảo sát, tiếp tục duy trì cán bộ và đơn vị chuyên trách hỗ trợ NH sau tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: 4/5

Kết luận về tiêu chuẩn 11

Khoa Y Dược cùng với Nhà trường có dữ liệu về thống kê, theo dõi, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, thời học của NH, có hệ thống giám sát chặt chẽ tình hình học tập của người học trong suốt quá trình học tập, có sự đối sánh với tỉ lệ tốt nghiệp và thời học của ngành lân cận và của toàn trường, đồng thời có chính sách hỗ trợ thích hợp giúp sinh viên hoàn thành CTĐT đúng tiến độ. Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát và liên hệ với NH sau 1 năm tốt nghiệp để tiến hành việc khảo sát tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp, có các chương trình, tổ chức hỗ trợ tìm việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp. Nhà trường và Khoa có các cơ chế hỗ trợ, khuyến khích SV tham gia các hoạt động NCKH. Nhà trường có quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí rõ ràng để đo lường sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng NH, NH sau tốt nghiệp, GV, nhà tuyển dụng, nhân viên, cán bộ quản lý. Bên cạnh đó, Khoa vẫn còn những tồn tại chưa được khắc phục như: chưa có phân tích dự báo sinh viên thôi học để có kế hoạch, chính sách cụ thể hỗ trợ để giảm bớt tỉ lệ này, vẫn còn một tỉ lệ nhỏ sinh viên chậm tiến độ tốt nghiệp so với tiến độ chung của chương trình đào tạo, tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp còn chưa cao so với kỳ vọng, tỉ lệ tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên còn thấp, việc thực hiện khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan chưa triển khai triệt để.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: số tiêu chí đạt 5/5, trong đó tất cả các tiêu chí đều đạt mức 4/7.

Phần III. KẾT LUẬN

3.1. Điểm mạnh

3.1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành Điều dưỡng được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHTN. Mục tiêu của CTĐT cũng thể hiện tính đặc thù của NH sau khi tốt nghiệp. Đồng thời, phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH.

CĐR của CTĐT ngành Điều dưỡng được xác định rõ ràng và cập nhật theo các văn bản quy định của BGD&ĐT và chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam do Bộ Y tế quy định.

CĐR của CTĐT ngành Điều dưỡng xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp.

CĐR của CTĐT ngành Điều dưỡng được xây dựng, rà soát, cập nhật có tham khảo các ý kiến phản hồi từ cựu SV, đặc biệt là các nhà tuyển dụng cũng như nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT nên đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

CĐR của CTĐT ngành Điều dưỡng được thể hiện trong CTĐT, bản mô tả CTĐT được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau để các bên liên quan có thể tiếp cận một cách dễ dàng.

3.1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng được trình bày cụ thể, rõ ràng, logic giữa các HP, phân bổ khoa học giữa các môn học và thời lượng hợp lý tuân thủ theo các quy định của BGD&ĐT và hướng dẫn của Trường ĐHTN. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tiễn đào tạo và xã hội.

- Bản ĐCCT các môn học/HP ngành Điều dưỡng được ban hành có đầy đủ thông tin theo quy định, nội dung rõ ràng, thống nhất về hình thức.

- ĐCCT các môn học/HP ngành Điều dưỡng được rà soát, bổ sung theo định kỳ 2 năm một lần dựa trên kết quả khảo sát và lấy ý kiến các bên liên quan cũng như tham khảo của các Trường đào tạo Ngành Điều dưỡng uy tín trong nước.

- Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành Điều dưỡng được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, trên nhiều phương tiện, công bố công khai và các bên liên quan dễ tiếp cận.

- ĐCCT học phần ngành Điều dưỡng được GV thông báo đến SV ngay tại buổi học đầu tiên của học phần.

- Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTĐT thể hiện các bên liên quan dễ dàng và thuận tiện tiếp cận Bản mô tả CTĐT ngành Y khoa.

3.1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH ngành Điều dưỡng được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của CTĐT. Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. CTDH ngành Điều dưỡng chú trọng tới tính logic và tính tích hợp của các học phần, nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp, tất cả các nội dung trong học phần thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Đồng thời xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Giảng viên Khoa Y Dược xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR. CTDH ngành Điều dưỡng đã được triển khai rà soát từ năm 2018 và đến năm 2020 đã điều chỉnh và cải tiến. Khoa Y Dược tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và lấy ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh CTDH đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

3.1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Nhà trường ban hành TLGD “Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học” rõ ràng, phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. GV hiểu rõ về TLGD của Trường và triển khai thực hiện.

Thực hiện khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan.

GV Khoa Y Dược xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành cử nhân điều dưỡng.

Tất cả ĐCCT học phần ngành cử nhân điều dưỡng mô tả rõ việc sử dụng các phương giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV

3.1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp bám sát các yêu cầu của CĐR.

Các quy định, quy chế về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được ban hành cụ thể và công khai đến người học vào đầu khóa học và trước mỗi kỳ kiểm tra bằng nhiều hình thức khác nhau.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, có sự đa dạng, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, công bằng phù hợp với CĐR của ngành Y khoa.

Các quy định về phản hồi đánh giá kết quả học tập của sinh viên được công bố công khai. Sinh viên được phản hồi kịp thời về kết quả học tập để có kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng học tập của bản thân

Người học được đánh giá công bằng, hiệu quả, được phản hồi kịp thời về kết quả học tập, quy trình khiếu nại dễ tiếp cận. Nhà trường giải quyết các khiếu nại về kết quả học tập của người học một cách kịp thời.

3.1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Trường và khoa đã xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng, quy hoạch, phát triển GV với các tiêu chí rõ ràng dựa chiến lược phát triển đội ngũ, đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Việc quan tâm phát triển đội ngũ GV của Trường và Khoa đã xây dựng được đội ngũ cán bộ có tính kế thừa và phát huy, đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy và các hoạt động chuyên môn khác.

Nhà trường có các quy định, tiêu chí rõ ràng, minh bạch để đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV để làm căn cứ cải tiến các hoạt động ĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng của Khoa.

Trường đã khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn của GV để xây dựng kế hoạch đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực đội ngũ. Nội dung nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV thiết thực, phong phú, phù hợp với nhu cầu của GV.

3.1.7. Đội ngũ nhân viên

Đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH. Các văn bản, tiêu chí, quy trình tuyển dụng nhân viên được Nhà trường quy định cụ thể và được công bố công khai. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên được thực hiện thường xuyên hàng năm và theo các tiêu chuẩn được quy định cụ thể về thi đua, khen thưởng, đảm bảo chính xác, công bằng, công khai. Nhà trường và đơn vị xác định nhu cầu và có các hoạt động cụ thể để triển khai kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên.

3.1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Có chính sách tuyển sinh rõ ràng, phù hợp với thay đổi của các quy chế tuyển sinh do BGDĐT ban hành

Có phần mềm quản lý, lưu trữ các hoạt động học tập của NH

Người học được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của Khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, nghiên cứu khoa học và thể chất, tinh thần, đồng thời được đưa ra ý kiến phản hồi về chất lượng dịch vụ giáo dục nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

Nhà trường có nhiều phương thức tuyển sinh để lựa chọn người học và đưa ra các tiêu chí và chỉ tiêu rõ ràng. Các phương thức và tiêu chí được cập nhật hằng năm để phù hợp với sự thay đổi theo hoàn cảnh kinh tế, xã hội. Chính sách tuyển sinh rõ ràng và được công khai trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng để hỗ trợ cho công tác tuyển sinh.

Trường Đại học Tây Nguyên có hệ thống giám sát chặt chẽ việc học tập, rèn luyện của SV. Việc kiểm tra tiến độ và kết quả học tập được thực hiện thường xuyên và có bộ phận được giao nhiệm vụ phụ trách và hỗ trợ sinh viên.

3.1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Cơ sở vật chất và trang thiết bị được cung cấp đầy đủ đáp ứng được tối đa nhu cầu đào tạo thực tế và định hướng mở rộng trong tương lai. Phòng cơ sở vật chất chịu trách nhiệm quản lý và giải quyết các đề xuất về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ chọn lọc cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Hệ thống thư viện và nguồn học liệu đảm bảo nhu cầu học tập và nghiên cứu. Trang thiết bị và cách bài trí phòng trong thư viện được cải tiến hằng năm để tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng.

Phòng thí nghiệm, thực hành được xây dựng với số lượng và quy cách đáp ứng việc phục vụ cho chương trình đào tạo. Các trang thiết bị phù hợp với từng môn học, được trang bị đầy đủ.

Hệ thống CNTT hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo, quản lý công việc và nghiên cứu cho cán bộ, người học trong trường.

Môi trường cảnh quan, công tác đảm bảo sức khỏe cho người học, các chỉ tiêu về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ...được Khoa và Nhà trường quan tâm đúng mức tạo tâm lý thoải mái cho người học yên tâm hoàn thành chương trình đào tạo.

3.1.10. Nâng cao chất lượng

Trường Đại học Tây Nguyên hết sức quan tâm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Nhà trường thu thập thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng có hệ thống, đầy đủ và thường xuyên. Do đó, CTĐT được xây dựng, hoàn thiện và cải tiến. Bên cạnh đó, đánh giá thường xuyên quá trình dạy-học, kết quả học tập của người học giúp đảm bảo chuẩn đầu ra, nâng cao chất lượng đào tạo. Ngoài ra, các hoạt động nghiên cứu và các tiện ích khác cũng thường xuyên được giới thiệu, rà soát, tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong quá trình dạy-học và nghiên cứu khoa học.

3.1.11. Kết quả đầu ra

Khoa và Nhà trường có hệ thống quản lý tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của SV chặt chẽ và đồng bộ, có các chính sách hỗ trợ hợp lý giúp giảm thiểu tỉ lệ thôi học và tăng tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn.

Trường ĐHTN có những chính sách hỗ trợ hợp lý, giúp người học hoàn thành tốt việc học

Nhà trường có cơ chế giám sát chặt chẽ thời gian tốt nghiệp của SV. Thông qua hệ thống cố vấn học tập và trợ lý khoa kịp thời thông báo tới sinh viên chậm tiến trình, còn nợ môn, thuộc diện cảnh báo học tập, đồng thời yêu cầu sinh viên có kế hoạch học tập cho những học kỳ tiếp theo để hoàn thành đúng tiến độ CTĐT.

Khoa và Nhà trường có hệ thống khảo sát, thống kê tỉ lệ SV ra trường có việc làm hàng năm, có đối sánh và đưa ra các biện pháp để cải thiện tỉ lệ sinh viên có việc làm.

Khoa và Nhà trường khuyến khích SV tham gia vào các hoạt động NCKH. Quy trình thực hiện NCKH của SV được quy định bằng văn bản rõ ràng để SV dễ dàng thực hiện.

Nhà trường đã xác lập hệ thống khảo sát ý kiến các bên liên quan cụ thể, rõ ràng. Việc xử lý thông tin được giao cho bộ phận chuyên trách và các kết quả khảo sát được dùng cho việc cải thiện CTĐT.

3.2. Điểm tồn tại

3.2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Điều dưỡng của Trường ĐHTN vẫn chưa được chuyển đổi theo hướng tích hợp như một số trường Y khoa hàng đầu cả nước. Việc lấy thông tin khảo sát của các bên liên quan và nhà tuyển dụng về mục tiêu và CĐR của CTĐT chưa hoàn thiện do đó chưa thực sự chuyển tải đầy đủ, chính xác yêu cầu của các bên liên quan để cải thiện tốt nhất CĐR và CTĐT.

- Bên cạnh đó, là ngành đào tạo thuộc khối ngành sức khỏe nên luôn phải chuẩn hóa theo khung trình độ quốc gia và chuẩn năng lực của ngành Y tế, đồng thời phải phù hợp với yêu cầu xã hội và tiến dần đến chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, CĐR của CTĐT trình độ ĐH hiện nay của ngành Điều dưỡng còn chưa tiệm cận chuẩn quốc tế.

3.2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Quá trình cập nhật Bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng có khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan. Tuy nhiên, kết quả thu thập chưa đủ lớn nên chưa phản ánh hết được

nhu cầu của các bên liên quan. Khoa Y Dược chưa tham khảo bản mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế để cập nhật thêm những thay đổi mới nhất của Ngành Điều dưỡng.

- Công tác rà soát, bổ sung định kỳ được Khoa Y Dược thực hiện chưa đồng bộ, phần lớn phụ thuộc nhiều vào kế hoạch từ Nhà trường. Quá trình rà soát chưa tham khảo được ĐCCT các HP của các Trường đào tạo ngoài nước.

3.2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Góp ý phản hồi của các bên liên quan chưa chi tiết nhiều đến các học phần, do đó còn hạn chế trong việc điều chỉnh để cải thiện chương trình dạy học.

Chưa tham khảo được các chương trình dạy học tiên tiến trên thế giới do đó việc tiệm cận với chương trình đào tạo quốc tế chưa được thể hiện rõ.

3.2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa Y được tổ chức chưa nhiều cho SV.

Vẫn còn trường hợp SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc ĐH

3.2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Chuẩn đầu ra về thái độ chưa được đánh giá sâu sát. Nhà trường chưa thông báo bằng văn bản cụ thể việc phân tích thống kê định lượng các kết quả thi để chia ra từng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần để có hướng điều chỉnh thích hợp.

Một số sinh viên vẫn chưa hiểu rõ các điều kiện đánh giá điểm chuyên cần mặc dù đã được phổ biến về cách đánh giá học tập ở đầu mỗi khóa học.

Một số học phần chưa tiến hành thường xuyên đổi mới trong phương thức kiểm tra đánh giá để phù hợp với đặc thù môn học.

Chưa có đánh giá sâu sát về kế hoạch cải tiến chất lượng học tập của sinh viên do hiệu quả việc khảo sát chưa cao.

3.2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Khoa vẫn chưa tuyển dụng được GV có trình độ GS, PGS, TS. Quy chế hướng dẫn đề quy đổi giờ chuẩn NCKH đối với các bài báo xếp hạng Q1, Q2, Q3, Q4 khác nhau chưa cụ thể. Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm

cán bộ, viên chức lãnh đạo chưa cập nhật thường xuyên.

Khoa chưa có cơ chế để sử dụng nguồn GV chất lượng cao để đào tạo cho GV trẻ, chưa cập nhật vị trí việc làm của GV, chưa tiến hành khảo sát nhu cầu bồi dưỡng của GV ở cấp độ Khoa để đưa ra những đánh giá tốt hơn về công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

Các GV Khoa Y Dược phải tập trung nhiều trong giảng dạy, trong đó phần lớn thực hiện công tác trực và giảng dạy lâm sàng cho SV tại bệnh viện nên không có nhiều thời gian đầu tư NCKH. GV mới tuyển dụng chưa có nhiều kinh nghiệm trong NCKH và đang tập trung vào bồi dưỡng chuyên môn và đi học nâng cao trình độ.

Số lượng đề tài NCKH chưa nhiều vì vậy chưa phản ánh được quy mô và tiềm năng

3.2.7. Đội ngũ nhân viên

Số lượng nhân viên tham gia một số khóa học về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chưa nhiều.

Số lượng nhân viên trẻ còn cao do đó có một phần hạn chế về kinh nghiệm quản lý nên việc bổ nhiệm còn ít.

Việc phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế. Việc bổ nhiệm nhân viên giữ chức vụ lãnh đạo ở các đơn vị còn ít, chưa được quan tâm.

Tuy đã có hệ thống văn bản, quy trình được phổ biến tới đội ngũ nhân viên, nhưng chưa có sự quan tâm đúng mức của cán bộ, giảng viên về các văn bản, quy trình này.

Một vài nhân viên đảm nhận khá nhiều công việc nên không tránh những sai sót trong quá trình làm việc.

3.2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Các hình ảnh về tuyển sinh vẫn chưa được chi tiết, chưa tận dụng hết các kênh quảng bá tuyển sinh như cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và chưa có chế độ thu hút rõ nét với các học sinh có năng lực tốt.

Dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan vẫn còn hạn chế do đó chưa đóng góp bài bản cho việc xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển sinh.

Do số lượng sinh viên đông nên việc giám sát trong học tập và rèn luyện đôi khi chưa được sâu sát.

Một số ít bộ phận sinh viên ít quan tâm đến các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua phong trào của lớp.

Bảng tin xung quanh phòng làm việc của khoa vẫn chưa được chú trọng để sinh viên liên hệ học tập, tư vấn.

3.2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Một số phòng học cũ nên cần tu sửa theo hướng hiện đại để phù hợp với không gian chung của nhà trường.

Một số phòng làm việc của bộ môn cần tăng cường trang thiết bị để phục vụ cho cán bộ làm việc và nghiên cứu.

Số lượng đầu sách chưa đến tay được từng sinh viên và còn một số sách chuyên ngành chưa cập nhật kịp thời.

Một số phòng thí nghiệm cần được trang bị theo hướng hiện đại để phục vụ cho nhu cầu học tập và nghiên cứu.

Mạng wifi của trường còn chưa đáp ứng tối đa nhu cầu tải dữ liệu của người sử dụng.

Dịch vụ ăn uống cho sinh viên vẫn chưa đa dạng.

3.1.10. Nâng cao chất lượng

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy chưa được thực hiện thường xuyên liên tục trong suốt cả năm học.

3.2.11. Kết quả đầu ra

Khoa chưa có phân tích dự báo sinh viên thôi học để có kế hoạch, chính sách cụ thể hỗ trợ để tăng số lượng sinh viên tiếp tục học tập, vẫn còn một tỉ lệ nhỏ sinh viên chậm tiến độ tốt nghiệp so với tiến độ chung của chương trình đào tạo. Tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp chưa ở mức mong muốn, tỉ lệ tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên còn ít so với năng lực của SV. Khoa và Nhà trường chưa tiến hành sâu sát việc thực hiện khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan. Tỉ lệ tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên còn chưa tương xứng với tiềm lực của người học.

3.3. Kế hoạch hành động

3.3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Từ năm học 2021, Khoa thực hiện xây dựng kế hoạch như sau:

- Khoa Y Dược phối hợp với Phòng QLCL tiến hành khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng về CTĐT ngành Điều dưỡng một cách đầy đủ, đa dạng hóa hình thức khảo sát ý kiến nhằm tăng số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT.
- Thường xuyên tổ chức đánh giá, rà soát mục tiêu của CTĐT nhằm bổ sung, điều chỉnh theo hướng ngày càng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHTN, với Luật GDĐH và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu xã hội

Tiến hành rà soát, cập nhật CDR của CTĐT ngành Điều dưỡng phù hợp với đặc trưng kinh tế - văn hóa - xã hội của khu vực Tây Nguyên cần bám sát với khung trình độ quốc gia và chuẩn năng lực của ngành Điều dưỡng nói riêng và Y tế nói chung, từ đó, dần hướng đến chuẩn quốc tế.

- Khoa Y Dược đẩy mạnh hơn nữa việc thỏa thuận hợp tác với các đơn vị đang sử dụng và có nhu cầu sử dụng SV tốt nghiệp ngành Điều dưỡng để bám sát hơn nữa thị trường lao động, đáp ứng hơn nữa nhu cầu của các bên liên quan trong quá trình điều chỉnh, cập nhật CDR của CTĐT.

3.3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Từ năm học 2021, Khoa sẽ tiến hành:

- Hoàn thiện các phương pháp đánh giá, công cụ đánh giá và kế hoạch giảng dạy được xây dựng trong các học phần
- Khoa Y Dược phối hợp với Phòng QLCL đẩy mạnh khâu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan làm cơ sở để bổ sung, cập nhật nội dung cho bản mô tả CTĐT ngành Điều dưỡng được hoàn thiện.
- Cập nhật các thông tin về CTĐT và đề cương chi tiết vào cuốn sổ tay sinh viên, và cập nhật đường link để mọi đối tượng có thể xem và tìm hiểu thêm về CTĐT.

- Đồng thời, tham khảo bản mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế có kinh nghiệm đào tạo ngành Điều dưỡng kịp thời bổ sung, cập nhật những tiến bộ, thay đổi mới từ đó nâng cao chất lượng đào tạo.

3.3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Từ năm học 2021-2022, Khoa Y Dược tăng cường kế hoạch triển khai rà soát CTĐT và tham khảo các CTĐT tiên tiến ở các trường đại học lớn trong nước và quốc tế, lập bảng đối sánh và phân tích để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CTDH

Các công cụ khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan sẽ được chỉnh sửa, bổ sung phù hợp để thu được phản hồi đóng góp ý nghĩa cho việc cập nhật đề cương chi tiết các học phần và mức độ đóng góp của học phần vào CTĐT.

3.3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Từ năm học 2021, Khoa sẽ tiến hành đẩy mạnh công tác truyền thông để phổ biến triết lý giáo dục đến các bên liên quan. Tổ chức các buổi hội thảo hướng dẫn sinh viên cách học tập phù hợp với đặc thù chuyên ngành hoặc thiết lập mạng lưới sinh viên hỗ trợ lẫn nhau.

Tổ chức các hội thảo và chương trình liên quan kiến thức ngành học

Cải tạo lại các giảng đường và phân bổ số sinh viên hợp lý để tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên triển khai các hoạt động dạy và học.

Tăng cường các biện pháp để khuyến khích sinh viên tham gia tích cực các hoạt động học tập. Rà soát lại đề cương chi tiết môn học để đưa ra cách lượng giá phù hợp với từng học phần.

3.3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Từ năm học 2021, Khoa tiến hành rà soát lại cách đánh giá về CĐR thái độ của từng học phần để đạt được CĐR của CTĐT. Nhà trường chỉ đạo phòng Quản lý chất lượng phối hợp khoa để tiến hành phân tích định lượng để điều chỉnh phương pháp đánh giá phù hợp.

Khoa tiến hành đôn đốc, nhắc nhở cố vấn học tập và giảng viên các môn học theo sát quá trình học tập của sinh viên và có biện pháp can thiệp hợp lý, báo cáo các trường hợp sinh viên chưa tuân thủ về học tập về Khoa để có hướng xử lý phù hợp.

Rà soát lại phương thức kiểm tra đánh giá của các học phần để phù hợp với đặc thù từng môn học.

Cải thiện việc báo cáo, phân tích, thống kê định lượng đề thi, kết quả thi một cách thường xuyên. Điều chỉnh, cập nhật kịp thời và phù hợp đề thi và phương thức đánh giá. Đưa ra các thông tin phản hồi có ý nghĩa để cải thiện việc học tập

3.3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Từ năm học 2021, Khoa sẽ tiến hành đẩy mạnh công tác tuyển dụng giảng viên mới đặc biệt là giảng viên của các bộ môn khó tuyển dụng và các giảng viên đã có trình độ thạc sĩ trở lên, phối hợp với phòng TCCB để đa dạng hóa các phương thức thông báo tuyển dụng. Bên cạnh đó Khoa sẽ tiến hành rà soát, có kế hoạch cụ thể cho các GV đi học Thạc sĩ, NCS ở trong và ngoài nước.

Việc phân tích khối lượng công việc của từng GV sẽ được xem xét, phân tích kỹ lưỡng, đảm bảo ba nhiệm vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ

Khoa tiến hành phối hợp với phòng KH&QHQT mở các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ và phương pháp giảng dạy, đồng thời tạo điều kiện để GV có thể tham gia các khóa học này. Khuyến khích GV đề xuất các khóa học liên quan đến nâng cao trình độ, phương pháp giảng dạy các kỹ năng cần thiết cho công việc.

Khoa tiến hành thúc đẩy việc đăng ký, đấu thầu các đề tài cấp cơ sở, cấp tỉnh, cấp bộ của GV, đồng thời lập ra các nhóm nghiên cứu để hỗ trợ các GV trẻ tham gia nghiên cứu.

Khuyến khích các GV trẻ bắt đầu NCKH ngay cả trong quá trình đi học và bồi dưỡng chuyên môn

3.3.7. Đội ngũ nhân viên

Từ năm học 2021, Nhà trường sẽ tạo điều kiện để nhân viên có thể tham gia các khóa học đào tạo, nâng cao nghiệp vụ.

Tăng cường hỗ trợ về đào tạo kinh nghiệm quản lý cho các nhân viên có hoạt động xuất sắc, từ đó làm cơ sở cho việc bổ nhiệm trong tương lai.

Thay đổi về mặt tổ chức để giảm tải công việc cho các nhân viên có khối lượng công việc lớn, đồng thời có chế độ khen thưởng phù hợp.

Nhà trường chú trọng việc thực hiện khảo sát nhu cầu và ý kiến của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên và quan tâm hơn nữa đến công tác bổ nhiệm, luân chuyển nhân viên cho phù hợp với nhu cầu của công việc.

Trong năm học 2020-2021, Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực của viên chức chi tiết hơn để công tác đánh giá, xét thi đua khen thưởng đạt kết quả cao hơn, phù hợp với từng đối tượng, đồng thời có tác dụng động viên, khuyến khích đội ngũ này hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Từ năm học 2020-2021, Khoa và Nhà trường sẽ tạo danh sách theo dõi nhân viên đi học, bồi dưỡng chuyên môn, tham dự hội nghị hằng tháng (file mềm và file giấy) để tổng hợp thống kê cụ thể.

Từ năm học 2020-2021, Khoa và Nhà trường sẽ tiến hành điều chỉnh khối lượng công việc để phù hợp với thời gian và năng lực của đội ngũ nhân viên, đồng thời có chế độ khen thưởng phù hợp với cá nhân xuất sắc.

3.2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Từ năm học 2021, Khoa kết hợp với Nhà trường cải thiện hình ảnh tuyển sinh các ngành học và quảng bá đến nhiều đối tượng liên quan, đồng thời tham gia tư vấn cho Nhà trường về chế độ thu hút sinh viên có năng lực và đam mê với Y khoa.

Khoa tham gia đóng góp với Nhà trường về việc xây dựng quy trình, mẫu biểu và tổ chức khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trong các đợt đi tư vấn tuyển sinh hằng năm và với sinh viên mới nhập học.

Điều chỉnh về phương pháp giám sát với những lớp có sinh viên đông, đảm bảo việc lấy thông tin và giữ mối liên kết giữa cố vấn học tập và sinh viên.

Tìm hiểu nhu cầu về các hoạt động ngoại khóa và hoạt động thi đua sinh viên có nhu cầu, đồng thời tổ chức nhiều câu lạc bộ liên quan đến học thuật và kỹ năng giao tiếp để nâng cao khả năng có việc làm của sinh viên.

Thay đổi bảng tin xung quanh phòng làm việc của khoa để sinh viên nắm bắt được các thông báo kịp thời đồng thời nắm được lịch trình làm việc của khoa để thuận lợi liên hệ khi cần thiết.

Khoa sẽ có những điều chỉnh phòng và vị trí làm việc của từng bộ môn, tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho mỗi cán bộ, giảng viên của Khoa, Lãnh đạo Khoa cũng sẽ phát động và khuyến khích Liên chi đoàn Khoa, Hội SV trang trí và duy trì các bảng tin của Khoa được sinh động và hấp dẫn hơn

3.3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Từ năm học 2021, Nhà trường sẽ tiến hành cải tạo một số phòng học cũ đảm bảo phục vụ tối đa nhu cầu học tập của sinh viên.

Tăng cường trang bị trang thiết bị để phục vụ nhu cầu làm việc tại bộ môn.

Bổ sung số lượng đầu sách để phục vụ đến từng sinh viên và đặt mua các sách chuyên ngành mới.

Cải tạo một số phòng thí nghiệm để trang bị các thiết bị mới đáp ứng cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Nâng cao đường truyền wifi để đáp ứng nhu cầu sử dụng tài liệu trực tuyến của cán bộ và người học.

Đa dạng hóa các dịch vụ cung cấp ăn uống, vui chơi giải trí cho người học.

3.3.10. Nâng cao chất lượng

Từ năm học 2021, Khoa cùng với Nhà trường tiến hành đa dạng hóa các hình thức lấy ý kiến các bên liên quan đặc biệt là từ nhà tuyển dụng. Cách xử lý kết quả phản hồi cũng được đánh giá, kiểm tra cụ thể để sử dụng thông tin đúng áp dụng vào việc cải thiện CTĐT.

Khoa chủ động triển khai việc thiết kế và xây dựng chương trình dạy học phù hợp với đặc thù ngành và quy định chung của trường.

Thúc đẩy hoạt động của các nhóm nghiên cứu mạnh của Khoa và các nhóm nghiên cứu có liên kết bên ngoài để thực hiện các đề tài có ứng dụng cao trong giảng dạy, có cơ chế thúc đẩy nghiên cứu của GV và SV.

3.3.11. Kết quả đầu ra

Từ năm 2021, Khoa kết hợp với phòng Đào tạo và CTSV để nắm được số lượng sinh viên thôi học dự kiến để có kế hoạch hỗ trợ phù hợp. Đối với SV bị chậm tiến độ

học tập, Cố vấn học tập sẽ có kế hoạch làm việc với từng SV để đưa ra giải pháp hợp lý, cải thiện tâm lý và phương pháp học tập.

Đánh giá lại tỉ lệ tốt nghiệp có việc làm sau tốt nghiệp, do đặc thù ngành Y khoa phải học chuyên khoa nên sẽ có một tỉ lệ nhất định chưa có việc làm ngay sau tốt nghiệp.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong sinh viên, thực hiện công tác truyền thông để sinh viên hiểu rõ nghĩa vụ và quyền lợi của mình khi thực hiện CTĐT.

Xây dựng lại quy trình khảo sát và điều chỉnh tiêu chí để phù hợp hơn trong việc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan.

3.4. Tổng kết kết quả tự đánh giá

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2020

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Tây Nguyên

Mã: TTN

Tên CTĐT: ĐIỀU DƯỠNG

Mã CTĐT: 7720101

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4,00	3	100%
Tiêu chí 1.1				4						
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5,00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4,00	3	100%
Tiêu chí 3.1				4						

Tiêu chí 3.2			4						
Tiêu chí 3.3			4						
Tiêu chuẩn 4									
Tiêu chí 4.1				5			5,00	3	100%
Tiêu chí 4.2				5					
Tiêu chí 4.3				5					
Tiêu chuẩn 5									
Tiêu chí 5.1			5				4,20	5	100%
Tiêu chí 5.2			4						
Tiêu chí 5.3			4						
Tiêu chí 5.4			4						
Tiêu chí 5.5			4						
Tiêu chuẩn 6									
Tiêu chí 6.1				5			4,71	7	100%
Tiêu chí 6.2				5					
Tiêu chí 6.3				5					
Tiêu chí 6.4				5					
Tiêu chí 6.5				5					
Tiêu chí 6.6			4						
Tiêu chí 6.7			4						
Tiêu chuẩn 7									
Tiêu chí 7.1			4				4,20	5	100%
Tiêu chí 7.2			4						
Tiêu chí 7.3			4						
Tiêu chí 7.4			4						
Tiêu chí 7.5				5					
Tiêu chuẩn 8									
Tiêu chí 8.1				5			5,00	5	100%
Tiêu chí 8.2				5					
Tiêu chí 8.3				5					
Tiêu chí 8.4				5					
Tiêu chí 8.5				5					
Tiêu chuẩn 9							4,00	5	100%

Tiêu chí 9.1				4						
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5				4						
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2				4				4,00	6	100%
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1				4				4,00	5	100%
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,37	50	100%

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Phần IV. Phụ lục 7. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 13/12/2021

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
Tiếng Việt: Trường Đại học Tây Nguyên
Tiếng Anh: Tay Nguyen University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
Tiếng Việt: Không
Tiếng Anh: TNU
3. Tên trước đây (nếu có): Không
4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: 567 Lê Duẩn, phường EaTam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 0262. 3825 185. Số fax: 0262. 3825 184
7. E-mail: dhntn@ttn.edu.vn; Website: ttn.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1977
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1977
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1983
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐
Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
Tiếng Việt: Khoa Y Dược
Tiếng Anh: Faculty of Medicine and Pharmacy
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
Tiếng Việt: Không
Tiếng Anh: Không
14. Tên trước đây (nếu có)
Tiếng Việt: Khoa Y
Tiếng Anh:
15. Mã CTĐT: .7720301
16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Điều dưỡng
17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: 567 Lê Duẩn, phường EaTam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
18. Số điện thoại liên hệ: 02623825181; Email: vanphongkhoayduoc@gmail.com;
Website: <https://www.ttn.edu.vn/index.php/kyd>
19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1977
20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): .2004
21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): .2008

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT:

Qua hơn 44 năm hình thành và phát triển, khoa Y dược không ngừng lớn mạnh và đạt được nhiều thành tựu trong đào tạo và nghiên cứu khoa học. Khoa Y dược có số lượng sinh viên đông đảo với 02 chương trình đào tạo sau đại học: Thạc sĩ Y sinh, chuyên khoa I Nội tổng quát và 03 chương trình đào tạo đại học: Y khoa, Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học. Khoa luôn định hướng và có kế hoạch phát triển phù hợp với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao cho khu vực Tây Nguyên và cả nước. Lực lượng bác sĩ, điều dưỡng tốt nghiệp từ Khoa Y Dược, Trường Đại học Tây Nguyên đang là những nhân lực giữ vị trí quan trọng trong hệ thống y tế ở nhiều địa phương trong cả nước đặc biệt là khu vực 05 tỉnh Tây Nguyên.

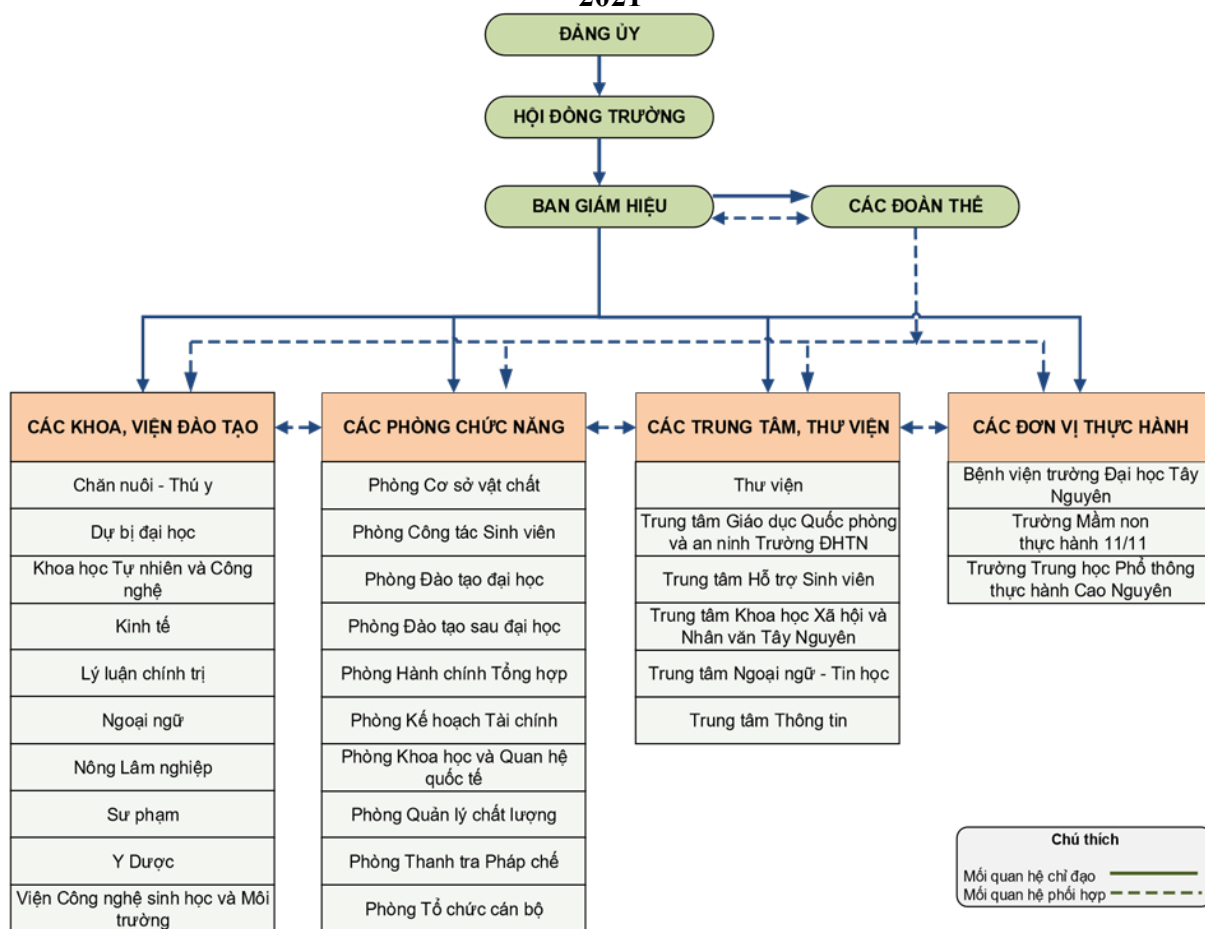
Bộ môn Điều dưỡng là một trong 18 bộ môn trực thuộc khoa Y Dược, trường Đại học Tây Nguyên; được thành lập từ năm 2002 với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với sự phát triển của ngành điều dưỡng. Bộ môn đã kiện toàn tổ chức, xây dựng chương trình và biên soạn bài giảng, giáo trình giảng dạy có chất lượng tốt. Cán bộ giảng dạy của Bộ môn đã không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng các yêu cầu giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới. Cán bộ bộ môn đã được gửi đi đào tạo ở các Trường có uy tín trong và ngoài nước như Đại học Y dược Thành Phố Hồ Chí Minh, Đại học Điều dưỡng Nam Định, Đại Học Y dược Huế, Đại Học Burapha (Thái Lan), Đại học Wollongong (Úc), Đại học FINDER (Úc). Do đó, hiện nay đội ngũ cán bộ của Bộ môn đã dần kiện toàn về quy mô số lượng và chất lượng.

Cùng với sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Trường, sự phối hợp nhịp nhàng với các phòng chức năng liên quan, hoạt động nghiên cứu khoa học của Bộ môn ngày càng phát triển và đạt được những thành tích đáng khích lệ. Nhiều cán bộ của Bộ môn có nhiều kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, đã và đang chủ trì, tham gia nhiều đề tài khoa học các cấp. Bộ môn cũng đã xuất bản 2 quyển sách tham khảo phục vụ cho công tác giảng dạy.

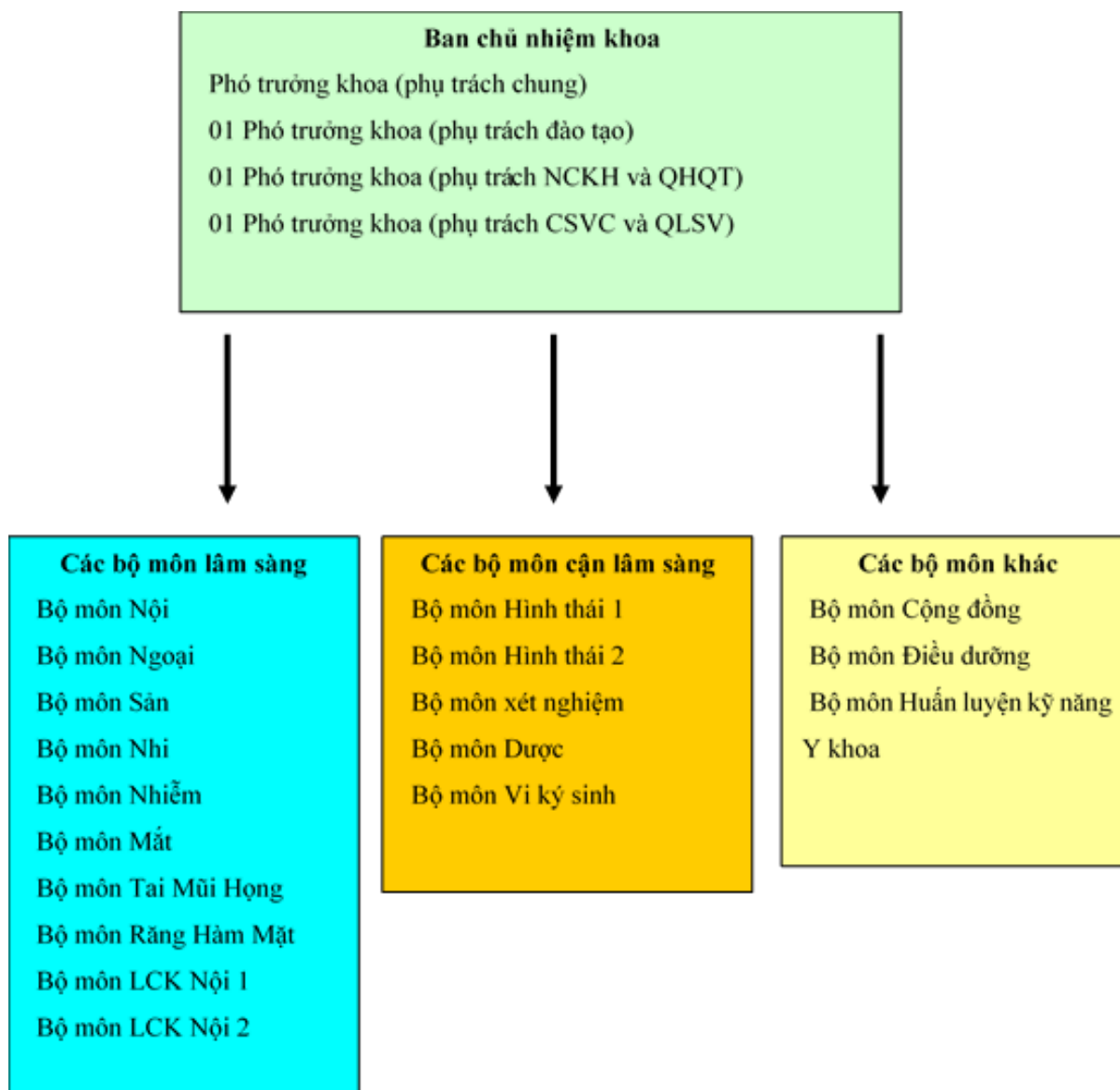
Với những đóng góp và thành tích đã đạt được trong hơn 15 năm qua, tập thể cán bộ Bộ môn Điều dưỡng đã nhận được nhiều thành tích khen thưởng: nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, 01 Bằng khen của UBND tỉnh Đắk Lắk(2012), 02 cá nhân nhận được Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Giáo dục (2007); Nhiều cán bộ nhiều năm đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, và danh hiệu LĐTT.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN NĂM 2021



CƠ CẤU HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA KHOA Y DƯỢC



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

STT	Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1	Hiệu trưởng	Nguyễn Thanh Trúc		GVC, Tiến sĩ	0905467699	nttruc@ttn.edu.vn
2	Phó Hiệu trưởng	Trần Trung Dũng		GVCC, PGS -TS.	0916084089	ttdung@ttn.edu.vn
3	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Văn Nam		GVCC, PGS-TS.	0766789268	nvnam@ttn.edu.vn

4	Phó Hiệu trưởng	Lê Đức Niêm		GVCC, PGS-TS.	0964061111	tdniem@ttn.edu.vn
	Chủ tịch Hội đồng Trường	Nguyễn Thị Tĩnh		TS.		nttinh@ttn.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1	Phó trưởng khoa phụ trách chung	Phùng Minh Lương		GVCC, PGS-TS.	0913475506	pmluong@ttn.edu.vn
2	Phó trưởng khoa	Thái Quang Hùng		TS	0905224480	tqhung@ttn.edu.vn
3	Phó trưởng khoa	Đình Hữu Hùng		TS	0905291295	dhhung@ttn.edu.vn
II	Các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội					
1	Bí thư Đảng bộ	Nguyễn Thanh Trúc		GVC, TS	0905467699	nttruc@ttn.edu.vn
2	Chủ tịch CĐ	Nguyễn Tuấn Hùng		GVC, TS	0913448299	nthung@ttn.edu.vn
3	Đoàn thanh niên	Vũ Nhật Phương		ThS	0918061213	vnphuong@ttn.edu.vn
III	Các phòng, ban					
1	Phòng CTSV	Phạm Trọng Lượng		GVC, ThS, Trưởng phòng	0915855887	ptluong@ttn.edu.vn
2	Phòng ĐTDH	Nguyễn Phương Đại Nguyên		GVCC, PGS-TS, Trưởng phòng	0914032103	npdnguyen@ttn.edu.vn
3	Phòng ĐTSDH	Đào Xuân Thu		GVC, TS, Trưởng phòng	0914130031	dxthu@ttn.edu.vn
4	Phòng HCTH	Nguyễn Tuấn Hùng		GVC, TS, Trưởng phòng	0913448299	nthung@ttn.edu.vn
5	Phòng KHTC	Lê Thế Phiệt		GVC, TS, Trưởng phòng	0913484099	ltphiet@ttn.edu.vn
6	Phòng KHQHQT	Văn Tiến Dũng		GVCC, PGS-TS, Trưởng phòng	0914075140	vtdung@ttn.edu.vn
7	Phòng CSV	Phạm Văn Thành		CV, ThS, Trưởng phòng	0774646868	pvthanh@ttn.edu.vn

8	Phòng TTPC	Nguyễn Thanh Tân		GVC, TS, Trưởng phòng	0914581199	nttan@ttn.edu.vn
9	Phòng TCCB	Võ Hồng Sinh		GVC, TS, Trưởng phòng	0982734220	vhsing@ttn.edu.vn
10	Phòng QLCL	Huỳnh Văn Quốc		GVC, ThS, Trưởng phòng	0912857475	hvquoc@ttn.edu.vn
IV	Các trung tâm, viện trực thuộc					
1	Thư viện	Vũ Thị Giang		CV, ThS. Giám đốc	0907699772	vtgiang@ttn.edu.vn
2	Trung tâm Thông tin	Phạm Văn Thuận		GVC, ThS, Giám đốc	0985214421	pvthuan@ttn.edu.vn
3	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	Hồ Thị Phụng		GV, ThS, Giám đốc	0934776669	htphuong@ttn.edu.vn
4	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên	Bùi Ngọc Tân		GV, ThS, Giám đốc	0918061213	bntan@ttn.edu.vn
5	Viện Công nghệ Sinh học - Môi trường	Nguyễn Anh Dũng		GVCC, PGS-TS, Viện trưởng	0905426524	nadung@ttn.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: Không

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 03

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): Chuyên khoa cấp 1: 01

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): Không

32. Tổng số các ngành đào tạo: 03

33. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người)

TT	Trình độ	Số lượng người	Tỉ lệ (%)	Phân loại theo giới (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	GS	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	PGS. TS	03	2,6	03	0	0	0	0	02	01
3	Tiến sĩ	05	4,3	05	0	0	0	01	02	0
4	Thạc sĩ	45	38,8	12	33	04	27	04	06	0
5	BS CKII	02	1,7	02	0	0	0	02	0	0
6	BS CKI	07	6,0	02	05	0	02	04	01	0
7	BS	25	21,6	09	16	21	13	0	01	0
8	Đại học	21	18,1	09	12	06	12	0	03	0
9	Khác	08	6,9	04	04	01	04	0	03	0
	Tổng	116	100	46	70	32	59	10	18	01

33.1 Tuổi trung bình của GV cơ hữu:

33.2 Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 8.62%.

33.3 Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 44,82%.

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	7,1	52,4
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	20,2	34,1
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	36,9	8,5
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	28,6	2,4
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	7,1	2,4
Tổng		99,9	99,8

35. NH bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh. Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số NH trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm trúng tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2016-2017	368	88		28	22		0
2017-2018	674	81		63	20,75		0
2018-2019	641	104		64	17,5		0
2019-2020	440	85		53	19		0
2020-2021	207	140		64	19		0

36. Thống kê, phân loại số lượng NH theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy:

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. SV đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	365	343	342	320	284
Hệ không chính quy	279	314	181	162	185
4. SV cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN	0	0	0	0	0
Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

37. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng người	0	0	0	0	0
Tỷ lệ % trên tổng số NH	0	0	0	0	0

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2015-2016	315	76	1:4	65	22		0
2016-2017	368	88	1:4	28	22		0
2017-2018	674	81	1:8	63	20.75		0
2018-2019	641	104	1:6	64	17.5		0
2019-2020	440	85	1:5	53	19		0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	28	63	64	53	
Hệ không chính quy	100				36
4. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác ...	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng người	0	0	0	0	0
Tỷ lệ % trên tổng số NH	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	420p(23.402m ²)	444p(24.026m ²)	452p(24.026m ²)	452p(24.026m ²)
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)				
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)				
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)				

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0	0	0	0

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	2	2	1	1	2
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	102	213	165	58	71
Trong đó:					
Hệ chính quy	42	60	36	18	31
Hệ không chính quy	60	153	129	40	40
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp
--------------	----------------

	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	42	60	36	18	31
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	90	88	82	82	74
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	82,1	86,5	87,5	87,5	
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	17,9	13,5	12,5	12,5	
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	4.65	4.6	4.8	5.8	
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0						
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0				1		1
3	Đề tài cấp trường	0,5	6	3	11	3	11	17
	Tổng							18

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 18

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 18/112

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	20...			
2	20...			
3	20...			
4	20...			
5	20...			

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài		02		
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài			40	
Tổng số cán bộ tham gia		11	98	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0						
2	Sách giáo trình	1,5						
3	Sách tham khảo	1,0				01	03	4
4	Sách hướng dẫn	0,5				01		0,5
	Tổng							4,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 4,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,5/112

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách				1
Từ 4 đến 6 cuốn sách			4	
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia			11	1

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	1	3	6,0
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0			16	12	12	40
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	14	9	15	12	15	32,5
	Tổng		14	9	31	25	27	

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 106

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $106/112 = 0.95$

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	4	28	15
Từ 6 đến 10 bài báo		2	
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia	4	30	15

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2017	2018	2019	2020	2021	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0						
2	Hội thảo trong nước	0,5	3	4	7	8		11
3	Hội thảo cấp trường	0,25				3	3	1,5
	Tổng							12,5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 12,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 12,5/112

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	1		
Từ 6 đến 10 báo cáo			6
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo		22	
Tổng số cán bộ tham gia		22	6

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(*Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố*)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2017	2018	2019	2020	2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo			1		
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 396.892,7

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 98.263,2

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 2.555,4 Nơi học: 13328,84 Nơi vui chơi giải trí: 5172

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 10535,84

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1.39

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 8301

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 129

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 37

- Dùng cho người học học tập: 00

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,07

Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng, Trường Đại học Tây Nguyên

lg: Khoa Y Dược

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
Số 1819/QĐ-ĐHTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Lắk, ngày 15 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng, trường Đại học Tây Nguyên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-ĐHTN-QLCL ngày 04/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành Quy trình tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông báo số 967/TB-ĐHTN-QLCL về việc Kết luận công tác tự đánh giá chương trình đào tạo;

Xét đề nghị ngày 06/10/2021 của Trưởng khoa Y Dược và Trưởng phòng Quản lý chất lượng;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập “Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng” trường Đại học Tây Nguyên, gồm các viên chức có tên trong danh sách các phụ lục kèm theo.

Điều 2. - Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Y khoa theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Công văn hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;

- Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công;

- Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. - Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1332/QĐ-ĐHTN ngày 15/7/2020 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng;

- Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Lãnh đạo các đơn vị liên quan và các viên chức có tên trong danh sách tại **Điều 1** chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB (S15b).



TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục I
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO
TẠO NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG, TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1879/QĐ-ĐHTN ngày 15 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên	Chức vụ/Chức danh	Nhiệm vụ
1.	TS. Nguyễn Thanh Trúc	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2.	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam	Phó Hiệu trưởng	P.Chủ tịch HĐ
3.	PGS.TS. Phùng Minh Lương	PTK. Y Dược (PTC)	P. Chủ tịch HĐ
4.	TS. Thái Quang Hùng	PTK. Y Dược	Thư ký
5.	ThS. Huỳnh Văn Quốc	TP. QLCL, Đại diện Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Thành viên
6.	TS. Nguyễn Thị Tình	CT. Hội đồng Trường	Thành viên
7.	ThS. Phạm Văn Thành	TP. Cơ sở vật chất	Thành viên
8.	TS. Đinh Hữu Hùng	PTK. Y Dược	Thành viên
9.	PGS.TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên	TP. Đào tạo Đại học	Thành viên
10.	ThS. Nguyễn Thị Kim Quyên	P.BM. Điều dưỡng (PTC)	Thành viên
11.	ThS. Trịnh Ngọc Thảo Vy	TBM. Xét nghiệm	Thành viên
12.	ThS. Trần Thị Bích Dân	P.BM. Hình thái 2	Thành viên
13.	ThS. Nguyễn Văn Long	P.BM. Nội	Thành viên
14.	ThS. Vũ Thị Lan Anh	Giảng viên	Thành viên
15.	ThS. Phan Thị Huyền Trang	Giảng viên	Thành viên
16.	ThS. Chu Thị Giang Thanh	Giảng viên	Thành viên
17.	ThS. Vũ Thị Thu Hương	P. BM Điều dưỡng	Thành viên
18.	CN. Lê Thị Thảo	Giảng viên	Thành viên
19.	CN. Hà Thị Thanh Trang	Giảng viên	Thành viên
20.	CN. Nguyễn Thị Quỳnh Như	Giảng viên	Thành viên
21.	SV. Man Thị Băng Trâm	Sinh viên lớp Điều dưỡng K19	Thành viên

Danh sách gồm có 21 người

Phụ lục II
DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
 (Ban hành kèm theo Quyết định số: 1819/QĐ-ĐHTN ngày 15 tháng 10 năm 2021
 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên	Chức vụ/Chức danh	Nhiệm vụ
1	ThS. Phan Thị Huyền Trang	Giảng viên khoa Y Dược	Trưởng Ban
2	ThS. Nguyễn Thanh Thảo	Giảng viên khoa Y Dược	Thành viên
3	ThS. Trần Thị Nguyễn Đăng	Giảng viên khoa Y Dược	Thành viên
4	CN. Nguyễn Thị Như Quỳnh	Giảng viên Khoa Y Dược	Thành viên
5	ThS. Trần Thị Minh Tâm	Giảng viên khoa Y Dược	Thành viên
6	ThS. Nguyễn Thị Thủy Hằng	Giảng viên khoa Y Dược	Thành viên
7	ThS. Nguyễn Thị Kim Quyên	P.BM Điều dưỡng	Thành viên
8	ThS. Chu Thị Giang Thanh	Giảng viên khoa Y Dược	Thành viên
9	CN. Nguyễn Thị Hoa	Trợ lý khoa Y Dược	Thành viên

Danh sách có 9 người

Phụ lục III
DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

TT	Họ và tên	Chức vụ/Chức danh	Nhiệm vụ
Nhóm 1	ThS. Chu Thị Giang Thanh	Giảng viên	Trưởng nhóm
	ThS. Trần Thị Bích Dân	P.BM. Hình thái 2	Thành viên
	ThS. Vũ Thị Lan Anh	P. BM Y tế công cộng	Thành viên
	BS. Tô Hoài Tường	Giảng viên	Thư ký
Nhóm 2	ThS. Trịnh Ngọc Thảo Vy	TBM Xét nghiệm	Trưởng nhóm
	CN. Lê Thị Thảo	Giảng viên	Thành viên
	ThS. Nguyễn Tiến Công	Giảng viên	Thành viên
	ThS. Nguyễn Thanh Thảo	Giảng viên	Thư ký
Nhóm 3	ThS. Nguyễn Thị Kim Quyên	P.BM Điều dưỡng (PTC)	Trưởng nhóm
	ThS. Mai Ngọc Ba	Giảng viên	Thành viên
	ThS. Trần Thị Minh Tâm	Giảng viên	Thành viên
	CN. Trần Thị Thu Hiền	Giảng viên	Thư ký
Nhóm 4	ThS. Vũ Thị Thu Hương	P.BM Điều dưỡng	Trưởng nhóm
	BS. Lê Hồng Ngân	Giảng viên	Thành viên
	CN. Nguyễn Thị Như Quỳnh	Giảng viên	Thành viên
	ThS. Lê Thị Xuân Quyên	Giảng viên	Thư ký
Nhóm 5	ThS. Phan Thị Huyền Trang	Giảng viên	Trưởng nhóm
	CN. Phan Hoài Thái Bảo	Giảng viên	Thành viên
	CN. Nguyễn Thị Hoa	Trợ lý khoa	Thành viên
	CN. Hà Thị Thanh Trang	Giảng viên	Thư ký